



# TÀI LIỆU

## PHIÊN HỌP LẦN THỨ NHẤT

### ỦY BAN QUỐC GIA VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Tài liệu có thể được tải về tại:



Hà Nội, tháng 11/2021

## DANH MỤC TÀI LIỆU

<b>1. CHƯƠNG TRÌNH PHIÊN HỌP LẦN THỨ NHẤT</b>	<b>2</b>
<b>2. QUYẾT ĐỊNH KIẾN TOÀN VÀ ĐỔI TÊN ỦY BAN QUỐC GIA</b>	<b>3</b>
<b>3. DANH SÁCH THÀNH VIÊN VÀ LÃNH ĐẠO TỔ CÔNG TÁC GIÚP VIỆC</b>	<b>7</b>
<b>4. DỰ THẢO QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN QUỐC GIA</b>	<b>14</b>
<b>5. BÁO CÁO TÓM TẮT ĐỀ XUẤT KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2022</b>	<b>21</b>
<b>6. BÁO CÁO MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2020 <i>(tài liệu riêng kèm theo)</i></b>	
<b>7. DỰ THẢO KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN QUỐC GIA NĂM 2022</b>	<b>30</b>
<b>8. VĂN BẢN THAM KHẢO KÈM THEO</b>	<b>56</b>
<b>8.1. Quyết định phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số Quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030</b>	<b>57</b>
<b>8.2. Quyết định phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030</b>	<b>81</b>
<b>8.3. Dự thảo Quyết định phê duyệt Chiến lược Quốc gia phát triển Kinh tế số và Xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030</b>	<b>111</b>

**CHƯƠNG TRÌNH PHIÊN HỌP LẦN THỨ NHẤT  
CỦA ỦY BAN QUỐC GIA VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ**  
*(Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2021)*

---

<b>Thời gian</b>	<b>Nội dung</b>
14h00	<b>Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, thông qua Chương trình Phiên họp</b>
14h10	<b>Công bố Quyết định thành lập Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số</b>
14h25	<b>Phát biểu khai mạc</b> Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính Chủ tịch Ủy ban
	<b>Báo cáo đề dẫn thảo luận về chuyển đổi số quốc gia</b> Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Nguyễn Mạnh Hùng
	<b>Đề xuất Kế hoạch chuyển đổi số năm 2022 và một số kiến nghị về chính sách</b> Thứ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Nguyễn Huy Dũng
	<b>Thảo luận chung</b> Chủ trì thảo luận: Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính - Chủ tịch Ủy ban - Ý kiến phát biểu của các Ủy viên Ủy ban - Ý kiến phát biểu của một số địa phương - Ý kiến phát biểu của một số doanh nghiệp
16h30	<b>Phát biểu của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Nguyễn Mạnh Hùng</b> Phó Chủ tịch Ủy ban
16h45	<b>Phát biểu của Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam</b> Phó Chủ tịch thường trực Ủy ban
17h00	<b>Phát biểu kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính</b> Chủ tịch Ủy ban

*Tài liệu họp có thể được tải về tại:*



**QUYẾT ĐỊNH**

**Kiện toàn và đổi tên Ủy ban Quốc gia về Chính phủ điện tử**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Quyết định số 34/2007/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành;*

*Thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025;*

*Thực hiện Nghị quyết số 69/NQ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8 năm 2019;*

*Thực hiện Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** KIỆN TOÀN VÀ ĐỔI TÊN Ủy ban Quốc gia về Chính phủ điện tử thành Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số (sau đây gọi tắt là Ủy ban), gồm các thành viên sau đây:

1. Chủ tịch Ủy ban: Thủ tướng Chính phủ.
2. Phó Chủ tịch thường trực Ủy ban: Phó Thủ tướng Chính phủ trực tiếp theo dõi, chỉ đạo lĩnh vực thông tin và truyền thông.
3. Phó Chủ tịch Ủy ban: Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.
4. Các Ủy viên Ủy ban:
  - Bộ trưởng Bộ Công an;

- Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ;
- Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ trưởng Bộ Tài chính;
- Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ trưởng Bộ Nội vụ;
- Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ trưởng Bộ Y tế;
- Bộ trưởng Bộ Công Thương;
- Bộ trưởng Bộ Xây dựng;
- Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Thứ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

## **Điều 2. Chức năng của Ủy ban**

Nghiên cứu, đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, phối hợp thực hiện các chủ trương, chiến lược, cơ chế, chính sách tạo môi trường pháp lý thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số quốc gia, gắn kết chặt chẽ với cải cách hành chính; xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh; tạo thuận lợi cho việc triển khai Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tại Việt Nam.

## **Điều 3. Nhiệm vụ của Ủy ban**

1. Nghiên cứu, đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phương hướng, giải pháp để giải quyết những vấn đề trong thực hiện các chủ trương, chiến lược, cơ chế, chính sách thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số quốc gia, gắn kết chặt chẽ với cải cách hành chính; xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh; tạo thuận lợi cho việc triển khai Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tại Việt Nam.

Cho ý kiến về các chiến lược, chương trình, cơ chế, chính sách, đề án, dự án liên quan đến chuyển đổi số; xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh thuộc thẩm quyền quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2. Giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chuyển đổi số, xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh; điều phối việc thực hiện các chiến lược, chương trình, cơ chế, chính sách, đề án, dự án, giải pháp có tính chất liên ngành về chuyển đổi số, xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh; điều phối chung việc triển khai Chương trình Chuyển đổi số quốc gia; theo dõi, điều phối thực hiện các nội dung liên quan của Chiến lược quốc gia về Cách mạng công

nghiệp lần thứ tư đến năm 2030.

3. Giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các chiến lược, chương trình, cơ chế, chính sách, đề án, dự án, giải pháp có tính chất liên ngành về chuyển đổi số, xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh; đôn đốc việc triển khai Chương trình Chuyển đổi số quốc gia.

Sơ kết, đánh giá tình hình, kết quả triển khai các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm về chuyển đổi số; xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh.

4. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

#### **Điều 4. Tổ chức và hoạt động của Ủy ban**

1. Các thành viên Ủy ban làm việc theo Quy chế hoạt động của Ủy ban. Chủ tịch Ủy ban, Phó Chủ tịch thường trực Ủy ban sử dụng con dấu của Thủ tướng Chính phủ, các thành viên khác sử dụng con dấu của cơ quan mình.

2. Thành lập Tổ công tác giúp việc Ủy ban (sau đây gọi tắt là Tổ công tác) đặt tại Bộ Thông tin và Truyền thông do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông làm Tổ trưởng và có Tổ phó gồm Thứ trưởng các Bộ: Thông tin và Truyền thông, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Xây dựng; lãnh đạo Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

Tổ công tác gồm đại diện lãnh đạo cấp Vụ của các Bộ, cơ quan: Công an, Văn phòng Chính phủ, Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Công Thương, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Thông tin và Truyền thông, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Quốc phòng, Tư pháp, Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, Ban Cơ yếu Chính phủ, lãnh đạo và chuyên gia Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam, Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam, Công ty Cổ phần FPT và một số chuyên gia về Chính phủ điện tử, Chính phủ số, chuyển đổi số, kinh tế số, đô thị thông minh, xã hội số trong nước và quốc tế. Trong trường hợp cần thiết, Tổ công tác được huy động các chuyên gia tư vấn trong và ngoài nước để thực hiện nhiệm vụ được giao.

Bộ Thông tin và Truyền thông làm nhiệm vụ thường trực của Ủy ban và Tổ công tác; bảo đảm các điều kiện cần thiết cho hoạt động của Ủy ban và Tổ công tác.

3. Tổ trưởng Tổ công tác trình Chủ tịch Ủy ban phê duyệt danh sách thành viên Ủy ban, lãnh đạo Tổ công tác, Kế hoạch hoạt động và Quy chế hoạt động của Ủy ban; phê duyệt danh sách thành viên và ban hành Quy chế hoạt động của Tổ công tác.

4. Các thành viên của Ủy ban và Tổ công tác làm việc theo chế độ kiêm

nhệm và được hưởng các chế độ theo quy định hiện hành.

5. Kinh phí hoạt động của Ủy ban và Tổ công tác được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước cấp cho Bộ Thông tin và Truyền thông và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

### **Điều 5. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 701/QĐ-TTg ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ kiện toàn Ủy ban Quốc gia về Chính phủ điện tử.

2. Căn cứ Quyết định này, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương kiện toàn và đổi tên Ban Chỉ đạo xây dựng Chính phủ điện tử/chính quyền điện tử của bộ, ngành, địa phương thành Ban Chỉ đạo chuyển đổi số do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương làm Trưởng ban.

3. Các thành viên Ủy ban và Tổ công tác, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KSTT (3b).

**THỦ TƯỚNG**



**Phạm Minh Chính**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Danh sách thành viên  
Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số và lãnh đạo  
Tổ công tác giúp việc Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Quyết định số 34/2007/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành;*

*Căn cứ Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiện toàn và đổi tên Ủy ban Quốc gia về Chính phủ điện tử;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phê duyệt Danh sách thành viên Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số theo Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là Ủy ban), gồm:**

1. Ông Phạm Minh Chính, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban.
2. Ông Vũ Đức Đam, Phó Thủ tướng Chính phủ, Phó Chủ tịch thường trực Ủy ban.
3. Ông Nguyễn Mạnh Hùng, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, Phó Chủ tịch Ủy ban.
4. Đại tướng Tô Lâm, Bộ trưởng Bộ Công an, Ủy viên.
5. Ông Trần Văn Sơn, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Ủy viên.
6. Ông Huỳnh Thành Đạt, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy viên.
7. Ông Hồ Đức Phớc, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Ủy viên.



8. Ông Nguyễn Chí Dũng, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy viên.
9. Bà Phạm Thị Thanh Trà, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Ủy viên.
10. Ông Nguyễn Kim Sơn, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy viên.
11. Ông Nguyễn Thanh Long, Bộ trưởng Bộ Y tế, Ủy viên.
12. Ông Nguyễn Hồng Diên, Bộ trưởng Bộ Công Thương, Ủy viên.
13. Ông Nguyễn Thanh Nghị, Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Ủy viên.
14. Ông Lê Minh Hoan, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy viên.
15. Bà Nguyễn Thị Hồng, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ủy viên.
16. Ông Nguyễn Huy Dũng, Thứ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, Ủy viên.

**Điều 2. Phê duyệt Danh sách lãnh đạo Tổ công tác giúp việc Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số (sau đây gọi tắt là Tổ công tác), gồm:**

1. Ông Nguyễn Mạnh Hùng, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, Tổ trưởng.
2. Ông Phạm Anh Tuấn, Thứ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, Tổ phó.
3. Ông Nguyễn Huy Dũng, Thứ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, Tổ phó.
4. Ông Trần Duy Đông, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tổ phó.
5. Ông Nguyễn Sinh Nhật Tân, Thứ trưởng Bộ Công Thương, Tổ phó.
6. Ông Nguyễn Văn Sinh, Thứ trưởng Bộ Xây dựng, Tổ phó.
7. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh, Phó Chủ tịch Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Tổ phó.

**Điều 3. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1160/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh sách thành viên Ủy ban Quốc gia về Chính phủ điện tử và lãnh đạo Tổ công tác giúp việc Ủy ban Quốc gia về Chính phủ điện tử. Trong trường hợp cần thiết, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc bổ sung, thay thế thành viên Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số và lãnh đạo Tổ công tác.

2. Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt danh sách thành viên Tổ công tác, thành lập các nhóm thuộc Tổ công tác, trưng tập thành viên và huy động chuyên gia.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các thành viên Ủy ban và Tổ công tác có tên tại Điều 1 và Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN,  
Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT,  
các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KSTT (2b). 46



**Phạm Minh Chính**

## DANH SÁCH

### Các thành viên của Tổ công tác giúp việc Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số

---

1. Ông Nguyễn Mạnh Hùng, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, Tổ trưởng;
2. Ông Phạm Anh Tuấn, Thứ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, Tổ phó;
3. Ông Nguyễn Huy Dũng, Thứ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, Tổ phó;
4. Ông Trần Duy Đông, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tổ phó;
5. Ông Nguyễn Sinh Nhật Tân, Thứ trưởng Bộ Công Thương, Tổ phó;
6. Ông Nguyễn Văn Sinh, Thứ trưởng Bộ Xây dựng, Tổ phó;
7. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh, Phó Chủ tịch Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Tổ phó;
8. Ông Đỗ Công Anh, Cục trưởng Cục Tin học hóa, Bộ Thông tin và Truyền thông, thành viên thường trực;
9. Thiếu tướng Vũ Hữu Tài, Phó Chánh Văn phòng Bộ, Bộ Công an, thành viên;
10. Thiếu tướng Lê Minh Mạnh, Phó Cục trưởng Cục An ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Bộ Công an, thành viên;
11. Ông Ngô Hải Phan, Cục trưởng Cục Kiểm soát thủ tục hành chính, Văn phòng Chính phủ, thành viên;
12. Ông Nguyễn Hoàng Linh, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng, Bộ Khoa học và Công nghệ, thành viên;
13. Ông Trần Anh Tú, Phó Vụ trưởng Vụ Công nghệ cao, Bộ Khoa học và Công nghệ, thành viên;
14. Ông Nguyễn Minh Tân, Phó Vụ trưởng Vụ Ngân sách nhà nước, Bộ Tài Chính, thành viên;
15. Bà Vũ Thị Hải Yến, Phó Vụ trưởng Vụ Tài chính Hành chính sự nghiệp, Bộ Tài chính, thành viên;
16. Ông Nguyễn Việt Hùng, Phó Cục trưởng Cục Tin học và Thống kê tài chính, Bộ Tài chính, thành viên;
17. Bà Nguyễn Thị Hương, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, thành viên;
18. Ông Trịnh Đức Trọng, Phó Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng và đô thị, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, thành viên;

19. Ông Nguyễn Như Sơn, Giám đốc Trung tâm Tin học, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, thành viên;
20. Ông Đặng Thanh Tùng, Cục trưởng Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước, Bộ Nội vụ, thành viên;
21. Ông Nguyễn Sơn Hải, Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin, Bộ Giáo dục và Đào tạo, thành viên;
22. Ông Phạm Xuân Viêt, Phó Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin, Bộ Y tế, thành viên;
23. Ông Nguyễn Thế Quang, Phó Cục trưởng Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số, Bộ Công Thương, thành viên;
24. Ông Nguyễn Ngọc Quang, Giám đốc Trung tâm Thông tin, Bộ Xây dựng, thành viên;
25. Ông Đặng Duy Hiền, Phó Chánh Văn phòng Bộ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thành viên;
26. Ông Đoàn Thanh Hải, Phó Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, thành viên;
27. Ông Lê Anh Dũng, Phó Vụ trưởng Vụ Thanh toán, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, thành viên;
28. Ông Nguyễn Trọng Đường, Phó Vụ trưởng Vụ Quản lý doanh nghiệp, Bộ Thông tin và Truyền thông, thành viên;
29. Ông Nguyễn Ngọc Hải, Phó Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông, thành viên;
30. Bà Nguyễn Minh Hằng, Phó Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Bộ Thông tin và Truyền thông, thành viên;
31. Ông Hoàng Minh Cường, Cục trưởng Cục Viễn thông, Bộ Thông tin và Truyền thông, thành viên;
32. Ông Nguyễn Phú Tiên, Phó Cục trưởng Cục Tin học hóa, Bộ Thông tin và Truyền thông, thành viên;
33. Ông Nguyễn Hữu Hạnh, Phó Cục trưởng Cục Tin học hóa, Bộ Thông tin và Truyền thông, thành viên;
34. Bà Trần Thị Quốc Hiền, Phó Cục trưởng Cục Tin học hóa, Bộ Thông tin và Truyền thông, thành viên;
35. Ông Nguyễn Thành Phúc, Cục trưởng Cục An toàn thông tin, Bộ Thông tin và Truyền thông, thành viên;
36. Ông Trần Duy Ninh, Cục trưởng Cục Bưu điện Trung ương, Bộ Thông tin và Truyền thông, thành viên;

37. Ông Nguyễn Hồng Thắng, Giám đốc Trung tâm Internet Việt Nam, Bộ Thông tin và Truyền thông, thành viên;
38. Ông Nguyễn Thiện Nghĩa, Phó Giám đốc Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia, Bộ Thông tin và Truyền thông, thành viên;
39. Ông Lê Phú Hà, Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường, thành viên;
40. Ông Lê Thanh Tùng, Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin, Bộ Giao thông vận tải, thành viên;
41. Thiếu tướng Tống Viết Trung, Phó Tư lệnh, Bộ Tư lệnh Tác chiến không gian mạng (Bộ Tư lệnh 86), Bộ Quốc phòng, thành viên;
42. Ông Nguyễn Văn Cương, Viện trưởng Viện Khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp, thành viên;
43. Bà Nguyễn Thị Hạnh, Phó Vụ trưởng Vụ Pháp luật hình sự - hành chính, Bộ Tư pháp, thành viên;
44. Ông Hồ Đức Thắng, Phó Vụ trưởng Vụ Tổng hợp, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, thành viên;
45. Ông Đặng Duy Mẫn, Cục trưởng Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin, Ban Cơ yếu Chính phủ, thành viên;
46. Đại tá Nguyễn Đông Hưng, Phó Cục trưởng Cục Cơ yếu Đảng - Chính quyền, Ban Cơ yếu Chính phủ, thành viên;
47. Ông Lê Quang Tùng, Phó Cục trưởng Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin, Ban Cơ yếu Chính phủ, thành viên;
48. Ông Vũ Tuấn Anh, Trưởng phòng, Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính khối Nội chính, Cục Kiểm soát thủ tục hành chính, Văn phòng Chính phủ, thành viên;
49. Đại tá Nguyễn Đình Chiến, Phó Tổng Giám đốc, Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội, thành viên;
50. Ông Huỳnh Quang Liêm, Tổng Giám đốc, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam, thành viên;
51. Ông Lê Quốc Anh, Phó Tổng giám đốc, Tổng công ty Bưu điện Việt Nam, thành viên;
52. Ông Dương Dũng Triều, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Công ty Hệ thống Thông tin FPT, thành viên;
53. Ông Vĩnh Tuấn Bảo, Phó Tổng giám đốc, Tổng công ty Viễn thông MobiFone, thành viên;

54. Ông Nguyễn Trung Chính, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn công nghệ CMC, thành viên;

55. Bà Hà Mai Lan, Giám đốc Khối Giải pháp Chính phủ, Công ty TNHH Tổng công ty Công nghệ và Giải pháp CMC, thành viên;

56. Ông Nguyễn Thế Trung, Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ DTT, thành viên;

57. Ông Nguyễn Tử Quảng, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành Công ty cổ phần Bkav, thành viên;

58. Ông Hồ Tú Bảo, Giám đốc Phòng thí nghiệm Khoa học dữ liệu, Viện nghiên cứu cao cấp về Toán, thành viên;

59. Ông Nguyễn Nhật Quang, Tổng giám đốc Công ty phần mềm Hải Hòa, thành viên.

DỰ THẢO

**QUY CHẾ**  
**Hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số**

**Chương I**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này quy định về nguyên tắc, nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc và quan hệ công tác của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số (sau đây gọi tắt là Ủy ban).

2. Quy chế này áp dụng đối với các thành viên Ủy ban và Tổ công tác giúp việc Ủy ban (sau đây gọi tắt là Tổ công tác).

**Điều 2. Nguyên tắc làm việc**

1. Ủy ban làm việc dân chủ, công khai và do Chủ tịch Ủy ban quyết định.

2. Ủy ban và thành viên Ủy ban, Tổ công tác và thành viên Tổ công tác không làm thay chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị và người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong hệ thống hành chính nhà nước.

3. Đề cao trách nhiệm cá nhân của các thành viên Ủy ban trong hoạt động của Ủy ban và trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được phân công; giải quyết công việc theo đúng thẩm quyền và trách nhiệm được phân công, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và quy định của Quy chế này.

4. Các thành viên Ủy ban chủ động giải quyết công việc trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số quốc gia, gắn kết chặt chẽ với cải cách hành chính; xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh; tạo thuận lợi cho việc triển khai Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tại Việt Nam.

5. Bảo đảm yêu cầu phối hợp công tác, trao đổi thông tin trong giải quyết công việc theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

## **Chương II**

### **NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CÁC THÀNH VIÊN ỦY BAN**

#### **Điều 3. Chủ tịch Ủy ban**

1. Chỉ đạo, điều hành toàn diện về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và hoạt động của Ủy ban; phân công nhiệm vụ các thành viên Ủy ban; ban hành chương trình, kế hoạch công tác, kiểm tra hàng năm của Ủy ban.

2. Trực tiếp chỉ đạo hoạt động thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số quốc gia, gắn kết chặt chẽ với cải cách hành chính; xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh; tạo thuận lợi cho việc triển khai Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tại Việt Nam.

3. Triệu tập và chủ trì các cuộc họp định kỳ hoặc đột xuất của Ủy ban.

#### **Điều 4. Các Phó Chủ tịch Ủy ban**

1. Phó Chủ tịch thường trực Ủy ban giúp Chủ tịch Ủy ban trực tiếp chỉ đạo các hoạt động của Ủy ban; xem xét, giải quyết các công việc thường xuyên của Ủy ban. Khi Chủ tịch Ủy ban vắng mặt, Phó Chủ tịch thường trực Ủy ban thay mặt Chủ tịch Ủy ban lãnh đạo công tác của Ủy ban.

2. Phó Chủ tịch Ủy ban

a) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban về chuyển đổi số quốc gia; xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số; công nghệ thông tin và viễn thông phục vụ phát triển đô thị thông minh, kinh tế số và xã hội số;

b) Giúp Chủ tịch Ủy ban chỉ đạo, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương xây dựng, tổ chức triển khai kế hoạch chuyển đổi số, xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số, chính quyền điện tử, nhằm đạt được các chỉ tiêu định lượng do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đề ra; yêu cầu các bộ, ngành, địa phương thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo mẫu và tuân thủ thời hạn báo cáo, tiến tới thực hiện chế độ thông tin, báo cáo trực tuyến;

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Chủ tịch Ủy ban.

3. Phó Chủ tịch thường trực Ủy ban và Phó Chủ tịch Ủy ban sau đây được gọi chung là Phó Chủ tịch Ủy ban.

#### **Điều 5. Các Ủy viên Ủy ban**

1. Tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban về các nhiệm vụ liên quan đến chuyển đổi số; xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh; tạo thuận lợi cho việc triển khai Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tại Việt Nam thuộc phạm vi quản lý của cơ quan mình.

Ủy viên Ủy ban là Bộ trưởng Bộ Công an chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban thống nhất quản lý dữ liệu quốc gia về dân cư, bảo đảm an ninh mạng trong quá trình chuyển đổi số.



Ủy viên Ủy ban là Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban trong việc triển khai các nhiệm vụ về cải cách thủ tục hành chính, xây dựng Chính phủ điện tử, chuyển đổi số phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ được Chính phủ giao tại khoản 5 Điều 2 Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030.

Ủy viên Ủy ban là Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban về theo dõi, đôn đốc triển khai Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (ban hành kèm theo Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ).

Ủy viên Ủy ban là Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban về việc theo dõi, đánh giá tình hình và kết quả triển khai Chiến lược quốc gia về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030; chịu trách nhiệm tham mưu nội dung hỗ trợ chuyển đổi số trong doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh.

Ủy viên Ủy ban là Bộ trưởng Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban trong việc kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn triển khai phát triển thương mại điện tử.

Ủy viên Ủy ban là Bộ trưởng Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban trong việc kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn triển khai thúc đẩy phát triển đô thị thông minh.

Ủy viên Ủy ban là Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban trong việc kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn triển khai thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số trong ngành Ngân hàng.

2. Trực tiếp chỉ đạo và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số; xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh; tạo thuận lợi cho việc triển khai Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tại Việt Nam của bộ, cơ quan mình được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao; chỉ đạo lồng ghép các nội dung về chuyển đổi số, xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh trong các chiến lược, chương trình, đề án, dự án của ngành, lĩnh vực do cơ quan mình quản lý, chủ trì thực hiện.

3. Cho ý kiến về các vấn đề liên quan đến chuyển đổi số; xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh; tạo thuận lợi cho việc triển khai Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tại Việt Nam theo chỉ đạo của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban và trực tiếp chỉ đạo, đôn đốc cơ quan mình phụ trách cho ý kiến đúng hạn về các vấn đề này nếu được xin ý kiến.

4. Kịp thời báo cáo Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban về những vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai nhiệm vụ được giao; đề xuất sáng kiến, giải pháp tháo gỡ vướng mắc, khó khăn để thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số quốc gia, gắn kết chặt chẽ với cải cách hành chính; xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh; tạo thuận lợi cho việc triển khai Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tại Việt Nam.

5. Tham dự đầy đủ các cuộc họp Ủy ban, trong trường hợp không thể tham dự phải báo cáo và được sự đồng ý của người chủ trì cuộc họp; trường hợp ủy quyền cho người dự họp thay phải tham gia ý kiến bằng văn bản; cùng các Ủy viên Ủy ban xem xét, trao đổi, báo cáo Chủ tịch Ủy ban quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động của Ủy ban; chịu trách nhiệm triển khai thực hiện các ý kiến kết luận của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban liên quan đến ngành, lĩnh vực cơ quan mình phụ trách.

6. Cử cán bộ, chuyên gia giỏi, tâm huyết tham gia Tổ công tác giúp việc Ủy ban; tạo điều kiện cho những cán bộ, chuyên gia này hoàn thành tốt nhiệm vụ được lãnh đạo Tổ công tác giao. Kịp thời thay thế những cán bộ, chuyên gia không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao theo đề nghị của Tổ trưởng Tổ công tác.

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban giao.

#### **Điều 6. Tổ công tác giúp việc Ủy ban**

1. Xây dựng, trình Chủ tịch Ủy ban ban hành chương trình, kế hoạch công tác, kiểm tra hàng năm của Ủy ban và tổ chức thực hiện. Báo cáo tình hình thực hiện các chương trình, kế hoạch của Ủy ban và kết luận, chỉ đạo của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban.

2. Giúp Ủy ban nghiên cứu, đề xuất về chủ trương, chiến lược, cơ chế, chính sách (bao gồm cơ chế tài chính) và giải pháp thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số quốc gia, gắn kết chặt chẽ với cải cách hành chính; xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh; tạo thuận lợi cho việc triển khai Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tại Việt Nam.

3. Giúp Ủy ban theo dõi, đôn đốc tình hình thực hiện các chiến lược, chương trình, cơ chế, chính sách, đề án, dự án, kế hoạch và giải pháp về chuyển đổi số; xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh tại các bộ, ngành, địa phương; kịp thời báo cáo và tham mưu, đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

4. Chuẩn bị các ý kiến về các vấn đề liên quan đến chuyển đổi số; xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh; tạo thuận lợi cho việc triển khai Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tại Việt Nam; báo cáo Phó Chủ tịch, Chủ tịch Ủy ban xem xét, quyết định.

5. Chuẩn bị nội dung, tài liệu phục vụ các hoạt động và cuộc họp của Ủy ban; chuẩn bị các thông báo, biên bản họp của Ủy ban; đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện kết luận, chỉ đạo của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban; triển khai thực hiện việc sơ kết, đánh giá tình hình, kết quả triển khai các nhiệm vụ, giải pháp

trọng tâm về chuyển đổi số; xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh; tạo thuận lợi cho việc triển khai Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tại Việt Nam.

Báo cáo, đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng các thành viên Ủy ban, Tổ công tác và các bộ, ngành, địa phương hoàn thành tốt nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

6. Trực tiếp làm việc và đề nghị các bộ, ngành, địa phương phối hợp cung cấp các thông tin cần thiết phục vụ cho hoạt động của Ủy ban.

7. Tổ công tác được tổ chức thành các nhóm công tác do Tổ trưởng Tổ công tác quyết định và phân công nhiệm vụ.

8. Báo cáo Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các Ủy viên Ủy ban về tình hình, kết quả hoạt động của Ủy ban và Tổ công tác.

9. Lưu giữ hồ sơ tài liệu liên quan đến hoạt động của Ủy ban.

10. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban giao.

### **Chương III**

## **CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC**

### **Điều 7. Các cuộc họp của Ủy ban**

1. Ủy ban họp định kỳ tối thiểu 02 tháng/01 lần, tùy theo tình hình có thể mời thêm các cơ quan, doanh nghiệp, cá nhân liên quan tham dự, sơ kết 6 tháng và tổng kết cuối năm họp trực tuyến với Ban chỉ đạo chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương hoặc đột xuất theo triệu tập của Chủ tịch Ủy ban. Thành phần tham dự cuộc họp do người chủ trì cuộc họp quyết định.

2. Chủ tịch Ủy ban quyết định triệu tập cuộc họp mở rộng có sự tham gia của người đứng đầu cơ quan chủ trì thực hiện chiến lược, chương trình, đề án, dự án có liên quan đến chuyển đổi số, xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh và một số chuyên gia, nhà khoa học có liên quan.

3. Tổ công tác họp định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của lãnh đạo Tổ công tác.

### **Điều 8. Chế độ làm việc và cơ chế phối hợp**

1. Các thành viên Ủy ban và Tổ công tác làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

2. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban định kỳ hoặc đột xuất làm việc với Ủy viên Ủy ban, Tổ công tác để nghe báo cáo tình hình và chỉ đạo việc thực hiện chương trình, kế hoạch công tác của Ủy ban; định kỳ hoặc đột xuất làm việc với các bộ, ngành, địa phương để chỉ đạo triển khai thực hiện chuyển đổi số; xây dựng, phát

triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh; tạo thuận lợi cho việc triển khai Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tại Việt Nam.

3. Các Ủy viên Ủy ban được quyền giao đơn vị đầu mối chủ trì, huy động các nguồn lực và đội ngũ cán bộ, công chức của cơ quan, đơn vị mình trong thực thi nhiệm vụ được Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban giao; phối hợp với Tổ công tác trong thực hiện nhiệm vụ; báo cáo Chủ tịch Ủy ban về kết quả thực hiện.

4. Tổ trưởng Tổ công tác được trưng tập các thành viên của Tổ công tác và huy động chuyên gia trong nước và quốc tế làm việc tập trung tại Bộ Thông tin và Truyền thông trong thời gian nhất định để giúp Ủy ban nghiên cứu, biên tập các đề án, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và thực hiện các nhiệm vụ khác được giao. Tổ trưởng Tổ công tác tham vấn ý kiến của Bộ Công an đối với việc huy động chuyên gia là người nước ngoài hoặc làm việc cho các tổ chức nước ngoài; chịu trách nhiệm về bảo vệ bí mật nhà nước khi các chuyên gia làm việc tập trung tại Bộ Thông tin và Truyền thông.

### **Điều 9. Kinh phí hoạt động của Ủy ban và Tổ công tác**

1. Kinh phí hoạt động của Ủy ban và Tổ công tác được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của Bộ Thông tin và Truyền thông và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Bộ Thông tin và Truyền thông quản lý kinh phí hoạt động của Ủy ban và Tổ công tác theo quy định của Nhà nước.

2. Việc sử dụng kinh phí bảo đảm hoạt động của Ủy ban thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

### **Điều 10. Trách nhiệm của người đứng đầu các bộ, ngành, địa phương trong quan hệ công tác với Ủy ban**

1. Quán triệt các nội dung chỉ đạo của Ủy ban đề đôn đốc, triển khai thực hiện chuyển đổi số; xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh; tạo thuận lợi cho việc triển khai Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tại Việt Nam thuộc cơ quan, ngành, lĩnh vực mình phụ trách và chịu sự giám sát, kiểm tra của Ủy ban về việc thực hiện các nội dung này. Phối hợp với Tổ công tác đề xuất, kiến nghị các cơ chế, chính sách và giải pháp thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số quốc gia, gắn kết chặt chẽ với cải cách hành chính; xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh; tạo thuận lợi cho việc triển khai Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tại Việt Nam. Chỉ đạo các đơn vị thuộc bộ, ngành, địa phương mình phối hợp chặt chẽ với Tổ công tác thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Chỉ đạo tổ chức triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số; xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh; tạo thuận lợi cho việc triển khai Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tại Việt Nam thuộc cơ quan, ngành, lĩnh vực, địa phương mình phụ trách. Chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện nhiệm vụ được giao; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định và yêu cầu của Ủy ban.

## **Chương IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 11. Tổ chức thực hiện**

1. Chủ tịch Ủy ban có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo các thành viên Ủy ban và Tổ công tác thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có vấn đề phát sinh hoặc cần sửa đổi, bổ sung, Tổ trưởng Tổ công tác trình Chủ tịch Ủy ban xem xét, quyết định.

DỰ THẢO

*Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2021*

## **BÁO CÁO TÓM TẮT ĐỀ XUẤT KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2022**

*(Tài liệu Phiên họp lần thứ nhất của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số)*

Bản dự thảo Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2022 kèm theo. Nội dung thuyết minh tóm tắt đề xuất kế hoạch năm 2022 và đề xuất chính sách cụ thể như sau:

### **A- KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH QUỐC TẾ VÀ TRONG NƯỚC**

Trong giai đoạn từ năm 2018 đến nay, phát triển số, chuyển đổi số, quốc gia số, chính phủ số, kinh tế số, xã hội số<sup>1</sup> là những từ khóa quan trọng, thường xuyên được nhắc tới trong các văn bản chiến lược, kế hoạch hành động ở cấp cao nhất của nhiều quốc gia trên thế giới. Việt Nam gần như đi cùng nhịp với những nước nhanh nhất trên thế giới trong việc ban hành các văn bản về chủ trương, chiến lược quốc gia<sup>2</sup>. Nhờ vậy, kết quả chỉ số xếp hạng Sự trỗi dậy số<sup>3</sup> của các quốc gia năm 2021 do Trung tâm cạnh tranh số châu Âu thực hiện, đánh giá cho 3 năm từ 2018 đến năm 2020 của 137 quốc gia, trong nhóm Đông Á và Thái Bình Dương, Việt Nam được xếp hạng nhất về tốc độ tiến bộ.

Năm 2020, Bộ Thông tin và Truyền thông lần đầu tiên công bố báo cáo chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các bộ, tỉnh. Chỉ số cấp tỉnh đánh giá mức độ chuyển đổi số của tỉnh trên 3 trụ cột lần lượt là chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Trong khi đó, chỉ số cấp bộ chưa đánh giá riêng theo từng trụ cột như cấp tỉnh, mà mới chỉ đánh giá chung, chủ yếu là đánh giá về chính quyền số. Kết quả chỉ số trung bình cấp tỉnh là 0,3 và chỉ số trung bình cấp bộ là 0,4 trên thang điểm tuyệt đối là 1,0. Trong 3 trụ cột, trụ cột chính quyền số có chỉ số trung bình cao hơn so với trụ cột kinh tế số và xã hội số, do kế thừa những kết quả của tiến trình phát triển chính phủ điện tử. Trong các chỉ số, chỉ số yếu nhất hiện nay, ở cả cấp Bộ và cấp tỉnh, là chỉ số nhân lực cho chuyển đổi số. Báo cáo chi tiết trong tài liệu gửi kèm theo.

Trong bối cảnh Covid-19, các quốc gia trên thế giới đều quyết tâm đẩy mạnh hành động, coi chuyển đổi số là giải pháp quan trọng để phòng chống, phục hồi và phát triển sau đại dịch, đòi hỏi Việt Nam phải có hành động mạnh mẽ hơn.

<sup>1</sup> Digital development, digital transformation, digital nation, digital government, digital economy, digital society.

<sup>2</sup> Sau một số nước châu Âu khoảng 1 năm, gần như cùng lúc với Trung Quốc, Hàn Quốc, Singapore, sớm hơn Nhật Bản, Malaysia. Gần đây, nhiều quốc gia trên thế giới cũng liên tục cập nhật, điều chỉnh, bổ sung, ban hành các văn bản mới.

<sup>3</sup> Digital Riser Report 2021.

## B- ĐỀ XUẤT KẾ HOẠCH NĂM 2022

### 1. Mục tiêu

Chương trình Chuyển đổi số quốc gia, Chiến lược Phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, dự thảo Chiến lược phát triển kinh tế số và xã hội số đặt ra khoảng **53** chỉ tiêu định lượng đến năm 2025. Tất cả **53** chỉ tiêu này cần được tổ chức triển khai đồng bộ ngay từ năm 2022. Trong đó lưu ý, đối với năm 2022, có **18** chỉ tiêu quan trọng đề xuất ưu tiên nguồn lực triển khai.

Chỉ tiêu	2020	2021	2022	2025
<b>Hạ tầng số</b>				
Tỷ lệ người dân có điện thoại thông minh	72%	75%	85%	100%
Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng	58%	65%	70%	100%
<b>Chính phủ số</b>				
Tỷ lệ DVCTT mức độ 4 <sup>4</sup>	30%	100%	100%	100%
Tỷ lệ DVCTT phát sinh hồ sơ	38%	40%	80%	100%
Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến	24%	30%	50%	80%
Tỷ lệ DVCTT đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng <sup>5</sup>	-	-	10%	100%
Tỷ lệ thống kê, báo cáo thực hiện trực tuyến ( <i>ước tính</i> )	-	10%	50%	100%
Tỷ lệ CQNN cung cấp dữ liệu mở đầy đủ theo danh mục	-	5%	50%	100%
<b>Kinh tế số và xã hội số</b>				
Tỷ trọng kinh tế số trong GDP ( <i>ước tính</i> ) <sup>6</sup>	8,2%	9,6%	11,5%	20%
Tỷ lệ doanh nghiệp SMEs sử dụng nền tảng số ( <i>ước tính</i> ) <sup>7</sup>	3%	10%	30%	50%
Tỷ lệ hoá đơn điện tử	-	24%	100%	100%
Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử	30%	40%	50%	80%
Tỷ trọng doanh thu thương mại điện tử	5,5%	6-8%	10%	20%
Tỷ lệ người dân có kỹ năng số cơ bản	-	-	10%	70%
Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản thanh toán điện tử	60%	70%	90%	100%
Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số cá nhân	0,4%	0,4%	10%	50%
Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ cơ bản	2%	3%	10%	70%
Tỷ lệ nhân lực công nghệ số trong lực lượng lao động	1%	-	-	2%

Đối với các chỉ tiêu quan trọng, đề xuất thực hiện đo lường, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ định kỳ hàng tháng trong phiên họp của Chính phủ.

<sup>4</sup> Năm 2021, phấn đấu đưa 100% DVCTT đủ điều kiện lên mức độ 4, trong các năm tiếp theo, cần tiếp tục rà soát tổng thể trên phạm vi toàn quốc để đảm bảo hiệu quả, không bỏ sót thủ tục hành chính.

<sup>5</sup> Hiện nay, chưa có tiêu chuẩn chất lượng DVCTT. Năm 2022 sẽ ban hành tiêu chuẩn chất lượng DVCTT làm cơ sở để rà soát, đánh giá, nâng cao chất lượng cung cấp DVCTT.

<sup>6</sup> Bộ TT&TT ước tính, hiện 2 Bộ TT&TT và Bộ KHĐT đã cơ bản thống nhất các chỉ số đo lường và sẽ tính toán, công bố chính thức sau.

<sup>7</sup> Nền tảng số Make in Việt Nam

## 2. Nhiệm vụ

Dự thảo Kế hoạch kèm theo đề xuất **34** nhiệm vụ triển khai trong năm 2022. Tinh thần là đặt mục tiêu cao, quyết tâm hành động cao, mỗi nhiệm vụ có một đơn vị chủ trì, có kết quả rõ ràng, có chỉ số đo lường cụ thể. Dự thảo Kế hoạch phân công nhiệm vụ cho từng bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các địa phương. Trong đó:

Dự thảo Kế hoạch đề xuất **08** nhiệm vụ nhằm xây dựng thể chế, chính sách, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho **05** nhóm vấn đề về: (1) giao dịch điện tử, (2) định danh và xác thực điện tử, (3) cơ chế thử nghiệm có kiểm soát hoạt động công nghệ tài chính trong lĩnh vực ngân hàng, thanh toán số, tiền kỹ thuật số, (4) phân bổ và quản lý kinh phí chi cho chuyển đổi số và (5) đại học số.

Đồng thời, dự thảo Kế hoạch đề xuất **18** nhiệm vụ đột phá năm 2022, đề xuất cá nhân mỗi Thành viên Ủy ban Quốc gia chủ trì lãnh đạo, chỉ đạo triển khai một nhiệm vụ cụ thể như sau:

### **2.1. Phổ cập điện thoại thông minh và cáp quang băng rộng toàn dân**

Đây là điều kiện tiên quyết cho mọi hoạt động chuyển đổi số.

*Đề xuất Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì chỉ đạo, các địa phương phối hợp. Mục tiêu đến hết năm 2022: Tối thiểu 70% hộ gia đình có cáp quang, phủ sóng băng rộng di động tới 100% thôn/bản, số thuê bao băng rộng di động/100 dân đạt tối thiểu 85%.*

### **2.2. Phổ cập danh tính số toàn dân**

Người dân có thể dễ dàng chứng minh danh tính thật trên môi trường số, sử dụng các dịch vụ số một cách trọn vẹn, không cần hiện diện trực tiếp. Đây cũng là tiền đề quan trọng để người dân chỉ thực hiện khai báo thông tin cá nhân một lần khi sử dụng dịch vụ số.

*Đề xuất Bộ trưởng Bộ Công an chủ trì chỉ đạo, Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp xây dựng Hệ thống định danh và xác thực điện tử trên nền tảng CSDL quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu căn cước công dân và cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh làm nền tảng chuyển đổi số quốc gia. Mục tiêu đến hết năm 2022 sẽ có hơn 30% người dân sử dụng ứng dụng định danh số.*

### **2.3. Phổ cập an toàn thông tin mạng toàn dân**

Mỗi người dân cần có phần mềm bảo vệ cơ bản và có kỹ năng, kiến thức cơ bản về an toàn thông tin để tự bảo vệ mình và người thân.

*Đề xuất Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì chỉ đạo phổ cập sử dụng phần mềm bảo vệ cơ bản miễn phí, phổ cập kiến thức, kỹ năng về an toàn thông tin mạng cho toàn dân. Mục tiêu đến hết năm 2022 sẽ có trên 10% người dùng Internet Việt Nam sử dụng ứng dụng bảo đảm an toàn thông tin mạng cơ bản.*



#### **2.4. Phổ cập hồ sơ sức khỏe điện tử toàn dân**

Mỗi người dân sẽ có một hồ sơ sức khỏe điện tử ghi lại quá trình chăm sóc sức khỏe từ lúc sinh ra cho đến khi mất đi. Khi đi khám bệnh, thông qua hồ sơ sức khỏe điện tử, người dân cung cấp cho thầy thuốc biết tình trạng sức khỏe, tiền sử bệnh tật và quá trình khám chữa bệnh một cách nhanh chóng, chính xác, đầy đủ, tạo thuận lợi cho việc chẩn đoán và điều trị. Đây là thành phần cốt lõi nhất, là bước đầu tiên phát triển y tế thông minh, thúc đẩy chuyển đổi số ngành Y tế.

*Đề xuất Bộ trưởng Bộ Y tế chủ trì chỉ đạo, Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp thúc đẩy ứng dụng Hồ sơ sức khỏe điện tử cho người dân với mục tiêu đến hết năm 2022 sẽ có trên 90% người dân Việt Nam có Hồ sơ sức khỏe điện tử, được sử dụng trong hoạt động khám chữa bệnh và theo dõi sức khỏe người dân, từng bước thay thế y bạ giấy.*

#### **2.5. Phổ cập dạy học trực tuyến**

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có CSDL từ Trung ương đến các cơ sở giáo dục; đã định danh 53.000 trường học, 1,5 triệu giáo viên, 23 triệu học sinh kèm theo các thông tin cơ bản. Cần sớm chia sẻ, khai thác hiệu quả CSDL này để tạo sân chơi mở, bình đẳng, kích thích sáng tạo, phát triển hệ sinh thái EdTech Việt Nam.

*Đề xuất Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì chỉ đạo, Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp phát triển nền tảng dạy học trực tuyến, nền tảng đại học số và kho tài nguyên giáo dục số quốc gia. Phổ cập và duy trì một tỷ lệ dạy học trực tuyến nhất định ngay cả khi dịch bệnh kết thúc. Xây dựng Đề án thí điểm triển khai 05 đại học số trong đào tạo nguồn nhân lực công nghệ số phục vụ chuyển đổi số. Thời hạn hoàn thành: Tháng 3/2022.*

#### **2.6. Phổ cập chuyển đổi số trong doanh nghiệp nhỏ và vừa**

Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm khoảng 96% doanh nghiệp trên cả nước. Phổ cập chuyển đổi số trong doanh nghiệp nhỏ và vừa để thúc đẩy phát triển kinh tế số đạt mục tiêu 20% GDP vào năm 2025.

*Đề xuất Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì chỉ đạo, Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp nhỏ và vừa, mục tiêu đến hết năm 2022 đạt tối thiểu 150.000 doanh nghiệp SMEs được trải nghiệm miễn phí các nền tảng số.*

#### **2.7. Phổ cập hóa đơn điện tử**

Mỗi cá nhân, hộ kinh doanh, doanh nghiệp có thể dễ dàng gửi nhận hoá đơn điện tử với nhau và với cơ quan thuế sử dụng nền tảng số. Tiết kiệm 20% chi phí cho giấy, lao động và chuyển phát cho các doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

*Đề xuất Bộ trưởng Bộ Tài chính chủ trì, Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp thúc đẩy việc sử dụng hoá đơn điện tử, gắn với phát triển kinh tế số, phổ cập chữ ký số, mục tiêu đến hết năm 2022 đạt tỷ lệ tối thiểu 80% doanh nghiệp sử dụng hoá đơn điện tử.*

## **2.8. Phổ biến nâng cao nhận thức về chuyển đổi số**

Công bố công khai các bài toán chuyển đổi số, cả ở tầm quốc gia, bộ, ngành và tầm các địa phương, các bài toán chuyển đổi số của các doanh nghiệp. Công bố công khai danh sách các dự án chuyển đổi số. Phổ biến các kinh nghiệm chuyển đổi số, mô hình chuyển đổi số điển hình.

*Đề xuất Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, bộ, ngành, Báo Nhân dân, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, địa phương, doanh nghiệp, hội, hiệp hội, các cơ quan truyền thông phối hợp xây dựng Công thông tin điện tử quốc gia về chuyển đổi số. Thời hạn hoàn thành: Tháng 2/2022. Mục tiêu đến hết năm 2022 đạt tổng cộng tối thiểu 50 triệu lượt truy cập.*

## **2.9. Phổ biến kỹ năng số**

Ban hành Khung kỹ năng số quốc gia và triển khai Nền tảng học trực tuyến mở về kỹ năng số (MOOCs) phù hợp với Khung kỹ năng số quốc gia, cho phép người dân tự học kỹ năng số và tự kiểm tra, đánh giá kỹ năng số cơ bản miễn phí.

*Đề xuất Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các cơ quan truyền thông phối hợp. Thời hạn hoàn thành: Tháng 4/2022. Mục tiêu đến hết năm 2022 phổ biến kỹ năng số cho tối thiểu 10 triệu lượt người.*

## **2.10. Thúc đẩy toàn diện tất cả các phương thức thanh toán số**

Triển khai tất cả các phương thức thanh toán số phổ biến trên thế giới tại Việt Nam. Đẩy nhanh quá trình phổ cập thanh toán số, thanh toán không dùng tiền mặt. Năm 2022 chọn điểm đột phá là thanh toán số, thanh toán không dùng tiền mặt ở các trường học, bệnh viện.

*Đề xuất Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chủ trì, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế và các bộ ngành có liên quan phối hợp triển khai thanh toán không dùng tiền mặt, trước mắt đến hết năm 2022 phấn đấu trên 80% trường học, bệnh viện thanh toán không dùng tiền mặt.*

## **2.11. Thúc đẩy thương mại điện tử**

Tỷ trọng doanh thu thương mại điện tử (mua bán hàng hóa trực tuyến) so với tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng cả nước của Việt Nam vẫn còn ở mức khiêm tốn (5,5%) so với Nhật Bản (10%) hay Trung Quốc (24%). Do vậy, thương mại điện tử tại Việt Nam còn nhiều dư địa phát triển.

*Đề xuất Bộ trưởng Bộ Công Thương chủ trì, Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp thúc đẩy thương mại điện tử, đặc biệt là thương mại điện tử vùng nông thôn, đưa bà con nông dân buôn bán, cung cấp hàng hóa trên các sàn thương mại điện tử. Mục tiêu đến hết năm 2022 tỷ trọng doanh thu thương mại điện tử chiếm tối thiểu 10%.*

## **2.12. Quy hoạch đô thị thông minh**

Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đã xác định quy hoạch thông minh, quản lý thông minh và cung cấp tiện ích thông minh là ba trụ cột quan trọng của phát triển đô thị thông minh phù hợp với bối cảnh phát triển của Việt Nam.

*Đề xuất Bộ trưởng Bộ Xây dựng chủ trì, Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp triển khai rà soát quy hoạch xây dựng các đô thị trong cả nước dự kiến triển khai đô thị thông minh để bảo đảm việc triển khai đô thị thông minh có đầy đủ cơ sở pháp lý ngay từ khi lập quy hoạch; ban hành quy định yêu cầu các đô thị xây dựng quy hoạch thông minh trên cơ sở hệ thống thông tin địa lý GIS và áp dụng các hệ thống hỗ trợ ra quyết định. Thời hạn hoàn thành: Tháng 6/2022.*

## **2.13. Phát triển Hệ thống thông tin báo cáo**

Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ và hệ thống thông tin báo cáo bộ, địa phương trở thành một hệ thống thông tin báo cáo phục vụ sự chỉ đạo điều hành thông suốt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ từ Trung ương đến cấp xã, theo hướng không dùng báo cáo giấy, giảm bớt yêu cầu cấp dưới báo cáo cấp trên, tăng cường sử dụng số liệu theo thời gian thực.

*Đề xuất Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ chủ trì, Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp thúc đẩy 100% các bộ, cơ quan, địa phương kết nối, sử dụng; hoàn thiện hành lang pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; định kỳ hàng tháng báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về tình hình sử dụng. Thời gian hoàn thành: Tháng 6/2022.*

## **2.14. Cơ chế đặc thù cho Quỹ phát triển khoa học công nghệ**

Ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế đặc thù cho Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tạo thuận lợi cho một số doanh nghiệp nhà nước về viễn thông, công nghệ số để đầu tư nghiên cứu, phát triển, làm chủ công nghệ lõi. Ưu tiên các nghiên cứu trong lĩnh vực trụ cột của cuộc CMCN lần thứ 4 như AI, Blockchain, in 3D, y sinh. Nghiên cứu thành lập Quỹ phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam với nguồn vốn huy động từ xã hội.

*Đề xuất Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, Bộ Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp, hoàn thành trong Tháng 8/2022.*

## **2.15. Phát triển Nền tảng dữ liệu số nông nghiệp**

Phát triển Nền tảng dữ liệu số nông nghiệp trong đó cơ quan nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, hợp tác xã và doanh nghiệp nông nghiệp đóng vai trò nòng cốt và người nông dân tham gia tích cực trong việc thu thập, chuẩn hóa, mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ sản xuất nông nghiệp, tiêu thụ nông sản; kịp thời cung cấp thông tin, tư vấn, dự báo tình hình cho nông dân.

*Đề xuất Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp triển khai phát triển giai đoạn 1 và đưa Nền tảng vào sử dụng. Thời gian hoàn thành: Tháng 6/2022.*

## **2.16. Phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức**

Việc hoàn thành xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước để quản lý thông tin về cán bộ, công chức, viên chức đồng bộ, thống nhất, minh bạch, kịp thời trên phạm vi toàn quốc, tạo nguồn dữ liệu cốt yếu cho phát triển Chính phủ số.

*Đề xuất Bộ trưởng Bộ Nội vụ chủ trì, Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp hoàn thành xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức, để quản lý đồng bộ, thống nhất, minh bạch, kịp thời tạo nguồn dữ liệu cốt lõi cho phát triển Chính phủ số. Thời hạn hoàn thành: Tháng 11/2022.*

## **2.17. Điều phối phát triển, kết nối, chia sẻ dữ liệu**

Dữ liệu trong Chính phủ điện tử là tài nguyên dùng chung của Chính phủ, phải được kết nối, chia sẻ, dùng chung. Đến nay, tất cả các bộ, địa phương đều đã có Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu và kết nối với Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu quốc gia. Vấn đề quan trọng trong thời gian tới là phải đưa được các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và của các địa phương vào khai thác sử dụng đồng bộ trên toàn quốc để có thể thực sự tạo ra những giá trị mới từ nguồn tài nguyên vô tận này.

*Đề xuất Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì điều phối, phối hợp cùng các bộ, ngành, địa phương trong việc kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu qua NGSP. Các bộ, ngành khẩn trương rà soát, công bố danh mục dữ liệu mình, đăng ký dịch vụ chia sẻ dữ liệu với Bộ Thông tin và Truyền thông. Bộ Thông tin và Truyền thông trình Thủ tướng Chính phủ danh mục dữ liệu mở của cơ quan nhà nước. Thời hạn hoàn thành: Tháng 3/2022.*

## **2.18. Điều phối phát triển, sử dụng các nền tảng số**

Bộ Thông tin và Truyền thông đã phối hợp với các bộ, ngành xác định lần 1 **35** nền tảng số cần tập trung ưu tiên phát triển.

Các bộ, ngành có lĩnh vực liên quan sẽ phối hợp với doanh nghiệp nghiên cứu, xây dựng và triển khai các nền tảng. Danh sách cụ thể kèm theo.

## **C- ĐỀ XUẤT CHÍNH SÁCH**

### **1. Chính sách đào tạo, đào tạo lại nhân lực**

Trong **05** năm tới, Việt Nam cần bổ sung thêm tối thiểu **500.000** lao động có trình độ chuyên môn từ cao đẳng, đại học trở lên về công nghệ thông tin, công nghệ số để phục vụ nhu cầu chuyên đổi số. Hàng năm, tổng số lượng sinh viên tuyển sinh mới vào khoảng **70.000** chỉ tiêu, tổng cộng 05 năm tới còn thiếu hụt tối thiểu **150.000** lao động.

*Đề xuất Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Thông tin và Truyền thông có chính sách thí điểm, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý để thúc đẩy việc đào tạo, đào tạo lại, đào tạo văn bằng hai, đào tạo từ xa theo hình thức trường đại học số dưới dạng **100%** trực tuyến, áp dụng sớm trong năm 2022 với một số cơ sở đào tạo công nghệ thông tin có uy tín;*

khuyến khích doanh nghiệp công nghệ số lớn triển khai đào tạo, tăng cường đào tạo nâng cao kỹ năng số cho người lao động để nhanh chóng bù đắp sự thiếu hụt nhân lực cho chuyển đổi số. Thế giới đã có nhiều câu chuyện thành công theo cách này.

## **2. Chính sách phân bổ kinh phí**

Tỷ lệ chi cho chuyển đổi số trung bình thế giới vào khoảng **2-3%** tổng chi ngân sách nhà nước. Ở một số nước như Singapore, tỷ lệ này có thể lên đến **4-5%**. Trong đó cần dành ít nhất **10%** mức chi cho chuyển đổi số để chi cho các hoạt động bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

*Đề xuất ngân sách trung ương, ngân sách địa phương dành tỷ lệ chi cho chuyển đổi số ở mức **1%** tổng chi ngân sách nhà nước hàng năm. Nếu muốn đẩy nhanh chuyển đổi số, nhất là những năm đầu này cần làm ngay các nền tảng, có thể chi **2%**.*

*Đề xuất các bộ, ngành, địa phương rà soát kế hoạch dự toán ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 để đăng ký bổ sung các nhiệm vụ và kinh phí thực hiện, hoàn thành các nhiệm vụ được giao trong Chương trình Chuyển đổi số quốc gia, Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, Chiến lược phát triển kinh tế số và xã hội số, đặc biệt là các nhiệm vụ trọng tâm năm 2022 theo Kế hoạch được Ủy ban Quốc gia phê duyệt.*

*Đề xuất Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện rà soát nguồn kinh phí sự nghiệp, kinh phí đầu tư công, để thực hiện Chương trình Chuyển đổi số quốc gia, Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, Chiến lược phát triển kinh tế số và xã hội số. Có báo cáo chuyên đề về chính sách phân bổ kinh phí cho chuyển đổi số gửi Ủy ban Quốc gia xem xét, cho ý kiến trong tháng 01/2022.*

## **3. Chính sách quản lý kinh phí chi cho chuyển đổi số**

Chuyển đổi số đòi hỏi triển khai và đưa vào sử dụng thật nhanh, mặt khác, phải hết sức tránh các vấn đề tiêu cực tiềm tàng. Nếu xảy ra chỉ một vụ tiêu cực thì có thể làm chậm lại toàn bộ tiến trình chuyển đổi số quốc gia. Giai đoạn vừa qua, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 73 năm 2019 về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước. Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành tất cả các văn bản hướng dẫn thi hành.

*Đề xuất Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông rà soát toàn bộ chính sách quản lý kinh phí chi công nghệ thông tin, chuyển đổi số, hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật hiện hành và có báo cáo chuyên đề về chính sách quản lý kinh phí chi cho chuyển đổi số gửi Ủy ban Quốc gia xem xét, cho ý kiến trong tháng 01/2022.*

## **4. Chính sách kiện toàn tổ chức, bộ máy, mạng lưới đến cấp cơ sở**

Đến thời điểm hiện tại, đã có **20** tỉnh và **05** bộ thành lập và kiện toàn Ban Chỉ đạo chuyển đổi số trong đó **04** Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, **17**

Chủ tịch tỉnh và **03** Bí thư là Trưởng Ban chỉ đạo. Đề nghị các bộ, tỉnh khẩn trương thành lập và kiện toàn lại Ban Chỉ đạo chuyển đổi số do người đứng đầu làm Trưởng ban, bộ phận thường trực là đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin, hoàn thành trong tháng 12/2021.

*Đề xuất các địa phương có chính sách thúc đẩy hình thành mạng lưới hỗ trợ triển khai chuyển đổi số tại địa phương đến cấp cơ sở, huy động sự tham gia của xã hội, gồm các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp, tình nguyện viên tại địa phương.*

## **5. Chính sách dữ liệu**

Đề xuất các bộ, ngành cần xây dựng và ban hành chiến lược dữ liệu của mình. Chiến lược dữ liệu tập trung vào hai mũi nhọn: (i) Xây dựng các cơ sở dữ liệu về định danh số của các đối tượng được quản lý trên cơ sở Cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư để thuận lợi trong quản lý nhà nước, tạo sự đồng bộ, thông suốt trên toàn quốc và (ii) Tài nguyên dữ liệu lớn để khai thác, hỗ trợ ra quyết định, nâng cao năng lực chỉ đạo điều hành của cơ quan nhà nước.

\* \*

\*

Trên đây là báo cáo tóm tắt đề xuất kế hoạch chuyển đổi số năm 2022 và kiến nghị, đề xuất. Kính báo cáo xin ý kiến Ủy ban Quốc gia.

**BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

**ỦY BAN QUỐC GIA  
VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBQGCĐS

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Kế hoạch hoạt động  
của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số năm 2022**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN QUỐC GIA VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ**

*Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;*

*Căn cứ Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025 và định hướng đến năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 2289/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiện toàn và đổi tên Ủy ban Quốc gia về Chính phủ điện tử;*

*Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBQGCĐS ngày...tháng...năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số;*

*Theo đề nghị của Tổ trưởng Tổ công tác giúp việc Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số năm 2022.

**Điều 2.** Các Ủy viên Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số chịu trách nhiệm chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ được giao, chỉ đạo xây dựng kế hoạch hành động cụ thể để thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm chi tiết theo từng tháng. Tổ công tác giúp việc Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số theo dõi, đôn đốc và chịu trách nhiệm điều phối trong việc bảo đảm thực hiện Kế hoạch này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các thành viên Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Tổ công tác giúp việc Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Thành viên UBQG về chuyển đổi số;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, UBQGCĐS (03b).

**CHỦ TỊCH**

**THỦ TƯỚNG**  
**Phạm Minh Chính**



DỰ THẢO

**KẾ HOẠCH**

**Hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số năm 2022**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBQGCĐS ngày tháng năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số)*

<b>TT</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp tổ chức thực hiện</b>	<b>Thời gian hoàn thành</b>
<b>I</b>	<b>Xây dựng thể chế, cơ chế chính sách cho chuyển đổi số quốc gia</b>		
1	Dự thảo Luật Giao dịch điện tử sửa đổi	Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp	Tháng 6
2	Dự thảo Nghị định quy định định danh, xác thực điện tử đối với người dân	Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông	Tháng 9
3	Dự thảo Nghị định quy định về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát hoạt động công nghệ tài chính trong lĩnh vực ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông	Tháng 12
4	Xây dựng chính sách thí điểm, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý để thúc đẩy việc đào tạo, đào tạo lại, đào tạo văn bằng hai, đào tạo từ xa theo hình thức trường đại học số dưới dạng <b>100%</b> trực tuyến, áp dụng sớm trong năm 2022 với một số cơ sở đào tạo công nghệ thông tin có uy tín; khuyến khích doanh nghiệp công nghệ số lớn triển khai đào tạo, tăng cường đào tạo nâng cao kỹ năng số cho người lao động để nhanh chóng bù đắp sự thiếu hụt nhân lực cho chuyển đổi số	Bộ Giáo dục và đào tạo	Tháng 12
5	Nghiên cứu, đề xuất giải pháp đề ngân sách trung ương, ngân sách địa phương dành tỷ lệ chi cho chuyển đổi số ở mức 1% tổng chi ngân sách nhà nước hàng năm	Bộ Tài chính	Tháng 6

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp tổ chức thực hiện	Thời gian hoàn thành
6	Xây dựng báo cáo chuyên đề về chính sách phân bổ kinh phí cho chuyển đổi số	Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông	Tháng 1
7	Rà soát toàn bộ chính sách quản lý kinh phí chi công nghệ thông tin, chuyển đổi số, hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật hiện hành và xây dựng báo cáo chuyên đề về chính sách quản lý kinh phí chi cho chuyển đổi số	Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông	Tháng 1
8	Thành lập và kiện toàn lại Ban Chỉ đạo chuyển đổi số do người đứng đầu làm Trưởng ban, bộ phận thường trực là đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin	Bộ, ngành, địa phương	Tháng 12 (Năm 2021)
<b>II</b>	<b>Chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ đột phá cho chuyển đổi số quốc gia</b>		
1	<b>Phổ cập điện thoại thông minh và cáp quang băng rộng</b> <i>Mục tiêu: Tối thiểu 70% hộ gia đình có cáp quang, phủ sóng băng rộng di động tới 100% thôn/bản, số thuê bao băng rộng di động/100 dân đạt tối thiểu 85%.</i>	Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các địa phương	Tháng 12
2	<b>Phổ cập danh tính số toàn dân</b> <i>Mục tiêu: Có trên 30% người dân sử dụng ứng dụng định danh số.</i>	Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông	Tháng 12
3	<b>Phổ cập an toàn thông tin mạng toàn dân</b> <i>Mục tiêu: Có trên 30% người dùng Internet Việt Nam sử dụng ứng dụng bảo đảm an toàn thông tin mạng cơ bản.</i>	Bộ Thông tin và Truyền thông	Tháng 12
4	<b>Phổ cập hồ sơ sức khỏe điện tử toàn dân</b> <i>Mục tiêu: Có trên 90% người dân Việt Nam có Hồ sơ sức khỏe điện tử</i>	Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông	Tháng 12

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp tổ chức thực hiện	Thời gian hoàn thành
5	<p><b>Phổ cập dạy học trực tuyến</b></p> <p><i>Mục tiêu: Phát triển nền tảng dạy học trực tuyến, nền tảng đại học số và kho tài nguyên giáo dục số quốc gia. Phổ cập và duy trì một tỷ lệ dạy học trực tuyến nhất định ngay cả khi dịch bệnh kết thúc. Xây dựng Đề án thí điểm triển khai 05 đại học số trong đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số.</i></p>	<p>Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông</p>	<p>Tháng 3</p>
6	<p><b>Phổ cập chuyển đổi số trong doanh nghiệp nhỏ và vừa</b></p> <p><i>Mục tiêu: Đạt tối thiểu 150.000 doanh nghiệp nhỏ và vừa được trải nghiệm miễn phí các nền tảng số</i></p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông</p>	<p>Tháng 12</p>
7	<p><b>Phổ cập hóa đơn điện tử</b></p> <p><i>Mục tiêu: Đạt tỷ lệ tối thiểu 80% doanh nghiệp sử dụng hoá đơn điện tử</i></p>	<p>Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông</p>	<p>Tháng 12</p>
8	<p><b>Phổ biến nâng cao nhận thức về chuyển đổi số</b></p> <p><i>Mục tiêu: Xây dựng Cổng thông tin điện tử quốc gia về chuyển đổi số để công bố công khai các bài toán chuyển đổi số, cả ở tầm quốc gia, bộ, ngành và tầm các địa phương, các bài toán chuyển đổi số của các doanh nghiệp. Công bố công khai danh sách các dự án chuyển đổi số. Phổ biến các kinh nghiệm chuyển đổi số, mô hình chuyển đổi số điển hình; đạt tối thiểu 50 triệu lượt truy cập (xây dựng xong Cổng trong Quý I)</i></p>	<p>Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, Báo Nhân dân, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, địa phương, doanh nghiệp, hội, hiệp hội, các cơ quan truyền thông</p>	<p>Tháng 2</p>

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp tổ chức thực hiện	Thời gian hoàn thành
9	<p><b>Phổ biến kỹ năng số</b></p> <p><i>Mục tiêu: Ban hành Khung kỹ năng số quốc gia và triển khai Nền tảng học trực tuyến mở về kỹ năng số (MOOC) phù hợp với Khung kỹ năng số quốc gia, cho phép người dân tự học kỹ năng số và tự kiểm tra, đánh giá kỹ năng số cơ bản miễn phí. Đến hết năm 2022 phổ biến kỹ năng số cho tối thiểu 10 triệu lượt người.</i></p>	<p>Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội, các cơ quan truyền thông</p>	Tháng 4
10	<p><b>Thúc đẩy toàn diện tất cả các phương thức thanh toán số</b></p> <p><i>Mục tiêu: Đẩy nhanh quá trình phổ cập thanh toán số, thanh toán không dùng tiền mặt. Năm 2022 chọn điểm đột phá là thanh toán số, thanh toán không dùng tiền mặt ở các trường học, bệnh viện. Đến hết năm 2022 phần đầu trên 80% trường học, bệnh viện thanh toán không dùng tiền mặt.</i></p>	<p>Ngân hàng Nhà nước chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế và các bộ ngành có liên quan</p>	Tháng 12
11	<p><b>Thúc đẩy thương mại điện tử</b></p> <p><i>Mục tiêu: Tỷ trọng doanh thu thương mại điện tử chiếm tối thiểu 10% vào năm 2022.</i></p>	<p>Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông</p>	Tháng 12
12	<p><b>Quy hoạch đô thị thông minh</b></p> <p><i>Mục tiêu: Rà soát quy hoạch xây dựng các đô thị trong cả nước dự kiến triển khai đô thị thông minh để bảo đảm việc triển khai đô thị thông minh có đầy đủ cơ sở pháp lý ngay từ khi lập quy hoạch; ban hành quy định yêu cầu các đô thị xây dựng quy hoạch thông minh trên cơ sở hệ thống thông tin địa lý GIS và áp dụng các hệ thống hỗ trợ ra quyết định.</i></p>	<p>Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông</p>	Tháng 6

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp tổ chức thực hiện	Thời gian hoàn thành
13	<p><b>Phát triển Hệ thống thông tin báo cáo</b></p> <p><i>Mục tiêu: 100% các bộ, cơ quan, địa phương kết nối, sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo phục vụ sự chỉ đạo điều hành thông suốt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ từ Trung ương đến cấp xã; hoàn thiện hành lang pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cho Hệ thống báo cáo.</i></p>	<p>Văn phòng Chính phủ chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông</p>	<p>Tháng 6</p>
14	<p><b>Cơ chế đặc thù cho Quỹ phát triển khoa học công nghệ</b></p> <p><i>Mục tiêu: Ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền cơ chế đặc thù cho Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của một số doanh nghiệp nhà nước về viễn thông, công nghệ thông tin để đầu tư nghiên cứu, phát triển, làm chủ công nghệ lõi. Ưu tiên các nghiên cứu trong lĩnh vực trụ cột của cuộc CMCN lần thứ 4 như AI, Blockchain, in 3D, y sinh.</i></p>	<p>Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông</p>	<p>Tháng 8</p>
15	<p><b>Phát triển Nền tảng dữ liệu số nông nghiệp</b></p> <p><i>Mục tiêu: Phát triển giai đoạn 1 và đưa vào sử dụng Nền tảng dữ liệu số nông nghiệp trong đó cơ quan nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, hợp tác xã và doanh nghiệp nông nghiệp đóng vai trò nòng cốt và người nông dân tham gia tích cực trong việc thu thập, chuẩn hóa, mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ sản xuất nông nghiệp, tiêu thụ nông sản; kịp thời cung cấp thông tin, tư vấn, dự báo tình hình cho nông dân</i></p>	<p>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông</p>	<p>Tháng 6</p>

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp tổ chức thực hiện	Thời gian hoàn thành
16	<p><b>Phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức</b></p> <p><i>Mục tiêu: Hoàn thành xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức, trong cơ quan nhà nước để quản lý đồng bộ, thống nhất, minh bạch, kịp thời tạo nguồn dữ liệu cốt lõi cho phát triển Chính phủ số.</i></p>	Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông	Tháng 11
17	<p><b>Phát triển Cơ sở dữ liệu hộ tịch</b></p> <p><i>Mục tiêu: Phát triển cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử để cung cấp các chức năng, tiện ích phục vụ đăng ký, quản lý hộ tịch cho các cơ quan đăng ký hộ tịch trên toàn quốc; cung cấp các chức năng phục vụ quản lý nhà nước về hộ tịch cho Bộ Tư pháp và các địa phương; hỗ trợ các địa phương triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực hộ tịch; kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu liên quan phục vụ cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp của các lĩnh vực khác, nhằm nâng cao hiệu quả chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.</i></p>	Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông	Tháng 12
18	<p><b>Phát triển Cơ sở dữ liệu Đất đai quốc gia</b></p> <p><i>Mục tiêu: Xây dựng dữ liệu đất đai từ các địa phương và kết nối, tích hợp lên cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia tại Trung ương để khai thác, sử dụng chung trên toàn quốc</i></p>	Bộ Tài Nguyên và Môi trường phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông	Tháng 12

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp tổ chức thực hiện	Thời gian hoàn thành
19	<p><b>Phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về giao thông vận tải</b></p> <p><i>Mục tiêu: Phát triển dữ liệu về kết cấu hạ tầng giao thông, dữ liệu phương tiện giao thông, dữ liệu người điều khiển phương tiện giao thông trở thành dữ liệu số quốc gia, đặt nền móng cho phát triển kinh tế số - xã hội số, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.</i></p>	<p>Bộ Giao thông vận tải phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông</p>	<p>Tháng 12</p>
20	<p><b>Phát triển Nền tảng dữ liệu số về lao động, việc làm và an sinh xã hội</b></p> <p><i>Mục tiêu: Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng dữ liệu số về lao động, việc làm và an sinh xã hội trong đó cơ quan nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, tổ chức sử dụng lao động đóng vai trò nòng cốt và người lao động, người dân tham gia tích cực trong thu thập, chuẩn hóa, mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phân tích, dự báo, công bố thông tin thị trường lao động và thực hiện các chính sách an sinh xã hội.</i></p>	<p>Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông</p>	<p>Tháng 12</p>

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp tổ chức thực hiện	Thời gian hoàn thành
21	<p><b>Phát triển Nền tảng dữ liệu số du lịch</b></p> <p><i>Mục tiêu: Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng dữ liệu số du lịch trong đó cơ quan nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, doanh nghiệp du lịch đóng vai trò nòng cốt và khách du lịch tham gia tích cực trong việc thu thập, chuẩn hóa, mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ hoạch định chính sách, lập kế hoạch kinh doanh, tối ưu hóa, cải thiện chất lượng dịch vụ và đưa ra các gói ưu đãi cho khách du lịch. Điều tra, đánh giá, phân loại và số hoá tài nguyên du lịch, cập nhật thường xuyên thông tin, dữ liệu số về khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở dịch vụ du lịch, thị trường du lịch Việt Nam.</i></p>	<p>Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông</p>	<p>Tháng 12</p>
22	<p><b>Phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm</b></p> <p><i>Mục tiêu: Nhằm lưu trữ thông tin về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và thông tin về y tế, an sinh xã hội được cơ quan có thẩm quyền ghi nhận và đảm bảo quyền lợi, nghĩa vụ về bảo hiểm của công dân; dữ liệu về bảo hiểm được xây dựng thống nhất trên toàn quốc, dùng chung, kết nối, chia sẻ cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân nhằm cung cấp chính xác, kịp thời thông tin về bảo hiểm phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, công tác quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công của ngành Bảo hiểm xã hội, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu chính đáng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.</i></p>	<p>Bảo hiểm xã hội Việt Nam phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông</p>	<p>Tháng 12</p>



TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp tổ chức thực hiện	Thời gian hoàn thành
23	<p><b>Điều phối phát triển, kết nối, chia sẻ dữ liệu</b></p> <p><i>Mục tiêu: Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì điều phối, phối hợp cùng các bộ, ngành, địa phương trong việc kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia. Các bộ, ngành khẩn trương rà soát, công bố danh mục dữ liệu của mình, đăng ký dịch vụ chia sẻ dữ liệu với Bộ Thông tin và Truyền thông. Bộ Thông tin và Truyền thông trình Thủ tướng Chính phủ danh mục dữ liệu mở của cơ quan nhà nước</i></p>	<p>Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì; các bộ, ngành, địa phương</p>	<p>Tháng 3</p>
24	<p><b>Điều phối phát triển, sử dụng các nền tảng số</b></p> <p><i>Mục tiêu: Xây dựng các nền tảng số quốc gia để phục vụ chuyển đổi số, chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.</i></p>	<p><i>Các cơ quan chủ trì, phối hợp triển khai theo danh mục tại Phụ lục I</i></p>	<p>Tháng 12</p>
<b>III</b>	<b>Chỉ đạo phát triển các nền tảng số quốc gia</b>		
1	Danh mục các nền tảng số quốc gia (Công bố lần 1) và phân công các bộ, các doanh nghiệp tại Phụ lục III kèm theo.		
<b>IV</b>	<b>Nhiệm vụ chung của bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp</b>		
1	<p>Ưu tiên nguồn lực thực hiện các chỉ tiêu quan trọng để đẩy mạnh triển khai chuyển đổi số năm 2022 <b>(Danh mục các chỉ tiêu theo Phụ lục I kèm theo)</b></p>	<p>Các bộ, ngành, địa phương</p>	<p>Tháng 12</p>

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp tổ chức thực hiện	Thời gian hoàn thành
2	<p>- Chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông khẩn trương xây dựng và trình ban hành Kế hoạch phát triển doanh nghiệp công nghệ số tại địa phương theo nhiệm vụ đã được Thủ tướng Chính phủ giao tại Chỉ thị số 01/CT-TTG ngày 14/01/2020; trong đó gắn chặt với kế hoạch chuyển đổi số tại địa phương, phấn đấu đến năm 2025, mỗi địa phương có 01 doanh nghiệp công nghệ số trên 1.000 dân.</p> <p>- Ưu tiên, tập trung phát triển các doanh nghiệp triển khai chuyển đổi số tại địa phương bằng cách:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Khảo sát, tổng hợp nhu cầu, bài toán trong các lĩnh vực kinh tế xã hội tại địa phương để công khai, minh bạch làm cơ sở cho các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam nghiên cứu, sáng tạo các sản phẩm, giải pháp công nghệ số Make in Việt Nam đáp ứng yêu cầu;</li> <li>+ Xác định một số nền tảng công nghệ số trọng tâm của địa phương cần ưu tiên để đặt hàng, giao nhiệm vụ cho một số doanh nghiệp công nghệ số lớn trong nước giải quyết với điều kiện phải hình thành hệ sinh thái doanh nghiệp công nghệ số tại địa phương; lan tỏa, nhân rộng các mô hình đã triển khai, gia tăng hiệu quả thực tiễn;</li> <li>+ Tổ chức các hoạt động kết nối cung cầu cho doanh nghiệp công nghệ số với các cơ quan nhà nước tại địa phương;</li> <li>+ Thiết lập cơ chế, môi trường chính sách thuận lợi cho các hoạt động ứng dụng công nghệ số và đổi mới sáng tạo; tư vấn, hỗ trợ về chính sách liên quan đến đăng ký kinh doanh, đầu tư, thuế,... ; kịp thời tháo gỡ khó khăn trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn.</li> </ul>	Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Tháng 12

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp tổ chức thực hiện	Thời gian hoàn thành
3	Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp công nghệ số tại địa phương tham gia cùng để bồi dưỡng, hình thành và phát triển năng lực cho doanh nghiệp công nghệ số tại địa phương lớn mạnh khi triển khai chuyển đổi số tại địa phương	Các tập đoàn/doanh nghiệp công nghệ số lớn	Tháng 12
4	Tham gia đánh giá, tư vấn và hỗ trợ các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh/thành phố từng bước chuyển đổi số trong hoạt động của mình	Các doanh nghiệp công nghệ số	Tháng 12
<b>V Công tác kiểm tra, đôn đốc về chuyển đổi số</b>			
1	Định kỳ hàng tháng tổ chức các đoàn công tác của Thường trực Ủy ban làm việc với một số bộ, ngành, địa phương để đôn đốc, kiểm tra tiến độ thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm đặt ra	Bộ Thông tin và Truyền thông	Tháng 12
<b>VI Các hoạt động khác</b>			
1	Tổ chức các Phiên họp toàn thể của Ủy ban: - Họp định kỳ tối thiểu 2 tháng /1 lần, tùy theo tình hình có thể mời thêm các cơ quan, doanh nghiệp, cá nhân liên quan tham dự; - Họp Sơ kết 6 tháng và Tổng kết cuối năm họp trực tuyến với Ban chỉ đạo chuyển đổi số các bộ, ngành, địa phương.	Tổ công tác giúp việc Ủy ban (Tổ công tác)	Dự kiến thời gian các phiên họp: Tháng 3, Tháng 5, Tháng 7 (sơ kết 6 tháng), Tháng 9, Tháng 11 (Tổng kết năm)
2	Tổ chức các Phiên họp chuyên đề đột xuất của Ủy ban để giải quyết ngay các khó khăn, vướng mắc phát sinh.	Tổ công tác giúp việc Ủy ban (Tổ công tác)	Tháng 12

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp tổ chức thực hiện	Thời gian hoàn thành
3	<p>Mỗi Ủy viên Ủy ban lãnh đạo, chỉ đạo triển khai một nhiệm vụ trọng điểm, tạo đột phá cho chuyển đổi số quốc gia. Các Ủy viên Ủy ban xây dựng lộ trình triển khai công việc theo tháng (xác định từng tháng trong năm 2022 đạt kết quả gì) gửi về cơ quan thường trực của Ủy ban (Bộ Thông tin và Truyền thông) để tổng hợp báo cáo Chủ tịch Ủy ban - Thủ tướng Chính phủ kết quả triển khai các công việc theo tiến độ.</p> <p><i>(Danh mục các nhiệm vụ theo Phụ lục II kèm theo; mục tiêu và thời hạn hoàn thành các nhiệm vụ nêu tại Mục III của Kế hoạch này)</i></p>		
4	Phổ biến, tuyên truyền về tình hình triển khai, định hướng chuyển đổi số	Tổ công tác; các bộ, ngành, địa phương; các cơ quan thông tấn, báo chí	Tháng 12
5	Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch này	Tổ công tác	Tháng 12

**Phụ lục I**  
**DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU**  
**ƯU TIÊN NGUỒN LỰC TRIỂN KHAI NĂM 2022**  
*(kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBQGČĐS, ngày tháng năm 2021*  
*của Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số)*

Chỉ tiêu	2020	2021	2022	2025
<b>Hạ tầng số</b>				
Tỷ lệ người dân có điện thoại thông minh	72%	75%	85%	100%
Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng	58%	65%	70%	100%
<b>Chính phủ số</b>				
Tỷ lệ DVCTT mức độ 4 <sup>8</sup>	30%	100%	100%	100%
Tỷ lệ DVCTT phát sinh hồ sơ	38%	40%	80%	100%
Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến	24%	30%	50%	80%
Tỷ lệ DVCTT đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng <sup>9</sup>	-	-	10%	100%
Tỷ lệ thống kê, báo cáo thực hiện trực tuyến <i>(ước tính)</i>	-	10%	50%	100%
Tỷ lệ CQNN cung cấp dữ liệu mở đầy đủ theo danh mục	-	5%	50%	100%
<b>Kinh tế số và xã hội số</b>				
Tỷ trọng kinh tế số trong GDP <i>(ước tính)</i> <sup>10</sup>	8,2%	9,6%	11,5%	20%
Tỷ lệ doanh nghiệp SMEs sử dụng nền tảng số <i>(ước tính)</i> <sup>11</sup>	3%	10%	30%	50%
Tỷ lệ hoá đơn điện tử	-	24%	100%	100%
Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử	30%	40%	50%	80%
Tỷ trọng doanh thu thương mại điện tử	5,5%	6-8%	10%	20%
Tỷ lệ người dân có kỹ năng số cơ bản	-	-	10%	70%
Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản thanh toán điện tử	60%	70%	90%	100%
Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số cá nhân	0,4%	0,4%	10%	50%
Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ cơ bản	2%	3%	10%	70%
Tỷ lệ nhân lực công nghệ số trong lực lượng lao động	1%	-	-	2%

<sup>8</sup> Năm 2021, phấn đấu đưa 100% DVCTT đủ điều kiện lên mức độ 4, trong các năm tiếp theo, cần tiếp tục rà soát tổng thể trên phạm vi toàn quốc để bảo đảm hiệu quả, không bỏ sót thủ tục hành chính.

<sup>9</sup> Hiện nay, chưa có tiêu chuẩn chất lượng DVCTT. Năm 2022 sẽ ban hành tiêu chuẩn chất lượng DVCTT làm cơ sở để rà soát, đánh giá, nâng cao chất lượng cung cấp DVCTT.

<sup>10</sup> Bộ TT&TT ước tính, hiện 2 Bộ TT&TT và Bộ KHĐT đã cơ bản thống nhất các chỉ số đo lường và sẽ tính toán, công bố chính thức sau.

<sup>11</sup> Nền tảng số Make in Việt Nam

**Phụ lục II**  
**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG ĐIỂM**  
**DO CÁC ỦY VIÊN ỦY BAN CHỈ ĐẠO TRIỂN KHAI**  
**TẠO ĐỘT PHÁ CHO CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA**

(kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBQGCD, ngày tháng năm 2021  
của Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số)

<b>TT</b>	<b>Thành viên Ủy ban</b>	<b>Chỉ đạo nhiệm vụ trọng điểm</b>
1	Ông Nguyễn Mạnh Hùng, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, Phó Chủ tịch Ủy ban	Theo dõi, đôn đốc và chịu trách nhiệm điều phối trong việc bảo đảm thực hiện Kế hoạch này
2	Đại tướng Tô Lâm, Bộ trưởng Bộ Công an	Phổ cập danh tính số toàn dân
3	Ông Trần Văn Sơn, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ	Phát triển Hệ thống thông tin báo cáo phục vụ sự chỉ đạo điều hành thông suốt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ
4	Ông Huỳnh Thành Đạt, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	Xây dựng cơ chế đặc thù cho Quỹ phát triển khoa học công nghệ
5	Ông Hồ Đức Phớc, Bộ trưởng Bộ Tài chính	Phổ cập hóa đơn điện tử
6	Ông Nguyễn Chí Dũng, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Phổ cập chuyển đổi số trong doanh nghiệp nhỏ và vừa
7	Bà Phạm Thị Thanh Trà, Bộ trưởng Bộ Nội vụ	Phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức
8	Ông Nguyễn Kim Sơn, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	Phổ cập dạy học trực tuyến
9	Ông Nguyễn Thanh Long, Bộ trưởng Bộ Y tế	Phổ cập hồ sơ sức khỏe điện tử toàn dân
10	Ông Nguyễn Hồng Diên, Bộ trưởng Bộ Công Thương	Thúc đẩy thương mại điện tử
11	Ông Nguyễn Thanh Nghị, Bộ trưởng Bộ Xây dựng	Quy hoạch đô thị thông minh
12	Ông Lê Minh Hoan, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Phát triển Nền tảng dữ liệu số nông nghiệp
13	Bà Nguyễn Thị Hồng, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt
14	Ông Nguyễn Mạnh Hùng, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông	Phổ cập điện thoại thông minh và cáp quang băng rộng

Mỗi Ủy viên Ủy ban lãnh đạo, chỉ đạo triển khai một nhiệm vụ trọng điểm, tạo đột phá cho chuyển đổi số quốc gia. Các Ủy viên Ủy ban xây dựng lộ trình triển khai công việc theo tháng (xác định từng tháng trong năm 2022 đạt kết quả gì) gửi về cơ quan thường trực của Ủy ban (Bộ Thông tin và Truyền thông) để tổng hợp báo cáo Chủ tịch Ủy ban - Thủ tướng Chính phủ kết quả triển khai các công việc theo tiến độ.

## Phụ lục III

### DANH MỤC CÁC NỀN TẢNG SỐ QUỐC GIA PHỤC VỤ CHUYÊN ĐỔI SỐ, CHÍNH PHỦ SỐ, KINH TẾ SỐ, XÃ HỘI SỐ

(kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBQGCDŞ, ngày tháng năm 2021  
của Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số)

#### 1. Định hướng chung

1.1. Nền tảng số là hệ thống thông tin hoạt động theo mô hình sử dụng công nghệ số để tạo môi trường cho phép nhiều bên cùng tham gia cung cấp dịch vụ cho các tổ chức, cá nhân có thể sử dụng ngay, đơn giản, thuận tiện, linh hoạt theo yêu cầu, dễ dàng phổ biến trên diện rộng vì tổ chức, cá nhân không cần tự đầu tư, quản lý, vận hành, duy trì. Nền tảng số là “*hạ tầng mềm*” của không gian số, giải quyết các bài toán cụ thể của chuyển đổi số, tạo lập và lưu trữ dữ liệu người dùng, càng có nhiều người sử dụng thì dữ liệu càng nhiều, chi phí càng rẻ, giá trị tạo ra càng lớn.

1.2. Nền tảng số là giải pháp đột phá để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số. Điểm đột phá là nắm bắt cơ hội, phát triển và phổ cập thật nhanh các nền tảng số quốc gia phục vụ các nhu cầu riêng, đặc thù của người Việt Nam, trên cơ sở phân loại và thấu hiểu nhu cầu sử dụng của từng ngành, nghề, lĩnh vực.

1.3. Xác định danh mục chi tiết và định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung danh mục các nền tảng số quốc gia ưu tiên tập trung phát triển. Bảo đảm nguyên tắc phát triển các nền tảng có khả năng kết nối hoạt động liên thông theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, có sự liên kết, chia sẻ dữ liệu, tạo được sức mạnh tổng thể và mang lại hiệu quả, tránh việc triển khai trùng lặp, rời rạc.

1.4. Mỗi loại nền tảng số quốc gia do một Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ hoặc UBND một tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương hoặc một doanh nghiệp chủ trì, Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan phối hợp và các doanh nghiệp nghiên cứu, phát triển.

1.5. Cơ quan chủ trì có trách nhiệm chủ trì, phối hợp cùng các cơ quan liên quan thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Xây dựng kế hoạch hành động cụ thể để phát triển và sử dụng, phổ biến nền tảng số quốc gia được giao theo từng tháng, trong đó xác định cụ thể cơ chế phối hợp hành động giữa Bộ chủ trì với Bộ Thông tin và Truyền thông, các cơ quan phối hợp; xác định danh sách tối thiểu các doanh nghiệp phát triển nền tảng và cơ chế phối hợp với các doanh nghiệp; xác định nguồn lực đầu tư phù hợp, bao gồm cả đầu tư công, để phát triển nền tảng.

- Xây dựng, ban hành tiêu chí đánh giá, yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật và tổ chức đánh giá, công bố nền tảng số quốc gia đáp ứng yêu cầu.

- Tổ chức tập huấn, hướng dẫn sử dụng các nền tảng số quốc gia, tuyên

truyền, phổ biến rộng rãi trên toàn bộ hệ thống truyền thông từ Trung ương đến cơ sở để toàn dân biết và sử dụng.

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất các chính sách thúc đẩy sử dụng các nền tảng số quốc gia.

1.6. Doanh nghiệp được giao nhiệm vụ phát triển nền tảng số quốc gia chịu trách nhiệm nghiên cứu, phát triển các nền tảng số xuất sắc, chất lượng cao, coi đây vừa là nhiệm vụ phát triển kinh tế, vừa là nhiệm vụ chính trị để phát triển đất nước, cụ thể:

- Phối hợp cùng Cơ quan chủ trì và các cơ quan liên quan trong việc xây dựng tiêu chí, yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật của nền tảng số;

- Chủ động bố trí ngân sách từ nguồn kinh phí hoạt động của doanh nghiệp để nghiên cứu, xây dựng nền tảng số được giao. Xây dựng khung thiết kế và kế hoạch phát triển nền tảng số quốc gia, gửi Cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và Bộ Thông tin và Truyền thông thẩm tra, cho ý kiến để doanh nghiệp triển khai xây dựng nền tảng.

- Các doanh nghiệp đầu ngành (chiếm từ 20% thị phần trở lên) trong từng ngành, lĩnh vực có trách nhiệm phát triển các nền tảng số ngành để chuyển đổi số chính mình và thúc đẩy chuyển đổi số các doanh nghiệp, đối tác trong hệ sinh thái chuỗi cung ứng sản phẩm/dịch vụ của mình, từ đó phát triển kinh tế số ngành.

1.7. Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm:

- Tổ chức khảo sát, thu thập thông tin, dữ liệu và xây dựng, vận hành Cổng thông tin nền tảng số để cung cấp thông tin, thúc đẩy phát triển, hỗ trợ sử dụng các nền tảng số Việt Nam.

- Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp với Cơ quan chủ trì đôn đốc các doanh nghiệp phát triển các nền tảng số quốc gia, tổ chức đánh giá, công nhận nền tảng số đạt tiêu chí theo yêu cầu, tổ chức công bố, truyền thông, khuyến cáo đến các bộ, ngành, địa phương, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp lựa chọn sử dụng, triển khai ứng dụng sâu rộng các nền tảng số quốc gia trong ngành, lĩnh vực phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

- Định kỳ chủ trì phối hợp các Bộ quản lý ngành để rà soát, bổ sung các nền tảng số quốc gia vào Danh mục và lựa chọn, đặt hàng cho các doanh nghiệp có năng lực phát triển nền tảng số quốc gia phù hợp tình hình thực tế.

## **2. Danh sách nền tảng số quốc gia công bố đợt 1**

Trong 6 tháng đầu năm 2022, tập trung phát triển, công bố và thúc đẩy triển khai 35 nền tảng số quốc gia cụ thể như sau:

***2.1. Nền tảng quốc gia do cơ quan nhà nước làm chủ quản, do doanh nghiệp Việt Nam phát triển, làm chủ công nghệ lõi, sử dụng thống nhất trên toàn quốc, phục vụ hoạt động quản lý nhà nước hoặc cung cấp dịch vụ công phục vụ xã hội***



### **(1) Nền tảng điện toán đám mây**

Cơ quan chủ quản: Bộ Thông tin và Truyền thông

Mô tả ngắn gọn: Xây dựng Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ (CGC) thống nhất trên cơ sở quy hoạch, kết nối đám mây của các cơ quan nhà nước tại các bộ, ngành, địa phương (AGC). Nền tảng CGC thiết lập môi trường để lưu trữ, chia sẻ tài nguyên, phát triển dịch vụ dùng chung cho Chính phủ số trên quy mô toàn quốc được linh hoạt, hiệu quả, nhanh chóng; kết nối, khai thác hiệu quả các hệ thống đám mây của doanh nghiệp (EGC) để cung cấp hạ tầng điện toán đám mây cho Chính phủ số.

### **(2) Nền tảng địa chỉ số**

Cơ quan chủ quản: Bộ Thông tin và Truyền thông

Mô tả ngắn gọn: Xây dựng Nền tảng địa chỉ số trên cơ sở kế thừa nền tảng địa chỉ bưu chính VPostcode hiện có; gắn liền địa chỉ số đến từng công trình, nhà cửa, địa điểm đã được tạo địa chỉ số; tích hợp với nền tảng bản đồ số quốc gia dựa trên cơ sở dữ liệu quốc gia địa chỉ số, có chức năng chỉ đường, dẫn đường đến được từng địa chỉ số đã được tạo. Nền tảng địa chỉ số sẽ được mở để chia sẻ cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cùng khai thác để xây dựng các bản đồ số chuyên biệt phục vụ cho từng ngành, lĩnh vực và hoạt động của các tổ chức, doanh nghiệp.

### **(3) Nền tảng bản đồ số**

Cơ quan chủ quản: Bộ Tài nguyên và Môi trường

Mô tả ngắn gọn: Xây dựng Nền tảng bản đồ số cung cấp dịch vụ để phát triển các ứng dụng, dịch vụ dựa trên nền bản đồ, phục vụ quản lý của nhà nước và mọi mặt của đời sống, kinh tế, xã hội như: quản lý đô thị, dữ liệu kết cấu hạ tầng; sản xuất và bán lẻ; giao thông vận tải; quản lý đất đai, nông nghiệp; tài chính ngân hàng; cứu hộ, cứu nạn; thương mại điện tử... Nền tảng bản đồ số được tích hợp với Nền tảng địa chỉ số để chia sẻ cho các giải pháp phục vụ chuyển đổi số, dần thay thế các nền tảng bản đồ số khác trên thế giới.

### **(4) Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu**

Cơ quan chủ quản: Bộ Thông tin và Truyền thông

Mô tả ngắn gọn: Nền tảng được xây dựng, phát triển phục vụ kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức. Nền tảng giúp nâng cao chất lượng dịch vụ công cung cấp cho người dân và doanh nghiệp theo hướng lấy người dùng làm trung tâm, người dân và doanh nghiệp không phải cung cấp thông tin thủ công, nhiều lần cho cơ quan nhà nước; nâng cao hiệu quả của việc quản lý, chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu số thống nhất, tin cậy; tránh đầu tư trùng lặp, gây lãng phí trên quy mô toàn quốc; mở ra cơ hội cho khu vực tư có thể khai thác dữ liệu của cơ quan nhà nước để tạo ra giá trị mới.

### **(5) Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu**

Cơ quan chủ quản: Bộ Thông tin và Truyền thông

Mô tả ngắn gọn: Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu cung cấp khả năng tổng hợp dữ liệu từ nhiều nguồn, chuẩn hoá dữ liệu, lưu trữ vào kho dữ liệu; phân tích, xử lý dữ liệu theo nhu cầu; trình diễn dữ liệu theo nhiều chiều từ đó làm công cụ giúp các cơ quan nhà nước sử dụng, khai thác dữ liệu một cách có hiệu quả phục vụ công tác chỉ đạo điều hành.

### **(6) Nền tảng họp trực tuyến thế hệ mới**

Cơ quan chủ quản: Bộ Thông tin và Truyền thông

Mô tả ngắn gọn: Nền tảng cung cấp dịch vụ họp trực tuyến cho phép nhiều người tham gia họp trên môi trường mạng, hỗ trợ đa nền tảng, thiết bị; các tính năng cần thiết của cuộc họp như: đặt lịch, nhắc lịch, chia sẻ tài liệu, chia sẻ màn hình, chia sẻ video trực tuyến, quản lý, điều hành cuộc họp, biểu quyết... Nền tảng cho phép triển khai họp qua Internet hoặc mạng truyền số liệu chuyên dùng, tiến tới cạnh tranh và thay thế các nền tảng lớn về họp trực tuyến trên thế giới.

### **(7) Nền tảng dạy học trực tuyến**

Cơ quan chủ quản: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Mô tả ngắn gọn: Xây dựng và phát triển nền tảng đào tạo trực tuyến cung cấp một hệ sinh thái học tập bao gồm: quản lý học tập, quản lý kho tài nguyên học liệu số,... cho giáo viên, học sinh và các cơ sở giáo dục. Nền tảng đào tạo trực tuyến sẽ trở thành sân chơi mở, bình đẳng, kích thích sáng tạo, phát triển hệ sinh thái EdTech Việt Nam.

### **(8) Nền tảng học kỹ năng trực tuyến mở (MOOCS)**

Cơ quan chủ quản: Bộ Thông tin và Truyền thông

Mô tả ngắn gọn: Nền tảng học kỹ năng trực tuyến mở được xây dựng để phổ cập kỹ năng số cho mọi đối tượng bao gồm cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân nói chung; phổ cập kỹ năng số nâng cao cho người dân theo hướng cá nhân hóa, đào tạo về kỹ năng, quyền và trách nhiệm công dân số. Việc triển khai nền tảng giúp người dân có kỹ năng sử dụng các loại hình dịch vụ công trực tuyến và các dịch vụ số thiết yếu khác trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, giao thông, du lịch, ngân hàng; cơ bản nắm được cách thức sử dụng dịch vụ khi có nhu cầu.

### **(9) Nền tảng hóa đơn điện tử**

Cơ quan chủ quản: Bộ Tài chính

Mô tả ngắn gọn: Nền tảng hóa đơn điện tử quốc gia kết nối, liên thông với toàn bộ các cơ quan thuế, cho phép mỗi cá nhân, hộ kinh doanh, doanh nghiệp dễ dàng gửi nhận hóa đơn điện tử với nhau và với cơ quan thuế thông qua nền tảng này. Nền tảng giúp rút ngắn thời gian thực hiện giao dịch điện tử, tiết kiệm chi phí, xây dựng cơ sở dữ liệu về hóa đơn, khắc phục tình trạng gian lận sử dụng bất hợp pháp, tạo môi trường kinh doanh lành mạnh cho các chủ thể kinh doanh.

### **(10) Nền tảng định danh người dân**

Cơ quan chủ quản: Bộ Công an

Mô tả ngắn gọn: Nền tảng định danh người dân được kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để phục vụ định danh mọi người dân trên môi trường số, khi tham gia sử dụng các dịch vụ số. Mỗi người dân khi tham gia không gian số sẽ được xác thực, định danh và sử dụng cho mọi hoạt động hàng ngày. Nền tảng sẽ có vai trò thúc đẩy toàn bộ các hoạt động chuyên đổi số quốc gia, đặc biệt cho các hoạt động thương mại điện tử, thanh toán điện tử,...

### **(11) Nền tảng dữ liệu số nông nghiệp**

Cơ quan chủ quản: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Mô tả ngắn gọn: Phát triển Nền tảng dữ liệu số nông nghiệp trong đó cơ quan nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, hợp tác xã và doanh nghiệp nông nghiệp đóng vai trò nòng cốt và người nông dân tham gia tích cực trong việc thu thập, chuẩn hóa, mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ sản xuất nông nghiệp, tiêu thụ nông sản; kịp thời cung cấp thông tin, tư vấn, dự báo tình hình cho nông dân.

### **(12) Nền tảng truy xuất nguồn gốc nông sản**

Cơ quan chủ quản: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Mô tả ngắn gọn: Nền tảng truy xuất nguồn gốc nông sản cung cấp dịch vụ truy vết và chứng thực thông tin trong từng công đoạn, từ khâu sản xuất đến khâu vận chuyển và đến tay người tiêu dùng trong chuỗi giá trị nông nghiệp giúp minh bạch hóa Chuỗi cung ứng; Tối ưu Chuỗi cung ứng; Truy xuất được nguồn gốc.

### **(13) Nền tảng hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa**

Cơ quan chủ quản: Bộ Y tế

Mô tả ngắn gọn: Nền tảng hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa cung cấp dịch vụ hỗ trợ, tư vấn sức khỏe từ xa cho người dân qua ứng dụng di động và các phương tiện công nghệ khác; Tích hợp công nghệ số vào dịch vụ theo dõi chăm sóc sức khỏe tại gia đình; theo dõi hàng ngày các chỉ số đo mà không cần thường xuyên đến phòng khám của bác sĩ, không phải đến bệnh viện, không phải xếp hàng, chờ đợi để được khám chữa bệnh; tư vấn sức khỏe 24/7. Nền tảng sẽ giúp người dân tiếp cận được dịch vụ khám chữa bệnh có chất lượng hơn, giảm tải cho các cơ sở y tế tuyến trên.

### **(14) Nền tảng quản lý tiêm chủng**

Cơ quan chủ quản: Bộ Y tế

Mô tả ngắn gọn: Nền tảng quản lý tiêm chủng cung cấp công cụ, dịch vụ cho mọi cơ sở tiêm chủng trên toàn quốc tổ chức tiêm ngừa cho người dân tại Việt Nam. Nền tảng cho phép người dân đăng ký tiêm chủng trực tuyến, cho phép cơ sở tiêm chủng lập kế hoạch tiêm, lập danh sách tiêm, thực hiện tiêm và tổng hợp thông tin sau tiêm. Nền tảng quản lý tiêm chủng sẽ tích hợp dữ liệu với Nền tảng hồ sơ sức khỏe điện tử.

### **(15) Nền tảng hồ sơ sức khỏe điện tử**

Cơ quan chủ quản: Bộ Y tế

Mô tả ngắn gọn: Nền tảng hồ sơ sức khỏe điện tử sẽ là một y bạ điện tử cho mỗi người dân ghi lại quá trình chăm sóc sức khỏe từ lúc sinh ra cho đến khi mất đi. Khi đi khám bệnh, thông qua hồ sơ sức khỏe điện tử, người dân cung cấp cho thầy thuốc biết tình trạng sức khỏe, tiền sử bệnh tật và quá trình khám chữa bệnh một cách nhanh chóng, chính xác, đầy đủ, tạo thuận lợi cho việc chẩn đoán và điều trị. Đây là thành phần cốt lõi nhất trong phát triển y tế thông minh, thúc đẩy chuyển đổi số ngành Y tế.

### **(16) Nền tảng trạm y tế xã**

Cơ quan chủ quản: Bộ Y tế

Mô tả ngắn gọn: Nền tảng trạm y tế xã/phường giúp các cơ sở y tế phường, xã, phòng khám khu vực tại các tỉnh quản lý toàn diện các hoạt động khám, chữa bệnh tại địa phương mình quản lý. Nền tảng đảm bảo tuân thủ theo quy định của Bộ Y tế, bảo đảm kết nối, liên thông dữ liệu với nền tảng, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các cơ sở y tế tuyến huyện, tuyến tỉnh, Bộ Y tế và Bảo hiểm xã hội Việt Nam thông qua nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu y tế cơ sở của Bộ Y tế.

### **(17) Nền tảng phát thanh số**

Cơ quan chủ quản: VOV

Mô tả ngắn gọn: Nền tảng phát thanh số cung cấp kênh trực tuyến giúp người dân có thể nghe, nghe lại bất kỳ chương trình phát thanh trên sóng của Đài Tiếng nói Việt Nam hoặc các Đài truyền thanh cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã tại Việt Nam. Nền tảng hỗ trợ người dân tiếp cận các kênh phát thanh mọi lúc, mọi nơi, kể cả đối với kiều bào ở nước ngoài.

### **(18) Nền tảng truyền hình số**

Cơ quan chủ quản: VTV

Mô tả ngắn gọn: Nền tảng truyền hình số cung cấp kênh trực tuyến giúp người dân trong và ngoài nước tiếp cận được bất kỳ kênh, chương trình truyền hình nào do Đài truyền hình Việt Nam, các Đài truyền hình địa phương phát sóng. Nền tảng truyền hình số còn cung cấp các nội dung theo nhu cầu khác, đáp ứng nhu cầu của người dân và xu thế công nghệ.

### **(19) Nền tảng bảo tàng số**

Cơ quan chủ quản: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Mô tả ngắn gọn: Nền tảng bảo tàng số ứng dụng công nghệ số trong trưng bày, đưa tư liệu, hiện vật đến gần hơn với người xem. Các tư liệu, hiện vật được số hóa dưới dạng 2D, 3D, xây dựng video clip, liên kết các mảnh ghép của không gian, thời gian thành các câu chuyện hiện vật sống động, truyền tải tới người xem trực tiếp cũng như qua các kênh trực tuyến, Internet, thiết bị di động hoặc trình chiếu ngoài trời.

## **(20) Nền tảng khảo sát, thu thập ý kiến người dân**

Cơ quan chủ quản: Bộ Thông tin và Truyền thông

Mô tả ngắn gọn: Nền tảng khảo sát, thu thập ý kiến người dân là kênh độc lập thu thập, tổng hợp ý kiến phản ánh, đánh giá của người dân liên quan đến mọi vấn đề đời sống kinh tế, xã hội. Cơ quan nhà nước thu thập, đánh giá mức độ hài lòng của người dân khi sử dụng các dịch vụ công; thu thập các ý kiến góp ý về các chính sách quản lý đã hoặc chuẩn bị ban hành. Nền tảng triển khai tập trung, nhưng các bảng khảo sát, câu hỏi xin ý kiến người dân có thể đưa vào từng dịch vụ công, từng nền tảng, tiếp cận đến từng người dân để thu thập thông tin đã được cá thể hóa.

### ***2.2. Nền tảng quốc gia do doanh nghiệp làm chủ quản, làm chủ công nghệ lõi, cung cấp dịch vụ phục vụ nhu cầu của xã hội***

#### **(1) Nền tảng điện toán đám mây**

Doanh nghiệp nòng cốt: Viettel, VNPT, FPT, MobiFone, FPT, CMC, VNG, VCCorp.

Mô tả ngắn gọn: Nền tảng điện toán đám mây do các doanh nghiệp xây dựng, phát triển và cung cấp dịch vụ ra thị trường phục vụ nhu cầu của các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp tổ chức và toàn xã hội.

#### **(2) Nền tảng trí tuệ nhân tạo**

Doanh nghiệp nòng cốt: Viettel, VNPT, FPT, Vin Bigdata, VAIS, Vbee.

Mô tả ngắn gọn: Nền tảng trí tuệ nhân tạo cung cấp dưới hình thức dịch vụ cho phép các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức sử dụng hoặc phát triển thêm các dịch vụ gia tăng để cung cấp ra thị trường. Thông qua hình thức nền tảng, dữ liệu và mức độ ‘thông minh’ sẽ ngày càng phát triển.

#### **(3) Nền tảng thiết bị IoT**

Doanh nghiệp nòng cốt: Viettel, VNPT, Vintech.

Mô tả ngắn gọn: Nền tảng thiết bị IoT cung cấp dưới dạng dịch vụ cho phép các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, người dân dịch vụ quản lý thiết bị IoT, thiết lập kết nối các thiết bị IOT từ xa, thu thập và quản lý dữ liệu từ các thiết bị IoT, xử lý dữ liệu theo nhu cầu, kết nối, tích hợp chia sẻ dữ liệu với các ứng dụng bên ngoài mạng IoT... một cách hiệu quả, không phải đầu tư hạ tầng chuyên dùng để xây dựng, phát triển các ứng dụng IoT.

#### **(4) Nền tảng họp trực tuyến thế hệ mới**

Doanh nghiệp nòng cốt: VNPT, FPT, Mobifone, BKAV, VNG, Comeet.

Mô tả ngắn gọn: Nền tảng họp trực tuyến được các doanh nghiệp trong nước phát triển, cung cấp dưới hình thức dịch vụ họp trực tuyến cho các cơ quan tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân cho phép nhiều người tham gia họp trên môi trường mạng, hỗ trợ đa nền tảng, thiết bị; các tính năng cần thiết của cuộc họp; tiến tới cạnh tranh và thay thế các nền tảng lớn về họp trực tuyến trên thế giới.

### **(5) Nền tảng mạng xã hội thế hệ mới**

Doanh nghiệp nòng cốt: VNPT, Viettel, Gapo, Lotus, VNG.

Mô tả ngắn gọn: Mạng xã hội do các doanh nghiệp Việt Nam xây dựng, phát triển với các đặc tính khác biệt nhằm tạo ra một mạng xã hội “sạch” cho người Việt, mang lại lợi ích hài hòa cho các bên tham gia, bảo đảm phát triển ổn định, bền vững, an toàn, an ninh mạng, hạn chế sự phụ thuộc vào mạng xã hội nước ngoài.

### **(6) Nền tảng sàn thương mại điện tử**

Doanh nghiệp nòng cốt: Viettel, VNPT, One Mount Group, VNPOST, FPT.

Mô tả ngắn gọn: Nền tảng cung cấp dưới hình thức dịch vụ cho phép các doanh nghiệp trực tuyến quản lý hợp nhất hoạt động bán hàng, tiếp thị, vận hành kinh doanh, địa điểm và khách hàng; cá nhân hóa các dịch vụ, sản phẩm theo nhu cầu của từng khách hàng; phân tích dữ liệu tiêu dùng và bán hàng theo thời gian thực để có phương án tổ chức hoạt động phù hợp; quản lý mối quan hệ khách hàng và dịch vụ thiết yếu; hỗ trợ thanh toán di động thuận tiện.

### **(7) Nền tảng đại học số**

Doanh nghiệp nòng cốt: VNPT, FPT, Trí Nam.

Mô tả ngắn gọn: Nền tảng Đại học số cung cấp dưới hình thức dịch vụ cho các trường đại học để thực hiện tất cả các khâu trong một trường Đại học trên môi trường mạng: Thực hiện tuyển sinh/nhập học số; liên thông dữ liệu và hình thành một cơ sở dữ liệu mở dùng chung; tổ chức đào tạo/đánh giá/khảo thí... nhằm tiết kiệm thời gian, công sức, chi phí của học viên, giảng viên, cán bộ, lãnh đạo.

### **(8) Nền tảng quản trị tổng thể**

Doanh nghiệp nòng cốt: VNPT, FPT, MISA, 1Office.

Mô tả ngắn gọn: Nền tảng quản trị tổng thể cung cấp dưới hình thức dịch vụ quản trị của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trên môi trường mạng nhằm hỗ trợ, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành.

### **(9) Nền tảng kế toán dịch vụ**

Doanh nghiệp nòng cốt: MISA, Fast.

Mô tả ngắn gọn: Nền tảng Kế toán dịch vụ giúp kết nối các doanh nghiệp có nhu cầu thuê dịch vụ kế toán/thuế với các doanh nghiệp, cá nhân cung cấp dịch vụ kế toán/thuế. Doanh nghiệp có thể tìm đúng kế toán có năng lực ở bất kỳ mảng nghiệp vụ mà doanh nghiệp cần, như: kế toán thuế/bán hàng/nội bộ... Doanh nghiệp sẽ giải quyết được bài toán rào cản chi phí, nhất là khi chuyên đổi số thì nghiệp vụ kế toán sẽ mở rộng ra trong khi nhân sự hiện có chưa đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ mới.

### **(10) Nền tảng quản trị và kinh doanh du lịch**

Doanh nghiệp nòng cốt: Viettel, VNPT, VinHMS, FPT, Mobifone, ezCloud.

Mô tả ngắn gọn: Nền tảng quản trị và kinh doanh du lịch cung cấp dịch vụ thống kê, báo cáo, quản trị theo thời gian thực về lượng khách, doanh thu, phòng trống... của khách sạn, cơ sở lưu trú mọi lúc mọi nơi; quản trị nội bộ khách sạn (phòng, bán hàng, tài chính, nhân sự...); công cụ cho phép người sử dụng tìm kiếm, đặt phòng, trả phòng; tích hợp với cơ quan Nhà nước về quản lý lưu trú nhằm giám sát hoạt động lưu trú khi cần và cung cấp số liệu phục vụ cho công tác thống kê của Tổng cục du lịch về lượng khách, doanh thu theo từng mảng và nguồn khách từ các quốc gia trên thế giới đến Việt nam.

### **(11) Nền tảng quản trị và kinh doanh vận tải**

Doanh nghiệp nòng cốt: Vexere, Anvui, Be.

Mô tả ngắn gọn: Nền tảng quản trị và kinh doanh vận tải giúp các doanh nghiệp, tổ chức vận tải kết nối, cung cấp dịch vụ, kết nối khách hàng trực tuyến để mở rộng thị trường. Nền tảng giúp các doanh nghiệp vận tải tiến hành chuyển đổi số, thay đổi quy trình vận tải truyền thống.

### **(12) Nền tảng trung tâm giám sát điều hành thông minh (IOC)**

Doanh nghiệp nòng cốt: Viettel, VNPT, FPT, AIC.

Mô tả ngắn gọn: Nền tảng trung tâm giám sát điều hành thông minh cung cấp dịch vụ giám sát, cảnh báo; chỉ đạo, điều hành; phân tích và xử lý dữ liệu; quản lý chỉ số hiệu suất (KPIs); quản lý quy trình nghiệp vụ; báo cáo thống kê; mô phỏng và dự báo. Giúp lãnh đạo các cấp có khả năng giám sát, điều hành, hỗ trợ chỉ huy và quản lý chất lượng dịch vụ do bộ, ngành, địa phương cung cấp một cách tổng thể với việc ứng dụng các công nghệ phân tích dữ liệu hoặc trí tuệ nhân tạo; mang đến hiệu quả, cơ hội phát triển các ngành, lĩnh vực và kinh tế - xã hội.

### **(13) Nền tảng trung tâm giám sát điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC)**

Doanh nghiệp nòng cốt: Viettel, VNPT, BKAV, CMC, VNCS.

Mô tả ngắn gọn: Nền tảng cung cấp dịch vụ Trung tâm điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC) đáp ứng yêu cầu kết nối, chia sẻ thông tin góp phần đảm bảo an toàn, an ninh mạng cho quá trình chuyển đổi số quốc gia: Giúp các Bộ, ngành, địa phương rút ngắn thời gian 90% khối lượng, thời gian triển khai mô hình “4 lớp” về bảo đảm an toàn thông tin mạng; nâng cao năng lực đảm bảo an toàn thông tin mạng cho các chủ quản hệ thống thông tin.

### **(14) Nền tảng trợ lý ảo**

Doanh nghiệp nòng cốt: Viettel, VNPT, FPT, VNG, Vin Bigdata.

Mô tả ngắn gọn: Nền tảng trợ lý ảo được ứng dụng trong nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, giúp tự động hóa nhiều quy trình, tiết kiệm nhân công và tăng cường năng suất công việc. Trợ lý ảo có thể giúp người dân trong các hoạt động thường ngày cũng như giúp cán bộ, người lao động trong công việc.

### **(15) Nền tảng tối ưu hóa chuỗi cung ứng**

Doanh nghiệp nòng cốt: Abivin, Smartlog.

Mô tả ngắn gọn: Nền tảng tối ưu hóa chuỗi cung ứng nhằm quản lý và cung cấp các số liệu kịp thời về các hoạt động của chuỗi cung ứng, sử dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo và xử lý dữ liệu lớn để mô phỏng và tối ưu hóa các quy trình và từ đó xác định những giải pháp hiệu quả phục vụ các doanh nghiệp, tổ chức trong chuỗi cung ứng.



## VĂN BẢN THAM KHẢO KÈM THEO

---

**1. QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030**

**2. QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ HƯỚNG TỚI CHÍNH PHỦ SỐ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030**

**3. DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
-----  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

Số: 749/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 03 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**PHÊ DUYỆT “CHƯƠNG TRÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030”**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;*

*Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” với những nội dung chủ yếu sau:

**I. TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030**

Việt Nam trở thành quốc gia số, ổn định và thịnh vượng, tiên phong thử nghiệm các công nghệ và mô hình mới; đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của Chính phủ, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức sống, làm việc của người dân, phát triển môi trường số an toàn, nhân văn, rộng khắp.

**II. MỤC TIÊU CƠ BẢN**

Chương trình Chuyển đổi số quốc gia nhằm mục tiêu kép là vừa phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, vừa hình thành các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam có năng lực đi ra toàn cầu, với một số chỉ số cơ bản cụ thể như sau.

## 1. Mục tiêu cơ bản đến năm 2025

### a) Phát triển Chính phủ số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

- 80% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động;

- 90% hồ sơ công việc tại cấp bộ, tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước);

- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ;

- 100% cơ sở dữ liệu quốc gia tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử bao gồm các cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư, Đất đai, Đăng ký doanh nghiệp, Tài chính, Bảo hiểm được hoàn thành và kết nối, chia sẻ trên toàn quốc; từng bước mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước để cung cấp dịch vụ công kịp thời, một lần khai báo, trọn vòng đời phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội;

- 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý;

- Việt Nam thuộc nhóm 70 nước dẫn đầu về Chính phủ điện tử (EGDI).

### b) Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

- Kinh tế số chiếm 20% GDP;

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%;

- Năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 7%;

- Việt Nam thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu về công nghệ thông tin (IDI);

- Việt Nam thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu về chỉ số cạnh tranh (GCI);

- Việt Nam thuộc nhóm 35 nước dẫn đầu về đổi mới sáng tạo (GII).

### c) Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 80% hộ gia đình, 100% xã;
- Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh;
- Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 50%;
- Việt Nam thuộc nhóm 40 nước dẫn đầu về an toàn, an ninh mạng (GCI).

## 2. Mục tiêu cơ bản đến năm 2030

### a) Phát triển Chính phủ số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

- 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động;
- 100% hồ sơ công việc tại cấp bộ, tỉnh; 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước);
- Hình thành nền tảng dữ liệu cho các ngành kinh tế trọng điểm dựa trên dữ liệu của các cơ quan nhà nước và hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT), kết nối, chia sẻ rộng khắp giữa các cơ quan nhà nước, giảm 30% thủ tục hành chính; mở dữ liệu cho các tổ chức, doanh nghiệp, tăng 30% dịch vụ sáng tạo dựa trên dữ liệu phục vụ người dân, doanh nghiệp;
- 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý;
- Việt Nam thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu về Chính phủ điện tử (EGDI).

### b) Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

- Kinh tế số chiếm 30% GDP;
- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%;
- Năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 8%;
- Việt Nam thuộc nhóm 30 nước dẫn đầu về công nghệ thông tin (IDI);
- Việt Nam thuộc nhóm 30 nước dẫn đầu về chỉ số cạnh tranh (GCI);
- Việt Nam thuộc nhóm 30 nước dẫn đầu về đổi mới sáng tạo (GII).

### c) Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

- Phổ cập dịch vụ mạng Internet băng rộng cáp quang;

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 5G;
- Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 80%;
- Việt Nam thuộc nhóm 30 nước dẫn đầu về an toàn, an ninh mạng (GCI).

### **III. QUAN ĐIỂM**

#### **1. Nhận thức đóng vai trò quyết định trong chuyển đổi số**

Chuyển đổi số trước tiên là chuyển đổi nhận thức. Một cơ quan, tổ chức có thể tiến hành chuyển đổi số ngay thông qua việc sử dụng nguồn lực, hệ thống kỹ thuật sẵn có để số hóa toàn bộ tài sản thông tin của mình, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ, cơ cấu tổ chức và chuyển đổi các mối quan hệ từ môi trường truyền thống sang môi trường số.

Mỗi cơ quan, tổ chức và cả quốc gia cần tận dụng tối đa cơ hội để phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, trong đó, việc xác định sớm lộ trình và đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số trong từng ngành, từng lĩnh vực, từng địa phương có ý nghĩa sống còn, là cơ hội để phát triển các ngành, lĩnh vực, địa phương và nâng cao thứ hạng quốc gia. Đi nhanh, đi trước giúp dễ thu hút nguồn lực. Nếu đi chậm, đi sau, khi chuyển đổi số đã trở thành xu hướng phổ biến thì nguồn lực trở nên khan hiếm, cơ hội sẽ ít đi, sẽ bỏ lỡ cơ hội phát triển.

#### **2. Người dân là trung tâm của chuyển đổi số**

Thiết bị di động thông minh là phương tiện chính của người dân trong thế giới số. Hình thành văn hóa số gắn với bảo vệ văn hóa, giá trị đạo đức căn bản của con người và chủ quyền số quốc gia. Chuyển đổi số là phương thức để thực hiện các Mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc.

Lĩnh vực có tác động xã hội, liên quan hàng ngày tới người dân, thay đổi nhận thức nhanh nhất, mang lại hiệu quả, giúp tiết kiệm chi phí cần ưu tiên chuyển đổi số trước, bao gồm: Y tế, Giáo dục, Tài chính - Ngân hàng, Nông nghiệp, Giao thông vận tải và logistics, Năng lượng, Tài nguyên và Môi trường, Sản xuất công nghiệp.

#### **3. Thể chế và công nghệ là động lực của chuyển đổi số**

Thể chế cần phải đi trước một bước khi có thể. Chính phủ kiến tạo thể chế, chính sách nhằm sẵn sàng chấp nhận và thử nghiệm cái mới một cách có kiểm soát; hình thành văn hóa chấp nhận và thử nghiệm cái mới; làm điểu, làm nhanh, sau đó đánh giá và nhân rộng; thúc đẩy phát triển công nghiệp sáng tạo. Chính phủ đẩy nhanh tiến trình phát triển Chính phủ điện tử, hướng tới Chính phủ số.

Doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam là lực lượng chủ lực phát triển các hạ tầng, nền tảng, dịch vụ, tư vấn, cung cấp giải pháp chuyển đổi số; đi từ ứng dụng, đến sản phẩm, dịch vụ, đến làm chủ một số công nghệ lõi, từ đó, vươn ra thị trường toàn cầu.

4. Phát triển nền tảng số là giải pháp đột phá để thúc đẩy chuyển đổi số nhanh hơn, giảm chi phí, tăng hiệu quả

Hợp tác quốc tế là giải pháp quan trọng để thực hiện chuyển đổi số, đặc biệt là thúc đẩy chuyển đổi số trong xã hội, từ đó, tạo lực kéo tiến trình chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước. Tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam hợp tác với các doanh nghiệp công nghệ lớn trên thế giới để nghiên cứu, phát triển, chuyển giao, tiên phong áp dụng công nghệ mới, mô hình mới vào Việt Nam.

5. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng là then chốt để chuyển đổi số thành công và bền vững, đồng thời là phần xuyên suốt, không thể tách rời của chuyển đổi số. Mọi thiết bị, sản phẩm, phần mềm, hệ thống thông tin, dự án đầu tư về công nghệ thông tin đều có cấu phần bắt buộc về an toàn, an ninh mạng ngay từ khi thiết kế.

6. Sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, hành động đồng bộ ở các cấp và sự tham gia của toàn dân là yếu tố bảo đảm sự thành công của chuyển đổi số. Kết hợp hài hòa giữa tập trung và phân tán khi triển khai, có một cơ quan điều phối chung, trong đó:

a) Chương trình Chuyển đổi số quốc gia có tính động, mở, bao trùm, tạo nền móng, làm cơ sở xây dựng các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội;

b) Các bộ, ngành, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp phải coi chuyển đổi số quốc gia là một nhiệm vụ quan trọng trong chỉ đạo, điều hành và căn cứ tình hình cụ thể của từng bộ, ngành, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp để quyết định xây dựng đề án, chương trình, chiến lược, kế hoạch lồng ghép nội dung về chuyển đổi số trong hoạt động của mình. Nội dung chuyển đổi số quốc gia phải được chỉ đạo, giám sát, đánh giá định kỳ hằng năm, giữa nhiệm kỳ, 05 năm.

#### **IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TẠO NỀN MÓNG CHUYỂN ĐỔI SỐ**

##### **1. Chuyển đổi nhận thức**

Chuyển đổi nhận thức về sứ mệnh, sự cần thiết, tính cấp bách của chuyển đổi số trong xã hội, lan truyền từ điểm tới diện, từ một nhóm tổ chức, cá nhân tiên phong tới cộng đồng, bằng những câu chuyện thành công điển hình, có tính thuyết phục cao, bao gồm:

a) Người đứng đầu chịu trách nhiệm trực tiếp về chuyển đổi số trong cơ quan, tổ chức, lĩnh vực, địa bàn mình phụ trách; tổ chức phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền, người dân và

doanh nghiệp về sự cần thiết và tính cấp thiết của chuyển đổi số. Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với nghị quyết, chiến lược, chương trình hành động, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của các cấp, các ngành.

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cam kết đổi mới, cho phép thử nghiệm cái mới, ứng dụng công nghệ mới vì mục tiêu phát triển bền vững, liên kết các thành phần khác nhau theo mô hình kinh tế tuần hoàn; thúc đẩy phát triển công nghiệp sáng tạo trong ngành, lĩnh vực, địa phương mình phụ trách;

b) Duy trì hoạt động hiệu quả Liên minh Chuyển đổi số trên cơ sở tập hợp các doanh nghiệp công nghệ hàng đầu Việt Nam để truyền cảm hứng, chuyển đổi nhận thức trong toàn xã hội về chuyển đổi số, chủ động tiên phong thực hiện chuyển đổi số và tạo ra hạ tầng, nền tảng, dịch vụ, tạo điều kiện cho các tổ chức, doanh nghiệp khác của Việt Nam thực hiện chuyển đổi số.

Phát huy vai trò liên kết chuyển đổi số giữa các cơ quan nhà nước và các tổ chức, doanh nghiệp; giữa hội, hiệp hội ngành nghề công nghệ thông tin với hội, hiệp hội chuyên ngành trong các lĩnh vực khác để tạo hiệu ứng lan tỏa ra xã hội;

c) Xây dựng bộ nhận diện sử dụng chung cho các hoạt động trong khuôn khổ Chương trình Chuyển đổi số quốc gia. Xây dựng hình ảnh, thương hiệu quốc gia về chuyển đổi số, công nghệ số, đổi mới, công nghiệp sáng tạo.

Xây dựng chuyên mục tuyên truyền, phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng. Chia sẻ, phổ biến câu chuyện thành công, tôn vinh gương thành công điển hình về chuyển đổi số;

d) Mỗi địa phương chủ động lựa chọn một xã/phường để triển khai thử nghiệm công tác truyền thông, phổ biến các kỹ năng số cơ bản cho người dân, bao gồm các kỹ năng cơ bản như truy cập và sử dụng Internet, thư điện tử, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử, dịch vụ công trực tuyến và bảo đảm an toàn thông tin cá nhân.

## 2. Kiến tạo thể chế

Kiến tạo thể chế theo hướng khuyến khích, sẵn sàng chấp nhận sản phẩm, giải pháp, dịch vụ, mô hình kinh doanh số, thúc đẩy phương thức quản lý mới đối với những mối quan hệ mới phát sinh, bao gồm:

a) Chấp nhận thử nghiệm sản phẩm, giải pháp, dịch vụ, mô hình kinh doanh số trong khi quy định pháp lý chưa đầy đủ, rõ ràng, song song với việc hoàn thiện hành lang pháp lý.

Xây dựng khung pháp lý thử nghiệm có kiểm soát cho hoạt động phát triển, thử nghiệm và áp dụng các sản phẩm, giải pháp, dịch vụ, mô hình kinh doanh số ở

Việt Nam, quy định rõ phạm vi không gian và thời gian thử nghiệm, đề khuyến khích đổi mới, sáng tạo;

b) Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong các lĩnh vực chuyên ngành để đáp ứng yêu cầu điều chỉnh các mối quan hệ mới phát sinh trong tiến trình chuyển đổi số, khuyến khích đổi mới, sáng tạo;

c) Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về doanh nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo, sở hữu trí tuệ, thương mại, đầu tư, kinh doanh để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi số quốc gia và phát triển các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới dựa trên công nghệ số, Internet và không gian mạng;

d) Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật về công nghệ thông tin và truyền thông (Luật Giao dịch điện tử, Luật Công nghệ thông tin, Luật Viễn thông,...) để bảo đảm đầu tư của Nhà nước và huy động nguồn lực từ doanh nghiệp, xã hội để chuyển đổi số theo hướng: Khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân đầu tư, tài trợ cho chuyển đổi số; nghiên cứu, sửa đổi các quy định về Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp cho các nội dung chuyển đổi số của doanh nghiệp;

đ) Nghiên cứu chính sách, quy định cụ thể về thuế, phí để khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng, cung cấp các dịch vụ số;

e) Rà soát, đề xuất sửa đổi các văn bản pháp luật dân sự, hình sự và các luật chuyên ngành theo hướng tăng nặng mức và hình phạt cho các hành vi lừa đảo, gian lận khi giao dịch trên không gian mạng cũng như các hành vi lợi dụng, khai thác trái phép thông tin riêng, cá nhân trên mạng để người dùng an tâm khi thực hiện các giao dịch số.

### 3. Phát triển hạ tầng số

Phát triển hạ tầng số, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu bùng nổ về kết nối và xử lý dữ liệu, các chức năng về giám sát mạng lưới đến từng nút mạng và bảo đảm an toàn, an ninh mạng được tích hợp sẵn ngay từ khi thiết kế, xây dựng, bao gồm:

a) Xây dựng, phát triển hạ tầng băng rộng chất lượng cao trên toàn quốc, bắt đầu từ các thành phố lớn, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, khu công nghiệp, khu chế xuất, trung tâm nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo, cơ quan nhà nước, trường học, bệnh viện;

b) Quy hoạch lại băng tần, phát triển hạ tầng mạng di động 5G; nâng cấp mạng di động 4G; sớm thương mại hóa mạng di động 5G; triển khai các giải pháp để phổ cập điện thoại di động thông minh tại Việt Nam; xây dựng quy định và lộ trình yêu cầu tích hợp công nghệ 4G, 5G đối với các sản phẩm điện thoại di động và



các thiết bị Internet vạn vật (IoT) được sản xuất và nhập khẩu để lưu thông trên thị trường trong nước;

c) Mở rộng kết nối Internet trong nước thông qua các kết nối trực tiếp ngang hàng, kết nối tới trạm trung chuyển Internet (IXP), tới trạm trung chuyển Internet quốc gia VNIX. Mở rộng kết nối Internet khu vực và quốc tế, đặc biệt là phát triển các tuyến cáp quang biển, đưa Việt Nam trở thành một trong những trung tâm kết nối khu vực. Chuyển đổi toàn bộ mạng Internet Việt Nam sang ứng dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (Ipv6). Dịch vụ trực tuyến của các cơ quan nhà nước, báo điện tử, trang thông tin điện tử tổng hợp, giáo dục, y tế, thương mại điện tử của Việt Nam sử dụng tên miền quốc gia (.vn);

d) Phát triển hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT); xây dựng lộ trình và triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị để chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng số. Tất cả các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng thiết yếu, hạ tầng giao thông, đô thị, xây dựng phải có nội dung nghiên cứu, phân tích để xem xét, bổ sung hạng mục ứng dụng, kết nối mạng IoT, tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số. Các nội dung phát triển hạ tầng IoT phải bảo đảm hiệu quả, phát triển các hạ tầng dùng chung, tránh đầu tư trùng lặp.

#### 4. Phát triển nền tảng số

Phát triển nền tảng số mang tính thúc đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số diễn ra một cách tự nhiên, khai mở giá trị mới, mang lại lợi ích rõ ràng cho xã hội. Nền tảng số được tích hợp sẵn các chức năng về bảo đảm an toàn, an ninh mạng ngay từ khi thiết kế, xây dựng. Tập trung phát triển các nền tảng số sau:

a) Xây dựng hệ thống định danh và xác thực điện tử quốc gia, nền tảng trao đổi định danh và xác thực điện tử bảo đảm thiết thực, hiệu quả, tận dụng và kế thừa những hệ thống, nền tảng sẵn có để phục vụ giao dịch điện tử giữa người dân với cơ quan nhà nước và các giao dịch điện tử dân sự khác một cách dễ dàng, đơn giản, tiện lợi. Hỗ trợ, thúc đẩy hợp tác giữa một số tổ chức, doanh nghiệp lớn trong lĩnh vực viễn thông, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm xã hội để cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử;

b) Xây dựng hệ thống thanh toán điện tử cho phép doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ thanh toán điện tử không thông qua tài khoản ngân hàng (Mobile Money) đối với người dân để phổ cập, cung cấp khả năng tiếp cận dịch vụ thanh toán điện tử một cách rộng rãi tới tất cả người dân;

c) Xây dựng và làm chủ công nghệ điện toán đám mây (Cloud) với các mô hình triển khai (đám mây công cộng, đám mây riêng, đám mây lai) và các loại hình dịch vụ cung cấp trên đám mây khác nhau, phục vụ nhu cầu chuyển đổi số của các cơ quan nhà nước và xã hội;

d) Xác định danh sách các nền tảng số có khả năng triển khai dùng chung rộng khắp trong một số lĩnh vực như thương mại điện tử, nông nghiệp, du lịch, y tế, giáo dục, giao thông, xây dựng, tài nguyên và môi trường, học trực tuyến, nội dung số, dịch vụ kế toán, tài chính doanh nghiệp, đô thị, ngân hàng số và có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam đầu tư phát triển các hệ thống này.

## 5. Tạo lập niềm tin, bảo đảm an toàn, an ninh mạng

Tạo lập niềm tin vào tiến trình chuyển đổi số, hoạt động trên môi trường số thông qua việc hình thành văn hóa số, bảo vệ các giá trị đạo đức căn bản và bảo đảm an toàn, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân bao gồm:

a) Nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm quốc tế trong việc xây dựng các bộ quy tắc ứng xử, tạo lập niềm tin trong môi trường số, hình thành văn hóa số gắn liền với bảo vệ các giá trị đạo đức căn bản của nhân loại và văn hóa truyền thống của Việt Nam;

b) Xây dựng cơ chế hợp tác, đối thoại để giải quyết các vấn đề phát sinh; cơ chế hợp tác giữa Nhà nước và các hội, hiệp hội nghề nghiệp và doanh nghiệp trong xây dựng và thực thi chính sách;

c) Xây dựng và triển khai hệ thống xác định, phát hiện thông tin vi phạm pháp luật trên không gian mạng và kịp thời xử lý, gỡ bỏ. Yêu cầu các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp hạ tầng và nền tảng số có sứ mệnh bảo đảm thông tin đáng tin cậy, an toàn, lành mạnh, phát triển hệ thống nền tảng, hạ tầng, mạng lưới gắn với bảo đảm an toàn, an ninh mạng, có khả năng tự sàng lọc, phát hiện tấn công, bảo vệ ở mức cơ bản;

d) Xây dựng và triển khai hệ thống đánh giá tín nhiệm số đối với hệ thống thông tin của các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trực tuyến để đánh giá và công bố công khai mức độ an toàn, tin cậy;

đ) Thúc đẩy hoạt động bảo hiểm rủi ro cho chuyển đổi số, an toàn, an ninh mạng và giao dịch trên không gian mạng;

e) Xây dựng và triển khai hệ thống giám sát, cảnh báo sớm nguy cơ, điều phối ứng cứu sự cố mất an toàn, an ninh mạng cho các cơ quan, tổ chức tại Việt Nam, giúp bảo vệ quyền lợi chính đáng của cả người sử dụng và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trước những rủi ro và khi xảy ra sự cố.

## 6. Hợp tác quốc tế, nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo trong môi trường số

Thu hút nhân tài, hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp lớn trên thế giới để nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo, bao gồm:

a) Xây dựng chương trình hành động cụ thể để nghiên cứu, chuyển giao, triển khai các công nghệ mới ở Việt Nam, kết nối chuỗi tri thức từ nghiên cứu, phát triển đến thương mại, tăng tỷ lệ đầu tư công cho các dự án công nghệ;

b) Nghiên cứu, xây dựng các khu thử nghiệm dành cho doanh nghiệp công nghệ theo mô hình tiên tiến của thế giới để tiên phong thử nghiệm công nghệ mới nhất, mô hình mới nhất trên thế giới;

c) Lựa chọn ưu tiên nghiên cứu một số công nghệ cốt lõi mà Việt Nam có thể đi tắt đón đầu cũng như có khả năng tạo bứt phá mạnh mẽ như trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (blockchain) và thực tế ảo/ thực tế tăng cường (VR/AR). Ưu đãi, hỗ trợ mạnh các doanh nghiệp khởi nghiệp phát triển và khuyến khích các doanh nghiệp lớn, truyền thống đi đầu trong việc ứng dụng các công nghệ này vào hoạt động sản xuất, thương mại.

Xây dựng hệ thống điện toán có năng lực đủ mạnh để xử lý, phân tích dữ liệu, huy động được sự tham gia của cộng đồng, cho phép các tổ chức, doanh nghiệp cùng khai thác phục vụ phát triển hệ sinh thái sản phẩm sáng tạo ứng dụng trí tuệ nhân tạo;

d) Chủ động hợp tác quốc tế trong việc tham gia quản lý các tài nguyên chung trong môi trường số và trên không gian mạng; tham gia các tổ chức quốc tế và chủ trì, dẫn dắt triển khai một số sáng kiến về chuyển đổi số.

## **V. MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ SỐ**

Chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, phát triển Chính phủ điện tử, hướng đến Chính phủ số trong đó tập trung phát triển hạ tầng số phục vụ các cơ quan nhà nước một cách tập trung, thông suốt; tạo lập dữ liệu mở dễ dàng truy cập, sử dụng, tăng cường công khai, minh bạch, phòng, chống tham nhũng, thúc đẩy phát triển các dịch vụ số trong nền kinh tế; cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên thiết bị di động thông minh để người dân, doanh nghiệp có trải nghiệm tốt nhất về dịch vụ, nhanh chóng, chính xác, không giấy tờ, giảm chi phí; cải thiện chỉ số xếp hạng quốc gia về Chính phủ điện tử.

1. Phát triển Hạ tầng chính phủ số phục vụ cơ quan nhà nước trên cơ sở kết hợp thế mạnh của Mạng Truyền số liệu chuyên dùng, mạng Internet, trung tâm dữ liệu của cơ quan nhà nước để phục vụ kết nối liên thông, xuyên suốt 4 cấp hành chính, sử dụng cơ chế mã hóa và công nghệ bảo đảm an toàn, an ninh mạng do Việt Nam làm chủ một cách an toàn, bảo mật.

Tái cấu trúc hạ tầng công nghệ thông tin của các bộ, ngành, địa phương, chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số ứng dụng công nghệ điện toán đám mây phục vụ kết nối, quản lý các nguồn lực, dữ liệu của cơ quan nhà nước một cách an toàn, linh hoạt, ổn định và hiệu quả.

2. Đẩy mạnh triển khai các nghị quyết, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án phát triển Chính phủ điện tử. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước đối với các ngành, lĩnh vực và hỗ trợ doanh nghiệp phát triển. Ưu tiên triển khai trước các cơ sở dữ liệu về dân cư, đất đai, y tế.

3. Xây dựng Cổng dữ liệu quốc gia (data.gov.vn), tích hợp với thành phần dữ liệu mở của Hệ tri thức Việt số hóa, cung cấp dữ liệu mở, cung cấp hiện trạng và lộ trình xây dựng dữ liệu trong các cơ quan nhà nước, mức độ chia sẻ và sử dụng dữ liệu và các thông tin cần thiết để kết nối; đánh giá, xếp hạng công khai mức độ phát triển dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương. Phát triển nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia, kết nối các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương nhằm kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu để cùng khai thác, sử dụng.

4. Phát triển, hoàn thiện Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ kết nối với hệ thống thông tin báo cáo của các bộ, cơ quan, địa phương bảo đảm tích hợp, chia sẻ dữ liệu số phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và chính quyền các cấp theo thời gian thực.

5. Áp dụng công nghệ mới nhất về truyền thông xã hội (Social), cung cấp thông tin và dịch vụ hành chính công một cách đơn giản, thuận tiện trên di động (Mobile), phân tích dữ liệu lớn (Big Data Analytics), trí tuệ nhân tạo (AI), thực tế ảo/ thực tế tăng cường (VR/AR) để thực hiện chuyển đổi số toàn diện các mặt công tác chỉ đạo, điều hành của cơ quan nhà nước và cung cấp trải nghiệm tốt nhất, thân thiện nhất cho người dùng.

6. Phát triển, hoàn thiện hệ thống Cổng Dịch vụ công quốc gia kết nối với Cổng dịch vụ công, hệ thống thông tin một cửa điện tử của các bộ, ngành, địa phương để cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; đưa toàn bộ các dịch vụ công trực tuyến lên mức độ 3, 4.

Thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ.

7. Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và các doanh nghiệp; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước theo quy định.

8. Thử nghiệm triển khai hiệu quả một số dịch vụ trên nền tảng đô thị thông minh, thử nghiệm Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh; lựa chọn đô thị điển hình của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để triển khai thử nghiệm, gắn liền phát triển dịch vụ đô thị thông minh với hệ thống chính quyền điện tử, phát triển

bền vững theo mô hình kinh tế tuần hoàn. Xác định mô hình triển khai thành công để phổ biến, nhân rộng.

9. Xây dựng chương trình nâng cao nhận thức, đào tạo kỹ năng về chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan nhà nước.

## **VI. MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ**

Thúc đẩy phát triển kinh tế số với trọng tâm là phát triển doanh nghiệp công nghệ số, chuyển dịch từ lắp ráp, gia công về công nghệ thông tin sang làm sản phẩm công nghệ số, công nghiệp 4.0, phát triển nội dung số, công nghiệp sáng tạo, kinh tế nền tảng, kinh tế chia sẻ, thương mại điện tử và sản xuất thông minh. Thúc đẩy chuyển đổi số trong các doanh nghiệp để nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và cả nền kinh tế.

1. Phát triển 04 loại hình doanh nghiệp công nghệ số, bao gồm:

a) Các tập đoàn, doanh nghiệp thương mại, dịch vụ lớn trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội chuyển hướng hoạt động sang lĩnh vực công nghệ số, đầu tư nghiên cứu công nghệ lõi;

b) Các doanh nghiệp công nghệ thông tin đã khẳng định được thương hiệu đảm nhận các sứ mệnh tiên phong nghiên cứu, phát triển, làm chủ công nghệ số và chủ động sản xuất;

c) Các doanh nghiệp khởi nghiệp ứng dụng công nghệ số để tạo ra các sản phẩm, dịch vụ mới trong các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội;

d) Các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới, sáng tạo về công nghệ số.

2. Chuyển dịch từ lắp ráp, gia công sang làm sản phẩm theo hướng “Make in Viet Nam” - sáng tạo tại Việt Nam, thiết kế tại Việt Nam và sản xuất tại Việt Nam.

Nghiên cứu, phát triển, làm chủ công nghệ, sản xuất các thiết bị số như điện thoại thông minh, tivi thông minh, máy tính bảng, các thiết bị IoT,... để phục vụ nhu cầu của xã hội, đáp ứng được các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

3. Phát triển sản phẩm nội dung số, truyền thông số, quảng cáo số. Phát triển công nghiệp sáng tạo, hệ sinh thái nội dung số Việt Nam đa dạng, hấp dẫn. Các bộ, ngành, địa phương cùng tham gia phát triển công nghiệp sáng tạo.

Triển khai các biện pháp kỹ thuật và phi kỹ thuật để nâng cao hiệu quả quản lý các nền tảng số toàn cầu hoạt động xuyên biên giới tại Việt Nam, tạo môi trường cạnh tranh công bằng, bình đẳng đối với doanh nghiệp nội dung số trong nước.

4. Xây dựng và triển khai Đề án Hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ngành nghề truyền thống, doanh nghiệp sản xuất chuyển đổi sang cung cấp sản phẩm, dịch vụ trên các nền tảng số, sản xuất thông minh và từng bước thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp, nâng cao năng lực nội tại của doanh nghiệp.

5. Phát triển thương mại điện tử

a) Xây dựng thị trường thương mại điện tử lành mạnh có tính cạnh tranh và phát triển bền vững, trong đó hỗ trợ ứng dụng rộng rãi thương mại điện tử trong doanh nghiệp và cộng đồng;

b) Phát triển nền tảng thương mại điện tử thông qua chuỗi giá trị, không chỉ dừng lại ở người tiêu dùng. Các nhà sản xuất lớn, các nhà phân phối vừa và nhỏ, các nhà bán buôn và các kênh thương mại bán lẻ, các công ty thương mại điện tử cùng cấu thành nên chuỗi cung ứng;

c) Tăng cường xây dựng các hệ thống hạ tầng và dịch vụ nhằm hỗ trợ phát triển thương mại điện tử.

## **VII. MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN XÃ HỘI SỐ**

Thúc đẩy chuyển đổi số xã hội, tập trung vào chuyển đổi kỹ năng, cung cấp các khóa học đại trà trực tuyến mở, hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp lớn trên thế giới để đào tạo, tập huấn, nâng cao kiến thức, kỹ năng về công nghệ số và chuyển đổi số, hình thành văn hóa số. Chuẩn bị nguồn nhân lực cho chuyển đổi số để phát triển xã hội số, không ai bị bỏ lại phía sau.

1. Lựa chọn, đào tạo, tập huấn đội ngũ tối thiểu 1000 chuyên gia về chuyển đổi số cho ngành, lĩnh vực, địa phương. Các chuyên gia này tiếp tục đào tạo lại cho cán bộ liên quan ở cơ quan, tổ chức mình và trở thành lực lượng nòng cốt để dẫn dắt, tổ chức và lan tỏa tiến trình chuyển đổi số quốc gia.

2. Triển khai các chương trình đào tạo, đào tạo lại kỹ năng lãnh đạo, quản lý chuyển đổi số cho người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, Giám đốc điều hành các doanh nghiệp.

3. Hàng năm tuyển sinh đào tạo, bổ sung cử nhân, kỹ sư chuyên ngành công nghệ thông tin. Điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo ở bậc sau đại học, đại học và dạy nghề gắn với công nghệ số như trí tuệ nhân tạo (AI), khoa học dữ liệu, dữ liệu lớn (Big Data), điện toán đám mây (Cloud Computing), Internet vạn vật (IoT), thực tế ảo/thực tế tăng cường (VR/AR), chuỗi khối (Blockchain), in ba chiều (3D Printing).

4. Triển khai áp dụng mô hình giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán học và nghệ thuật, kinh doanh, doanh nghiệp (giáo dục STEAM/STEAM/STEAME), đào tạo tiếng Anh và kỹ năng sử dụng công nghệ

thông tin, bảo đảm an toàn thông tin tại các cấp học. Thực hiện đào tạo, tập huấn hướng nghiệp để học sinh có các kỹ năng sẵn sàng cho môi trường số.

5. Tổ chức đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng số cho người lao động tại các doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu chế xuất. Thực hiện triển khai thử nghiệm đào tạo, đào tạo lại về công nghệ số cho người lao động ít nhất 1 giờ/1 tuần tại 3 tỉnh: Thái Nguyên, Quảng Nam và Bình Dương trước, sau đó triển khai đồng bộ tại các doanh nghiệp trên phạm vi cả nước.

6. Cung cấp các khóa học đại trà trực tuyến mở (MOOCS) cho tất cả người dân nâng cao khả năng tiếp cận giáo dục nhờ công nghệ số, đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng số. Phổ cập việc thi trực tuyến; công nhận giá trị của các chứng chỉ học trực tuyến; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập; phát triển các doanh nghiệp công nghệ phục vụ giáo dục hướng tới đào tạo cá thể hóa.

7. Đánh giá các tác động của công nghệ số đến xã hội để có các giải pháp chủ động giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của công nghệ số; ban hành các quy tắc ứng xử trên môi trường số cho doanh nghiệp và người dân; phát triển các Trung tâm giải đáp thắc mắc và hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng, tác động tiêu cực bởi công nghệ số.

## **VIII. MỘT SỐ LĨNH VỰC CẦN ƯU TIÊN CHUYỂN ĐỔI SỐ**

Một số ngành, lĩnh vực cần ưu tiên chuyển đổi số trước, trong đó, chú trọng tới việc triển khai các sáng kiến nhằm liên kết giữa các ngành, lĩnh vực để cung cấp một trải nghiệm mới, hoàn toàn khác, mang lại giá trị cho người dân, doanh nghiệp và xã hội.

### **1. Chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế**

Phát triển nền tảng hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa để hỗ trợ người dân được khám, chữa bệnh từ xa, giúp giảm tải các cơ sở y tế, hạn chế tiếp xúc đông người, giảm nguy cơ lây nhiễm chéo; 100% các cơ sở y tế có bộ phận khám chữa bệnh từ xa; thúc đẩy chuyển đổi số ngành y tế.

Xây dựng và từng bước hình thành hệ thống chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh dựa trên các công nghệ số; ứng dụng công nghệ số toàn diện tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh góp phần cải cách hành chính, giảm tải bệnh viện, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử tiến tới không sử dụng bệnh án giấy, thanh toán viện phí, hình thành các bệnh viện thông minh; xây dựng nền tảng quản trị y tế thông minh dựa trên công nghệ số, tích hợp thông tin, dữ liệu, hình thành cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế.

Thử nghiệm triển khai sáng kiến “Mỗi người dân có một bác sĩ riêng” với mục tiêu mỗi người dân có một hồ sơ số về sức khỏe cá nhân, trên cơ sở đó được bác

sĩ tư vấn, chăm sóc cho từng người dân như là bác sĩ riêng, hình thành hệ thống chăm sóc y tế số hoàn chỉnh từ khâu chăm sóc sức khỏe ban đầu, dự phòng đến điều trị.

Tạo hành lang pháp lý để tạo điều kiện cho khám chữa bệnh từ xa và đơn thuốc điện tử cho người dân, nhằm bảo đảm người dân có thể tiếp xúc bác sỹ nhanh, hiệu quả, giảm chi phí và thời gian vận chuyển bệnh nhân.

## 2. Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục

Phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng triệt để công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập; số hóa tài liệu, giáo trình; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến. Phát triển công nghệ phục vụ giáo dục, hướng tới đào tạo cá thể hóa.

100% các cơ sở giáo dục triển khai công tác dạy và học từ xa, trong đó thử nghiệm chương trình đào tạo cho phép học sinh, sinh viên học trực tuyến tối thiểu 20% nội dung chương trình. Ứng dụng công nghệ số để giao bài tập về nhà và kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh trước khi đến lớp học.

## 3. Chuyển đổi số trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng

Xây dựng tài chính điện tử và thiết lập nền tảng tài chính số hiện đại, bền vững. Triển khai ứng dụng toàn diện công nghệ số trong các ngành thuế, hải quan, kho bạc, chứng khoán.

Chuyển đổi số trong các ngân hàng thương mại để cung cấp dịch vụ ngân hàng số theo hướng phát triển đa dạng các kênh phân phối, đổi mới sáng tạo, tự động hóa quy trình, thúc đẩy hợp tác với các công ty công nghệ tài chính (fintech) và trung gian thanh toán trong việc xây dựng hệ sinh thái dịch vụ tài chính ngân hàng để thúc đẩy phổ cập tài chính quốc gia, đưa dịch vụ tài chính - ngân hàng đến gần hơn những đối tượng vùng sâu, vùng xa chưa có khả năng tiếp cận hoặc chưa được ngân hàng phục vụ dựa vào sự đổi mới sáng tạo của công nghệ như thanh toán di động, cho vay ngang hàng.

Hỗ trợ khả năng tiếp cận vốn vay nhờ các giải pháp chấm điểm tín dụng với kho dữ liệu khách hàng và mô hình chấm điểm đáng tin cậy.

## 4. Chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp

Phát triển nông nghiệp công nghệ cao theo hướng chú trọng nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác, tăng tỷ trọng của nông nghiệp công nghệ số trong nền kinh tế.

Thực hiện chuyển đổi số trong nông nghiệp phải dựa trên nền tảng dữ liệu. Tập trung xây dựng các hệ thống dữ liệu lớn của ngành như về đất đai, cây trồng, vật



nuôi, thủy sản. Xây dựng mạng lưới quan sát, giám sát tích hợp trên không và mặt đất phục vụ các hoạt động nông nghiệp. Thúc đẩy cung cấp thông tin về môi trường, thời tiết, chất lượng đất đai để người nông dân nâng cao năng suất và chất lượng cây trồng, hỗ trợ chia sẻ các thiết bị nông nghiệp qua các nền tảng số.

Ứng dụng công nghệ số để tự động hóa các quy trình sản xuất, kinh doanh; quản lý, giám sát nguồn gốc, chuỗi cung ứng sản phẩm, bảo đảm nhanh chóng, minh bạch, chính xác, an toàn, vệ sinh thực phẩm. Xem xét thử nghiệm triển khai sáng kiến “Mỗi nông dân là một thương nhân, mỗi hợp tác xã là một doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số” với mục tiêu mỗi người nông dân được định hướng, đào tạo ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, cung cấp, phân phối, dự báo (giá, thời vụ, ...) nông sản, đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử trong nông nghiệp.

Thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ trong công tác quản lý để có các chính sách, điều hành kịp thời phát triển nông nghiệp như dự báo, cảnh báo thị trường, quản lý quy hoạch.

#### 5. Chuyển đổi số trong lĩnh vực giao thông vận tải và logistics

Phát triển hệ thống giao thông thông minh, tập trung vào các hệ thống giao thông đô thị, các đường cao tốc, quốc lộ. Chuyển đổi các hạ tầng logistics (như cảng biển, cảng thủy nội địa, hàng không, đường sắt, kho vận ...).

Phát triển các nền tảng kết nối giữa các chủ hàng, các nhà giao vận và khách hàng để phát triển thành một hệ thống một cửa để cho phép chủ hàng có thể tìm ra phương tiện tối ưu để vận chuyển hàng hóa và các kho bãi chính xác cũng như hỗ trợ việc đóng gói và hỗ trợ đăng ký, hoàn thiện các quá trình xử lý các văn bản hành chính liên quan.

Chuyển đổi việc quản lý kết cấu hạ tầng giao thông, phương tiện kinh doanh vận tải, quản lý người điều khiển phương tiện, cho phép quản lý kết cấu hạ tầng giao thông số, đăng ký và quản lý phương tiện qua hồ sơ số, cấp và quản lý giấy phép người điều khiển phương tiện số.

#### 6. Chuyển đổi số trong lĩnh vực năng lượng

Chuyển đổi số trong lĩnh vực năng lượng, trong đó ưu tiên tập trung cho ngành điện lực hướng đến tối đa hóa và tự động hóa các mạng lưới cho việc cung ứng điện một cách hiệu quả.

Kết nối các đồng hồ đo điện số để cải thiện tốc độ và sự chính xác của hóa đơn, xác định sự cố về mạng lưới nhanh hơn, hỗ trợ người dùng cách tiết kiệm năng lượng và phát hiện ra các tổn thất, mất mát điện năng.

#### 7. Chuyển đổi số trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường

Xây dựng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu lớn toàn diện nhằm quản lý hiệu quả lĩnh vực tài nguyên và môi trường, cụ thể như: Cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia; các cơ sở dữ liệu về lĩnh vực khác (nền địa lý quốc gia; quan trắc tài nguyên và môi trường; đa dạng sinh học; nguồn thủy; viễn thám; biển và hải đảo; biến đổi khí hậu; khí tượng - thủy văn; địa chất - khoáng sản;...); xây dựng bản đồ số quốc gia mở làm nền tảng phát triển các dịch vụ số phát triển kinh tế - xã hội; triển khai các giải pháp thông minh trong quan trắc, giám sát, quản lý, xử lý sự cố môi trường, cảnh báo sớm thiên tai.

## 8. Chuyển đổi số trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp

Chuyển đổi số trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp theo hướng chú trọng phát triển các trụ cột: xây dựng chiến lược và cơ cấu tổ chức thông minh, xây dựng nhà máy thông minh, vận hành thông minh, tạo ra các sản phẩm thông minh, xây dựng dịch vụ về dữ liệu và phát triển kỹ năng số cho người lao động.

## IX. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Chương trình này bao gồm: ngân sách nhà nước; nguồn đầu tư của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Các bộ, ngành, địa phương căn cứ nhiệm vụ được giao ưu tiên nguồn lực để thực hiện các hoạt động chuyển đổi số.

2. Ưu tiên kinh phí từ ngân sách nhà nước để phục vụ các hoạt động hỗ trợ chuyển đổi nhận thức, kiến tạo thể chế, phát triển hạ tầng số, phát triển nền tảng số, tạo lập niềm tin, bảo đảm an toàn an ninh mạng, hợp tác quốc tế, nghiên cứu phát triển và đổi mới sáng tạo trong môi trường số và chuyển đổi kỹ năng trong môi trường số và các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình này do cơ quan nhà nước chủ trì thực hiện.

3. Đối với các đơn vị có các nguồn kinh phí được để lại theo quy định (đang đề ngoài cân đối ngân sách): Việc sử dụng kinh phí để thực hiện Chương trình thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công và pháp luật chuyên ngành.

## X. BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ

1. Nghiên cứu quốc tế, xây dựng và thường xuyên cập nhật, bổ sung bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số bao gồm các chỉ số đánh giá về Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số của quốc gia, từng ngành, từng địa phương trên cơ sở kế thừa, phát triển từ bộ chỉ số đo lường Chính phủ điện tử.

2. Xây dựng, lồng ghép tiêu chí đánh giá về chuyển đổi số vào các bộ chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI Index), bộ chỉ số cải cách hành chính (PAR Index)

và bộ chỉ số công nghệ thông tin và truyền thông (ICT Index), bộ chỉ số đánh giá mức độ ứng dụng công nghệ thông tin.

3. Định kỳ hàng năm công bố kết quả đánh giá làm cơ sở để theo dõi, đôn đốc, điều chỉnh Chương trình.

## **XI. CƠ CHẾ ĐIỀU PHỐI TRIỂN KHAI**

1. Ủy ban Quốc gia về Chính phủ điện tử thực hiện chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu, đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về chủ trương, chiến lược, cơ chế, chính sách tạo môi trường pháp lý thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số và xã hội số; đôn đốc, điều phối chung việc triển khai Chương trình Chuyển đổi số quốc gia.

2. Ban Chỉ đạo xây dựng Chính phủ điện tử/Chính quyền điện tử của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đôn đốc, điều phối chung việc triển khai hoạt động chuyển đổi số trong phạm vi bộ, ngành, địa phương mình.

3. Trong quá trình triển khai, trường hợp cần thiết có sự thay đổi thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông tham mưu, đề xuất Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Trường hợp cần thiết có sự thay đổi thuộc thẩm quyền của các bộ, ngành, địa phương, cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo xây dựng Chính phủ điện tử/Chính quyền điện tử tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Chủ trì triển khai các nhiệm vụ, giải pháp được nêu tại điểm a và d khoản 1 mục IV; điểm b, c và e khoản 2 mục IV; điểm a, c và d khoản 3 mục IV; điểm d khoản 4 mục IV; điểm b khoản 5 mục IV; điểm a, b và d khoản 6 mục IV; mục V, VI, VII, VIII và mục X, Điều 1, Quyết định này theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Căn cứ tình hình cụ thể của từng bộ, ngành, địa phương để quyết định xây dựng đề án, chương trình, chiến lược, kế hoạch lồng ghép nội dung về chuyển đổi số trong hoạt động của bộ, ngành, địa phương, gắn kết với ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển chính phủ số, chính quyền số các cấp, thử nghiệm phát triển dịch vụ đô thị thông minh;

b) Xây dựng và ban hành danh sách sáng kiến chuyển đổi số ưu tiên triển khai giai đoạn 2020 - 2021; đăng ký kinh phí, lập báo cáo thuyết minh nhiệm vụ, đề án, dự án trình cấp có thẩm quyền phê duyệt triển khai ngay trong năm 2020.

Tiêu chí lựa chọn sáng kiến ưu tiên triển khai là: Phù hợp với chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương; giúp cải thiện năng suất lao động, hiệu quả kinh tế - xã hội hoặc phục vụ người dân, doanh nghiệp tốt hơn; có thể thu được kết quả rõ ràng sớm; có tác động lan tỏa;

c) Định kỳ hàng năm gửi báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông tình hình triển khai Chương trình trước ngày 15 tháng 12 để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Thời gian chốt số liệu báo cáo tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

## 2. Bộ Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì tổ chức thực hiện Chương trình; chủ trì triển khai các nhiệm vụ, giải pháp được nêu tại điểm b và c khoản 1; điểm a, d khoản 2; điểm b, c, và d khoản 3; điểm a, b, c và d khoản 4; điểm a, b, c, d và e khoản 5 và khoản 6 thuộc mục IV; mục V; khoản 1, 2, 3, 4 thuộc mục VI; khoản 1, 2 và 6 thuộc mục VII; mục X và mục XI, Điều 1, Quyết định này.

Định kỳ hàng năm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát; cho ý kiến về nội dung chuyên môn các đề án, dự án, nhiệm vụ triển khai Chương trình; tổng hợp thông tin, số liệu về tình hình, kết quả thực hiện Chương trình; định kỳ hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ, trong đó đề xuất điều chỉnh nội dung của Chương trình nếu cần thiết;

b) Tổng hợp tình hình triển khai Chương trình hàng năm của các bộ, ngành, địa phương;

c) Xây dựng chiến lược, chính sách quản trị dữ liệu, kế hoạch phát triển dữ liệu, các cơ sở dữ liệu bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ; thiết lập khung danh tính số quốc gia;

d) Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách thúc đẩy cạnh tranh trong lĩnh vực viễn thông để phát triển hạ tầng số;

đ) Nghiên cứu, rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc đề xuất sửa đổi, bổ sung các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về ứng dụng và phát triển công nghệ số, các mối quan hệ mới trong quá trình chuyển đổi số;

e) Nghiên cứu, phát triển Mã địa chỉ bưu chính - Vpostcode phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

## 3. Văn phòng Chính phủ

Chủ trì triển khai các nhiệm vụ, giải pháp được nêu tại khoản 4, khoản 6, khoản 7 mục V, Điều 1, Quyết định này theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

#### 4. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

- a) Chủ trì triển khai các nhiệm vụ, giải pháp được nêu tại khoản 3 mục VIII, Điều 1, Quyết định này theo chức năng, nhiệm vụ được giao;
- b) Ban hành cơ chế, chính sách để các doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi số được tiếp cận tín dụng một cách thuận lợi. Nghiên cứu, đề xuất, tổ chức triển khai chương trình tín dụng ưu đãi (chương trình cho vay kích cầu đầu tư, cho vay với lãi suất ưu đãi) cho các doanh nghiệp công nghệ số nhằm hỗ trợ các sản phẩm chuyển đổi số chủ lực và doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi số;
- c) Định kỳ hàng năm tổ chức Hội nghị kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp chuyển đổi số;
- d) Chỉ đạo các ngân hàng thương mại thường xuyên phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương các tỉnh, thành phố trong việc triển khai các chương trình, chính sách tín dụng để thúc đẩy chuyển đổi số.

#### 5. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- a) Nghiên cứu, xây dựng và ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê về kinh tế số; xây dựng phương pháp mới trong thu thập dữ liệu nhằm đo lường tác động của chuyển đổi số lên các mặt kinh tế - xã hội và người dân; định kỳ công bố;
- b) Cân đối, bố trí vốn đầu tư phát triển theo quy định của Luật Đầu tư công để thực hiện các dự án của Chương trình;
- c) Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật về doanh nghiệp, đầu tư, kinh doanh để tạo điều kiện thuận lợi cho các mô hình, hoạt động kinh doanh mới dựa trên nền tảng công nghệ số, đồng thời phát hiện và ngăn chặn kịp thời các ảnh hưởng tiêu cực cho xã hội và nền kinh tế, tạo lập môi trường kinh doanh bình đẳng giữa các mô hình kinh doanh mới và mô hình kinh doanh truyền thống;
- d) Đẩy mạnh, thu hút và sử dụng hiệu quả nguồn lực từ nước ngoài và các đối tác quốc tế cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ;
- đ) Chủ trì xây dựng và triển khai chương trình chuyển đổi số trong lĩnh vực đăng ký kinh doanh cho các đối tượng hợp tác xã và hộ kinh doanh;
- e) Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông và bộ, ngành liên quan triển khai nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số, lồng ghép nhiệm vụ hỗ trợ chuyển đổi số trong các chương trình, đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa triển khai trong giai đoạn 2021 - 2025.

## 6. Bộ Tài chính

- a) Chủ trì triển khai các nhiệm vụ, giải pháp được nêu tại điểm đ khoản 2 và điểm đ khoản 5 mục IV; khoản 3 mục VIII, Điều 1, Quyết định này theo chức năng, nhiệm vụ được giao;
- b) Bố trí kinh phí thường xuyên theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước để triển khai các nhiệm vụ thực hiện Chương trình.

## 7. Bộ Khoa học và Công nghệ

- a) Chủ trì triển khai các nhiệm vụ, giải pháp được nêu tại điểm c và d khoản 2 mục IV; điểm a, b, c khoản 6 mục IV, Điều 1, Quyết định này theo chức năng, nhiệm vụ được giao;
- b) Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung hoặc đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống pháp luật và thực thi về sở hữu trí tuệ phù hợp với thực tiễn ứng dụng và phát triển công nghệ số, phù hợp với thông lệ quốc tế và thực tiễn tại Việt Nam;
- c) Ưu tiên phân bổ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho chuyển đổi số, chú trọng các nhiệm vụ có kinh phí đối ứng của doanh nghiệp.

## 8. Bộ Giáo dục và Đào tạo

- a) Chủ trì triển khai các nhiệm vụ, giải pháp được nêu tại khoản 3, 4 mục VII; khoản 2 mục VIII, Điều 1, Quyết định này theo chức năng, nhiệm vụ được giao;
- b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo ở bậc đại học và dạy nghề gắn với công nghệ số;
- c) Xây dựng các mã ngành đào tạo mới và cập nhật chương trình đào tạo nhân lực chuyên nghiệp ở đại học và các trường cao đẳng, dạy nghề với các nội dung liên quan đến dữ liệu và công nghệ số như trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu, điện toán đám mây, Internet vạn vật, chuỗi khối, dữ liệu lớn;
- d) Xây dựng trung tâm nghiên cứu, đào tạo nhân lực về trí tuệ nhân tạo và các công nghệ số liên quan để đào tạo nhân lực chuyển đổi số.

## 9. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

- a) Chủ trì triển khai các nhiệm vụ, giải pháp được nêu tại khoản 7 mục VII, Điều 1, Quyết định này theo chức năng, nhiệm vụ được giao;
- b) Chủ trì phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng các chương trình đào tạo bổ sung, đào tạo kỹ năng lao động mới cho người lao động;

c) Nghiên cứu, đánh giá các tác động của công nghệ số đến xã hội; nghiên cứu các giải pháp thúc đẩy hình thành các trung tâm hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng tác động bởi công nghệ số theo hướng xã hội hóa.

#### 10. Bộ Tư pháp

Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an và cơ quan liên quan triển khai các nhiệm vụ, giải pháp được nêu tại điểm e khoản 2 mục IV, Điều 1, Quyết định này theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

#### 11. Bộ Y tế

Chủ trì triển khai các nhiệm vụ, giải pháp được nêu tại khoản 1 mục VIII, Điều 1, Quyết định này theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

#### 12. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chủ trì triển khai các nhiệm vụ, giải pháp được nêu tại khoản 4 mục VIII, Điều 1, Quyết định này theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

#### 13. Bộ Giao thông vận tải

Chủ trì triển khai các nhiệm vụ, giải pháp được nêu tại khoản 5 mục VIII, Điều 1, Quyết định này theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

#### 14. Bộ Công Thương

Chủ trì triển khai các nhiệm vụ, giải pháp được nêu tại khoản 5 mục VI; khoản 6, khoản 8 mục VIII, Điều 1, Quyết định này theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

#### 15. Bộ Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì triển khai các nhiệm vụ, giải pháp được nêu tại khoản 7 mục VIII, Điều 1, Quyết định này theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

#### 16. Bộ Nội vụ

Chủ trì triển khai nhiệm vụ lồng ghép tiêu chí đánh giá về chuyển đổi số vào bộ chỉ số cải cách hành chính (PAR).

17. Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, Báo Nhân dân và các cơ quan truyền thông, báo chí

Tuyên truyền chuyển đổi nhận thức của xã hội về chuyển đổi số thông qua các kênh truyền thông, chuyên trang, chuyên mục trên các chương trình truyền thanh, truyền hình.

## 18. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các hội, hiệp hội

- a) Xây dựng, lồng ghép tiêu chí đánh giá về chuyển đổi số vào bộ chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI);
- b) Xây dựng các chương trình đào tạo hỗ trợ chuyển đổi số và phân tích kinh doanh cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa; phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng và triển khai Đề án Hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện chuyển đổi số;
- c) Truyền thông, nâng cao nhận thức, phổ biến kiến thức, đào tạo, tư vấn về chuyển đổi số cho toàn xã hội;
- d) Tham gia góp ý, phản biện cho các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước về chuyển đổi số; tham gia đánh giá, xếp hạng về chuyển đổi số; tổ chức các hội thảo, diễn đàn, đối thoại về chuyển đổi số.

## 19. Các doanh nghiệp viễn thông

- a) Tham gia là nòng cốt triển khai các nhiệm vụ, giải pháp tạo nền móng chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số trong Chương trình này;
- b) Chủ động thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của doanh nghiệp, phát triển hạ tầng số, nền tảng số, làm chủ công nghệ lõi, đảm bảo an toàn, an ninh mạng.

## 20. Các doanh nghiệp công nghệ số

- a) Xây dựng chương trình, mục tiêu, kế hoạch thực hiện, bố trí kinh phí và huy động nguồn lực tài chính, tổ chức thực hiện các hoạt động chuyển đổi số trong doanh nghiệp;
- b) Tham gia hoặc chủ trì triển khai các nhiệm vụ liên quan như xây dựng hạ tầng số, nền tảng số, xây dựng cơ sở dữ liệu, sản xuất các sản phẩm, dịch vụ đáp ứng cho chuyển đổi số các ngành, lĩnh vực.

## 21. Các doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi số

Căn cứ vào định hướng trong Chương trình này để chủ động xây dựng và thực hiện chuyển đổi số trong doanh nghiệp mình nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, năng lực cạnh tranh.

## 22. Trách nhiệm của cộng đồng

Cộng đồng dân cư, tổ dân phố, hộ gia đình, các tổ chức, cá nhân chủ động, tích cực nâng cao các kỹ năng ứng dụng công nghệ số, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số.



**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**THỦ TƯỚNG**

***Nơi nhận:***

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, KSTT (2b).

**(Đã ký)**

**Nguyễn Xuân Phúc**

Số: 942/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2021

## QUYẾT ĐỊNH

### PHÊ DUYỆT CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ HƯỚNG TỚI CHÍNH PHỦ SỐ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

#### THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;*

*Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.*

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Chiến lược), với những nội dung sau:

#### I. QUAN ĐIỂM

1. Phát triển Chính phủ số có toàn bộ hoạt động an toàn trên môi trường số, có mô hình hoạt động được thiết kế lại và vận hành dựa trên dữ liệu và công nghệ số, để có khả năng cung cấp dịch vụ chất lượng hơn, đưa ra quyết định kịp thời hơn, ban hành chính sách tốt hơn, sử dụng nguồn lực tối ưu hơn, kiến tạo phát triển, dẫn dắt chuyển đổi số quốc gia, giải quyết hiệu quả những vấn đề lớn trong phát triển và quản lý kinh tế - xã hội.

2. Phát triển Chính phủ số một cách tổng thể, toàn diện, phát huy kết quả đạt được, tập trung nguồn lực, huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị, có giải pháp,

cách làm đột phá, mang tính khác biệt, để cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu phát triển Chính phủ điện tử vào năm 2021 và hình thành Chính phủ số vào năm 2025.

3. Định hướng mở để người dân, doanh nghiệp và tổ chức khác tham gia một cách phù hợp vào hoạt động của cơ quan nhà nước, tương tác với cơ quan nhà nước để cùng tăng cường minh bạch, nâng cao chất lượng dịch vụ, cùng giải quyết vấn đề và cùng tạo ra giá trị cho xã hội.

4. Dữ liệu là tài nguyên mới. Cơ quan nhà nước mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số. Các cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ dữ liệu để người dân chỉ phải khai báo, cung cấp dữ liệu một lần cho các cơ quan nhà nước và các đơn vị cung ứng dịch vụ công thiết yếu.

5. Nền tảng là giải pháp đột phá. Kết hợp mô hình triển khai tập trung và phân tán, tuân thủ Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam và Kiến trúc của các bộ, ngành, địa phương. Phát triển các nền tảng theo hướng cung cấp dịch vụ đồng bộ, thông suốt các cấp hành chính để có thể sử dụng tại mọi nơi. Các nền tảng, ứng dụng và dịch vụ quy mô quốc gia phải được làm trước, làm tốt, làm tập trung.

6. Thị trường trong nước nuôi dưỡng, phát triển sản phẩm công nghệ số Make in Việt Nam, từ đó vươn ra khu vực và thế giới. Chính phủ chủ động điều phối, quy hoạch, triển khai các hoạt động mang tính định hướng, kiến tạo thị trường nhằm mục tiêu kép vừa phát triển Chính phủ số, vừa phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam. Đa dạng về quy mô, hướng tới làm chủ, phát triển các công nghệ lõi, nền tảng mở phục vụ Chính phủ số, hình thành hệ sinh thái ứng dụng, dịch vụ Make in Việt Nam.

## **II. TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030**

Việt Nam có chỉ số phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số ở mức độ cao trên thế giới, thuộc nhóm 30 nước dẫn đầu theo xếp hạng của Liên hợp quốc.

Chính phủ số chuyên đổi cách thức phục vụ người dân, doanh nghiệp giảm chi phí, tăng năng suất của doanh nghiệp, tạo thuận lợi, mang lại sự hài lòng của người dân, để người dân, doanh nghiệp tham gia nhiều hơn vào hoạt động của cơ quan nhà nước để cùng tạo ra giá trị, lợi ích, sự hài lòng, niềm tin và đồng thuận xã hội.

Chính phủ số chuyên đổi cách thức tổ chức, vận hành, môi trường làm việc và công cụ làm việc để cán bộ, công chức, viên chức có thể thực hiện tốt nhất nhiệm vụ của mình.

## **III. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2025**

1. Cung cấp dịch vụ chất lượng phục vụ xã hội

Cơ quan nhà nước cắt giảm, tái cấu trúc, đơn giản hóa, chuẩn hóa, thống nhất các thủ tục hành chính phục vụ xã hội trên phạm vi toàn quốc.

Cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ mới trên nguyên tắc đảm bảo chất lượng dịch vụ, giảm chi phí, tăng năng suất lao động xã hội một cách chủ động, kịp thời đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Người dân, doanh nghiệp có thể sử dụng dịch vụ số theo nhu cầu cá thể hóa, theo suốt cuộc đời, khi cần, theo cách thuận tiện, trực tuyến hoặc trực tiếp, dễ dàng, đơn giản, nhanh chóng, không giấy tờ, không cần sự hiện diện nếu pháp luật không yêu cầu.

Một số chỉ tiêu cơ bản bao gồm:

a) 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.

b) 100% dịch vụ công trực tuyến được thiết kế, thiết kế lại nhằm tối ưu hóa trải nghiệm người dùng, khi sử dụng được điền sẵn dữ liệu mà người dùng đã cung cấp trước đó theo thỏa thuận, phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ.

c) 100% người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương.

d) Tối thiểu 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần.

đ) Tối thiểu 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

e) Tối thiểu 20% thủ tục hành chính của các cơ quan nhà nước được cắt giảm so với hiện nay.

## 2. Huy động rộng rãi sự tham gia của xã hội

Người dân, doanh nghiệp và các tổ chức khác có thể dễ dàng tham gia ý kiến đóng góp cho hoạt động của cơ quan nhà nước, phản ánh những vấn đề của xã hội xung quanh mình tới cơ quan nhà nước và nhận được ý kiến phản hồi về sự tham gia, kết quả tham gia của mình.

Doanh nghiệp có thể tham gia cung cấp dịch vụ công hoặc phát triển những dịch vụ mới, sáng tạo, giúp xã hội có thể dễ dàng tiếp cận và sử dụng dịch vụ công của cơ quan nhà nước.

Nhà nước, người dân, doanh nghiệp và các tổ chức khác cùng tham gia phổ cập việc sử dụng dịch vụ công nói riêng, chuyển đổi số nói chung.

Một số chỉ tiêu cơ bản bao gồm:

- a) 100% cơ quan nhà nước cấp bộ, tỉnh tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.
- b) Tối thiểu 50% dịch vụ công mới của cơ quan nhà nước có sự tham gia cung cấp của doanh nghiệp hoặc tổ chức ngoài nhà nước.
- c) 100% công dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh hỗ trợ người dân, doanh nghiệp khả năng tương tác thuận tiện, trực tuyến với cơ quan nhà nước trong các hoạt động quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ dựa trên các nền tảng công nghệ số.

### 3. Vận hành tối ưu các hoạt động của cơ quan nhà nước

Cơ quan nhà nước thiết kế mô hình tổ chức, cách thức vận hành dựa trên dữ liệu và công nghệ số, tạo ra môi trường làm việc và công cụ làm việc để cán bộ, công chức, viên chức có thể thực hiện tốt nhất nhiệm vụ của mình, kết nối và hợp tác với nhau dễ dàng hơn, đưa ra quyết định kịp thời hơn, ban hành chính sách tốt hơn, sử dụng nguồn lực tối ưu hơn.

Cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số, có năng lực kiến tạo phát triển, dẫn dắt chuyển đổi số trong từng ngành, lĩnh vực, địa phương.

Một số chỉ tiêu cơ bản bao gồm:

- a) 100% cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ 24/7, sẵn sàng phục vụ trực tuyến bất cứ khi nào người dân và doanh nghiệp cần. 100% công chức được gắn định danh số trong xử lý công việc.
- b) 100% hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước được thực hiện trên nền tảng quản trị tổng thể, thống nhất.
- c) 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật.
- d) 90% hồ sơ công việc tại cấp bộ, tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).
- đ) 100% công tác báo cáo được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.

- e) 100% hồ sơ được tạo, lưu giữ, chia sẻ dữ liệu điện tử theo quy định.
- g) 100% cơ quan nhà nước cấp bộ, tỉnh có nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung, có ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa hoạt động.
- h) Tối thiểu 50% hoạt động giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.
- i) Tối thiểu 70% nội dung chương trình đào tạo, thi tuyển, thi nâng ngạch quản lý nhà nước ngạch chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp hoặc tương đương được thực hiện trực tuyến.
- k) 100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản; 50% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số.

#### 4. Giải quyết hiệu quả các vấn đề lớn trong phát triển kinh tế - xã hội

Cơ quan nhà nước có khả năng giải quyết hiệu quả các vấn đề lớn trong phát triển kinh tế - xã hội trên tất cả các lĩnh vực.

Một số vấn đề cơ bản bao gồm:

- a) Mỗi người dân có danh tính số kèm theo QR code, tiến tới đều có điện thoại thông minh. Mỗi hộ gia đình có địa chỉ số, có khả năng truy cập Internet cáp quang băng rộng.
- b) Mỗi người dân đều được sống trong môi trường bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội và có quyền riêng tư cá nhân trong môi trường số được bảo vệ theo quy định của pháp luật.
- c) Mỗi người dân đều có hồ sơ số về sức khỏe cá nhân. Mỗi trạm y tế xã đều triển khai hoạt động quản lý trạm y tế xã trên môi trường số. Mỗi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đều triển khai tư vấn khám, chữa bệnh từ xa dựa trên nhu cầu thực tế. Mỗi bệnh viện, trung tâm y tế công đều triển khai hồ sơ bệnh án điện tử, thanh toán viện phí không dùng tiền mặt, đơn thuốc điện tử. Công khai giá thuốc, giá trang thiết bị y tế, giá khám chữa bệnh.
- d) Mỗi học sinh, sinh viên đều có hồ sơ số về việc học tập cá nhân. Mỗi cơ sở đào tạo đều triển khai hoạt động quản lý dạy và học trên môi trường số. Triển khai thanh toán học phí không dùng tiền mặt, học liệu số. Triển khai đại học số là quốc gia số thu nhỏ, thay đổi mô hình dạy và học để tối ưu hóa vận hành các cơ sở đào tạo đại học, tối ưu hóa trải nghiệm học tập của sinh viên và khuyến khích các mô hình đào tạo mới.

đ) Mỗi người nông dân đều có khả năng truy cập, khai thác, sử dụng hiệu quả nền tảng dữ liệu số về nông nghiệp, nền tảng truy xuất nguồn gốc, giảm sự phụ thuộc vào các khâu trung gian từ sản xuất, phân phối đến người tiêu dùng.

e) Mỗi người dân ở độ tuổi lao động đều có khả năng tiếp cận cơ hội việc làm. Mỗi người dân đều có khả năng tiếp cận các khóa học kỹ năng trực tuyến MOOC (Massive Open Online Course) được cá nhân hóa cho đối tượng người học và mở rộng ra toàn xã hội, bao gồm cả những khóa học cơ bản, góp phần nâng cao kỹ năng số của xã hội, xóa mù công nghệ số cho vùng sâu, vùng xa.

g) Mỗi tuyến giao thông đường bộ cao tốc đều được triển khai lắp đặt hệ thống quản lý, điều hành giao thông thông minh. Triển khai thu phí điện tử không dừng tại tất cả các trạm thu phí trên toàn quốc, xóa bỏ tất cả các làn thu phí sử dụng tiền mặt. Mỗi phương tiện ô tô sử dụng tài khoản thu phí điện tử để thanh toán đa mục đích cho các dịch vụ giao thông đường bộ. Giảm chi phí dịch vụ giao nhận - kho vận và xây dựng được chuỗi cung ứng giao nhận - kho vận làm chủ bởi doanh nghiệp Việt Nam.

h) Mỗi người nhập cảnh, xuất cảnh tại Việt Nam đều có thể dễ dàng, giảm thiểu thời gian, nhanh chóng thực hiện các thủ tục cần thiết nhờ sự trợ giúp hiệu quả của các quy trình đã được tự động hóa, thuộc nhóm 03 nước tốt nhất trong khu vực Đông Nam Á.

i) Mỗi hàng hóa xuất nhập khẩu, phương tiện xuất nhập cảnh được quản lý từ khâu đầu đến khâu cuối sử dụng nền tảng công nghệ số, giảm thiểu thời gian, nhanh chóng thực hiện thủ tục hải quan, thuộc nhóm 03 nước tốt nhất trong khu vực Đông Nam Á.

k) Mỗi hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp nhỏ và vừa đều có thể dễ dàng trải nghiệm sử dụng các nền tảng công nghệ số phục vụ sản xuất, kinh doanh.

l) Mỗi cá nhân, hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp có thể dễ dàng gửi nhận hóa đơn điện tử với nhau và với cơ quan thuế sử dụng nền tảng công nghệ số.

m) Mỗi di sản của Việt Nam đều có hiện diện số và hình thành bản di sản số để người dân, khách du lịch có thể truy cập thuận lợi trên môi trường số.

## 5. Thay đổi đột phá xếp hạng quốc gia

Xếp hạng quốc gia của Việt Nam về phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số theo đánh giá của Liên Hợp Quốc có sự thay đổi đột phá.

Một số chỉ tiêu cơ bản bao gồm:

a) Việt Nam thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu về chỉ số tổng thể.

b) Việt Nam thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu về chỉ số tham gia điện tử.

c) Việt Nam thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu về chỉ số dữ liệu mở.

#### **IV. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM QUỐC GIA**

##### **1. Hoàn thiện môi trường pháp lý**

a) Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi Luật Giao dịch điện tử và các văn bản hướng dẫn nhằm giải quyết những khó khăn, vướng mắc ở mức luật, tạo điều kiện phát triển Chính phủ số giai đoạn mới.

b) Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi Luật Lưu trữ để có quy định về lưu trữ điện tử, tạo điều kiện pháp lý cho việc thực hiện chuyển đổi số hoàn toàn trong hoạt động và quy trình làm việc của các cơ quan, tổ chức nhà nước.

c) Nghiên cứu, xây dựng Luật Chính phủ số và các văn bản hướng dẫn nhằm tạo điều kiện phát triển Chính phủ số.

d) Ban hành Nghị định của Chính phủ thay thế Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước để có các quy định phù hợp, cung cấp các dịch vụ số đa dạng, thuận tiện hơn, tăng cường sự tương tác với người dân và doanh nghiệp, chất lượng dịch vụ được đánh giá dựa trên mức độ hài lòng của người dùng.

đ) Ban hành Nghị định của Chính phủ về định danh và xác thực điện tử, và hoàn thiện hành lang pháp lý để phổ cập danh tính số.

e) Ban hành Nghị định của Chính phủ thay thế Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước để phù hợp với xu thế phát triển Chính phủ số và định hướng chuyển đổi số của Việt Nam.

g) Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, vận hành khai thác Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia và Trung tâm thông tin chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

h) Bảo đảm môi trường pháp lý cho phép thử nghiệm, chấp nhận cái mới và chấp nhận thay đổi. Hình thành không gian thí điểm dịch vụ số và xây dựng khung pháp lý cho phép thử nghiệm các dịch vụ số chưa được quy định bởi pháp luật. Không gian thí điểm dịch vụ số là không gian số cho phép mọi sản phẩm, dịch vụ số sáng tạo, chưa được quy định bởi các văn bản quy phạm pháp luật có thể triển khai thí điểm với điều kiện được giám sát chặt chẽ bằng công nghệ về phạm vi, quy mô và mô hình hoạt động. Khi đạt đến quy mô nhất định, tổ chức đánh giá để xây dựng hành lang pháp lý cần thiết.



i) Xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật về Chính phủ số theo kịp sự phát triển của công nghệ, bảo đảm sự phát triển đồng bộ các mô hình Chính phủ số, bảo đảm an toàn, an ninh mạng, kết nối liên thông, chia sẻ hạ tầng kỹ thuật, dữ liệu giữa các hệ thống thông tin.

k) Duy trì, cập nhật Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, Kiến trúc Chính phủ điện tử cấp bộ, Kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh phù hợp với yêu cầu của Chính phủ số, chính quyền số nhằm triển khai Chính phủ số đồng bộ trên quy mô toàn quốc, bảo đảm kết nối, liên thông, tránh đầu tư trùng lặp.

l) Bảo đảm môi trường pháp lý để mọi người dân, doanh nghiệp tham gia bình đẳng vào quá trình chuyển đổi số, được bảo vệ an toàn thông tin và dữ liệu riêng tư, được sử dụng mã số điện tử gắn với QR code thuận lợi.

## 2. Phát triển hạ tầng số

### a) Hạ tầng mạng

- Phát triển và vận hành hạ tầng mạng chuyên dùng ổn định, an toàn, thông suốt, kết nối 04 cấp hành chính từ trung ương đến cấp xã trên cơ sở Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước, mạng diện rộng của các bộ, ngành, địa phương, mạng Internet băng rộng để phục vụ Chính phủ số;

- Triển khai các hệ thống kỹ thuật bảo đảm năng lực, an toàn thông tin cho Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước làm hạ tầng truyền dẫn căn bản trong kết nối các hệ thống thông tin, liên thông, chia sẻ dữ liệu phục vụ Chính phủ số.

### b) Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ

- Hệ sinh thái đám mây phục vụ Chính phủ số gồm Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ (CGC), đám mây của các cơ quan nhà nước tại các bộ, ngành, địa phương (AGC) và đám mây của các doanh nghiệp đáp ứng được yêu cầu nghiệp vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phục vụ Chính phủ số (EGC);

- Xây dựng Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ (CGC) thống nhất trên cơ sở quy hoạch, kết nối đám mây của các cơ quan nhà nước tại các bộ, ngành, địa phương (AGC) nhằm tạo môi trường để lưu trữ, chia sẻ tài nguyên, phát triển dịch vụ dùng chung cho Chính phủ số trên quy mô toàn quốc được linh hoạt, hiệu quả, nhanh chóng; kết nối, khai thác hiệu quả các hệ thống đám mây của doanh nghiệp (EGC) để cung cấp hạ tầng điện toán đám mây cho Chính phủ số.

## 3. Phát triển các nền tảng số và hệ thống quy mô quốc gia

a) Phát triển Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) để kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành,

địa phương trên quy mô toàn quốc thông qua việc kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương (LGSP).

b) Phát triển Nền tảng trao đổi định danh và xác thực điện tử quốc gia (NIXA) hướng tới xây dựng mô hình liên hiệp định danh, tận dụng tối đa các hình thức xác thực điện tử hiện có để tiết kiệm thời gian, chi phí triển khai.

c) Xây dựng Nền tảng phát triển kỹ năng số quốc gia tạo điều kiện cho việc trao đổi tài nguyên học tập, tổ chức các khóa bồi dưỡng kỹ năng số trực tuyến trên quy mô quốc gia.

d) Phát triển Nền tảng ứng dụng trên thiết bị di động cho phép người dân và doanh nghiệp có thể định danh trên không gian số và sử dụng mọi dịch vụ, tiện ích trong Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số mọi lúc, mọi nơi.

đ) Xây dựng Hệ thống kiểm định chức năng, hiệu năng các sản phẩm, giải pháp phục vụ Chính phủ số.

e) Xây dựng Hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số.

g) Xây dựng Hệ thống giám sát các nền tảng số phục vụ công tác quản lý nhà nước.

h) Xây dựng Công nghệ mở (GovTech) của Việt Nam để cung cấp công khai, minh bạch thông tin về các giải pháp, nền tảng công nghệ mở mà cơ quan nhà nước đang sử dụng hoặc doanh nghiệp Việt Nam phát triển; đồng thời tham gia tích cực vào công tác xây dựng các chuẩn mở và cộng đồng nguồn mở quốc tế.

i) Xây dựng bản đồ số quốc gia mở làm nền tảng phát triển các dịch vụ số phát triển kinh tế - xã hội.

k) Xây dựng nền tảng QR code cho phép liên thông thống nhất các mã định danh của người dân, tổ chức trong toàn xã hội.

l) Phát triển các nền tảng để cung cấp dịch vụ thiết yếu, cơ bản trên quy mô quốc gia, các nền tảng thương mại điện tử, giao nhận - kho vận phục vụ phát triển kinh tế số, góp phần thực hiện mục tiêu xóa nghèo, các nền tảng phục vụ chuyển đổi số trong từng ngành, lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số theo Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ và các đề án thành phần.

#### 4. Phát triển dữ liệu số quốc gia

a) Phát triển dữ liệu số quốc gia tạo nền tảng cho triển khai Chính phủ số, bảo đảm cung cấp dữ liệu số cho các dịch vụ công trực tuyến, chia sẻ dữ liệu thông suốt giữa các cơ quan nhà nước, cung cấp các bộ dữ liệu mở có chất lượng và giá trị khai thác cao, mở dữ liệu theo quy định của pháp luật để phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

b) Các cơ sở dữ liệu quốc gia phục vụ triển khai các dịch vụ cơ bản, thiết yếu liên quan đến người dân, doanh nghiệp, cơ quan nhà nước cần được phát triển trước. Xác định dữ liệu về dân cư, đất đai, doanh nghiệp là dữ liệu trụ cột, cốt lõi cần phải hoàn thành, đưa vào khai thác sớm để dẫn dắt, liên kết, thống nhất toàn bộ dữ liệu trong cơ quan nhà nước về các ngành, lĩnh vực.

c) Xây dựng dữ liệu có phạm vi toàn quốc phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, ưu tiên dữ liệu trong các lĩnh vực quan trọng: hạ tầng không gian địa lý; bảo hiểm, y tế, an sinh xã hội; tài chính; căn cước; hộ tịch; giáo dục; đào tạo; cán bộ công chức, viên chức; nông nghiệp; lao động, việc làm; phương tiện giao thông, xây dựng, xuất nhập khẩu.

## 5. Phát triển các ứng dụng, dịch vụ quốc gia

a) Phát triển, hoàn thiện Cổng Dịch vụ công quốc gia để người dân và doanh nghiệp có thể truy cập đến các dịch vụ công trực tuyến của các bộ, ngành, địa phương qua một địa chỉ duy nhất trên mạng, tích hợp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 của các bộ, ngành, địa phương theo lộ trình phù hợp theo Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Cổng dịch vụ công quốc gia.

b) Xây dựng Cổng dữ liệu quốc gia là đầu mối cung cấp dữ liệu mở của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng nhằm minh bạch, tăng cường chia sẻ dữ liệu, thúc đẩy sáng tạo, phát triển kinh tế số, xã hội số, bảo đảm an toàn thông tin của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

c) Phát triển Hệ tri thức Việt số hóa tạo môi trường thuận lợi thu hút mọi cơ quan, tổ chức, người dân và doanh nghiệp tham gia tích cực đóng góp và khai thác các tài nguyên tri thức số.

d) Xây dựng Nền tảng hợp trực tuyến, Nền tảng làm việc, cộng tác trên môi trường số dựa trên Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ, Nền tảng trợ lý ảo, đảm bảo kế thừa các hệ thống thông tin đã được xây dựng tại các bộ, ngành, địa phương.

đ) Phát triển Trục liên thông văn bản quốc gia đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

e) Phát triển, hoàn thiện Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ để thu thập, tích hợp, chia sẻ dữ liệu báo cáo của các cơ quan hành chính nhà nước để tổng hợp,

phân tích dữ liệu nhằm phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

g) Phát triển Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ, phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (eCabinet) để rút ngắn thời gian họp, giảm giấy tờ hành chính và nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

h) Phát triển, hoàn thiện Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu theo dõi nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao, để theo dõi, đo lường, đánh giá kết quả triển khai nhiệm vụ các bộ, ngành, địa phương thực hiện.

i) Xây dựng Hệ thống thông tin Ngân sách và Kế toán nhà nước số dựa trên công nghệ hiện đại, có khả năng cung cấp thông tin, báo cáo đa chiều và mở rộng khả năng truy cập tới người dân, doanh nghiệp và các cơ quan, đơn vị nhằm nâng cao tính công khai, minh bạch và phục vụ hữu hiệu cho công tác quản lý, điều hành tài chính - ngân sách nhà nước.

k) Nâng cấp Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, kết nối chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin Ngân sách và Kế toán nhà nước số để thực hiện đấu thầu, mua sắm tài sản công qua mạng, quản lý thống nhất thông tin, cơ sở dữ liệu về đấu thầu trên phạm vi cả nước và nâng cao hiệu quả quản lý chi ngân sách nhà nước.

l) Phát triển ứng dụng, dịch vụ quy mô quốc gia khác để triển khai Chính phủ số và dẫn dắt chuyển đổi số trong từng ngành, lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số theo Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ và các đề án thành phần.

## 6. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng quốc gia

a) Xây dựng hệ thống hỗ trợ giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng phục vụ Chính phủ điện tử.

b) Xây dựng hệ thống thao trường mạng phục vụ huấn luyện, diễn tập, sát hạch an toàn thông tin phục vụ Chính phủ điện tử.

c) Xây dựng hệ thống đánh giá, kiểm định an toàn thông tin.

d) Xây dựng hệ thống phân tích, xử lý dữ liệu lớn phục vụ nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng quốc gia.

đ) Xây dựng hệ thống hỗ trợ điều phối, ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng.

e) Xây dựng hệ thống thẩm định an ninh mạng, kiểm tra an ninh mạng, đánh giá điều kiện an ninh mạng, giám sát an ninh mạng, ứng phó, khắc phục sự cố an ninh

mạng đối với các hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia theo quy định tại Luật An ninh mạng.

g) Tổ chức thanh tra, kiểm tra công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng tại các cơ quan, các nhà mạng, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Chính phủ số.

h) Tổ chức thanh tra, kiểm tra công tác bảo đảm an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước tại các cơ quan, các nhà mạng, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Chính phủ số.

i) Phát triển, hoàn thiện hệ thống chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ.

k) Xây dựng Hệ thống kiểm định, đánh giá sản phẩm mật mã phục vụ Chính phủ số.

## **V. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG**

Trong phạm vi ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm:

### **1. Hoàn thiện quy chế, quy định**

a) Rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung, xây dựng các kiến trúc, quy chế, quy định nội bộ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương về xây dựng, phát triển, quản lý, vận hành, khai thác các hệ thống thông tin phục vụ Chính phủ số và Chính quyền số các cấp phù hợp với định hướng Chiến lược này.

b) Rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung hoặc đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình phù hợp với định hướng Chiến lược này.

c) Rà soát, ban hành các chính sách, quy định khuyến khích người dân và doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ Chính phủ số.

### **2. Phát triển hạ tầng số**

a) Phát triển hạ tầng mạng đáp ứng nhu cầu triển khai Chính phủ số tại bộ, ngành, địa phương theo hướng ưu tiên thuê dịch vụ, kết nối và sử dụng hiệu quả Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.

b) Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ Chính phủ số tại bộ, ngành, địa phương theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây, ưu tiên hình thức thuê dịch vụ chuyên nghiệp và thực hiện kết nối với Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ theo mô hình do Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn.

c) Phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT) phục vụ các ứng dụng nghiệp vụ, chuyên ngành trong triển khai Chính phủ số gắn kết với phát triển đô thị thông minh tại các bộ, ngành, địa phương, ưu tiên hình thức thuê dịch vụ chuyên nghiệp, bảo đảm triển khai hiệu quả, tránh chồng chéo, tận dụng, kết hợp tối đa với hạ tầng của các tổ chức, cá nhân đã đầu tư.

### 3. Phát triển nền tảng, hệ thống

a) Phát triển Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp bộ/tỉnh (LGSP) kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong nội bộ bộ, ngành, địa phương và kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) theo Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam để trao đổi, chia sẻ dữ liệu với các cơ quan bên ngoài.

b) Phát triển Hệ thống Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC) cho các hệ thống thông tin của bộ, ngành, địa phương và kết nối với Hệ thống hỗ trợ giám sát, điều hành an toàn mạng phục vụ Chính phủ số của quốc gia, Hệ thống an ninh mạng phục vụ Chính phủ số của quốc gia. Đối với các bộ, tỉnh, Hệ thống Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng có thể là một bộ phận của Hệ thống Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh (IOC), tránh trùng lặp, lãng phí.

c) Phát triển các nền tảng, hệ thống sử dụng trong phạm vi bộ, ngành, địa phương để tiết kiệm thời gian, chi phí, tạo điều kiện kết nối, chia sẻ dữ liệu.

### 4. Phát triển dữ liệu

a) Phát triển các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ ứng dụng, dịch vụ Chính phủ số trong nội bộ của bộ, ngành, địa phương, bảo đảm không trùng lặp, cập nhật, kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quy mô quốc gia theo yêu cầu và thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP); thực hiện chia sẻ, tích hợp dữ liệu chuyên ngành của các bộ, ngành với các địa phương; mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật; hầu hết các dữ liệu chủ được lưu trữ dưới dạng máy có thể đọc được và chia sẻ dưới dạng dịch vụ giao diện lập trình ứng dụng (API).

b) Xây dựng kho dữ liệu của công dân, tổ chức khi thực hiện các giao dịch trực tuyến với các cơ quan nhà nước; giúp công dân, tổ chức quản lý, lưu trữ dữ liệu điện tử của mình, cung cấp chia sẻ với các cơ quan nhà nước, hạn chế việc sử dụng văn bản giấy và cung cấp lặp lại thông tin cho các cơ quan nhà nước.

c) Xây dựng Nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp cấp bộ, cấp tỉnh nhằm lưu trữ tập trung, tổng hợp, phân tích, xử lý dữ liệu về phát triển kinh tế - xã hội từ các nguồn khác nhau, từ đó tạo ra thông tin mới, dịch vụ dữ liệu mới phục vụ Chính phủ số, hướng tới việc hình thành kho dữ liệu dùng chung cấp bộ, ngành, địa phương.

## 5. Phát triển ứng dụng, dịch vụ số

a) Phát triển Hệ thống tích hợp Công dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử với các hệ thống xử lý nghiệp vụ chuyên ngành để cung cấp dịch vụ số, kết nối với Hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số và các hệ thống quy mô quốc gia cần thiết khác; ứng dụng công nghệ số để cá nhân hóa giao diện, nâng cao trải nghiệm người dùng dịch vụ công, tiếp thu ý kiến người dân và doanh nghiệp khi xây dựng, sử dụng các dịch vụ công trực tuyến.

b) Phát triển các dịch vụ công trực tuyến dựa trên nhu cầu người dân và theo các sự kiện trong cuộc đời, người dân chỉ cung cấp thông tin một lần, tận dụng sức mạnh của công nghệ để phát triển các dịch vụ số mới, đồng thời cắt giảm một số dịch vụ không cần thiết. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ trí tuệ nhân tạo trong cung cấp dịch vụ như trợ lý ảo, trả lời tự động. Triển khai các nội dung khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, trước hết xem xét để giảm chi phí và thời gian cho người dân khi thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến.

c) Triển khai các kênh tương tác trực tuyến để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, ra quyết định của cơ quan nhà nước.

d) Phát triển Hệ thống thông tin báo cáo; từng bước tự động hóa công tác báo cáo, thống kê phục vụ sự chỉ đạo, điều hành nhanh chóng, kịp thời, hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu của cơ quan nhà nước các cấp và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

đ) Triển khai các hệ thống làm việc từ xa theo hướng thuê dịch vụ nhằm đa dạng hóa các hình thức làm việc phù hợp với các đối tượng, hoàn cảnh khác nhau, bảo đảm kế thừa, kết nối với các hệ thống thông tin của quốc gia, của bộ, ngành, địa phương đã được xây dựng.

e) Phát triển các dịch vụ đô thị thông minh phù hợp điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế; ưu tiên phát triển trước các dịch vụ giải quyết các vấn đề bức thiết của xã hội tại các đô thị như tắc nghẽn giao thông, ô nhiễm môi trường, phát triển du lịch, phát triển y tế, phát triển giáo dục, quản lý trật tự xây dựng và phải bảo đảm hiệu quả, tránh hình thức, lãng phí. Gắn kết các dịch vụ đô thị thông minh với các dịch vụ chính quyền số. Triển khai đô thị thông minh tuân thủ Khung tham chiếu ICT, Kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh.

g) Phát triển các ứng dụng, dịch vụ chuyên ngành phục vụ nội bộ và kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin trong và ngoài bộ, ngành, địa phương theo nhu cầu.

h) Các bộ, ngành lựa chọn phát triển ứng dụng, dịch vụ quy mô quốc gia một cách phù hợp cho toàn ngành từ trung ương đến địa phương để tiết kiệm chi phí, thời gian triển khai. Dữ liệu được hình thành từ các ứng dụng, dịch vụ dùng chung được chia sẻ khi có nhu cầu.

i) Ứng dụng mạnh mẽ, hiệu quả các công nghệ số mới như điện toán đám mây (Cloud Computing), dữ liệu lớn (Big Data), di động (Mobility), Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (Blockchain), mạng xã hội,... trong xây dựng, triển khai các ứng dụng, dịch vụ Chính phủ số tại bộ, ngành, địa phương để tiết kiệm thời gian, chi phí xây dựng, vận hành các hệ thống thông tin và tự động hóa, thông minh hóa, tối ưu hóa các quy trình xử lý công việc.

## 6. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng

a) Triển khai bảo đảm an toàn thông tin mạng theo mô hình bốn lớp theo chiều sâu với việc kiện toàn lực lượng tại chỗ; thuê lực lượng giám sát, bảo vệ chuyên nghiệp; định kỳ kiểm tra, đánh giá; kết nối, chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia trực thuộc Cục An toàn thông tin, Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Tham gia vào các chiến dịch bảo đảm an toàn thông tin mạng do Bộ Thông tin và Truyền thông phát động.

c) Tham gia vào Mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia do Bộ Thông tin và Truyền thông điều phối.

## VI. GIẢI PHÁP

### 1. Tổ chức, bộ máy, mạng lưới

a) Phát huy sức mạnh của hệ thống chính trị và chính quyền bốn cấp để triển khai chuyển đổi số, xây dựng Chính phủ số.

b) Kiện toàn tổ chức, bộ máy, thiết lập mạng lưới đơn vị chuyên trách và nhân sự hỗ trợ triển khai từ Trung ương đến địa phương với nòng cốt gồm các đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh các cấp và đại diện các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin tại mỗi địa phương.

### 2. Tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số

a) Đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng dựa trên các nền tảng mở, phần mềm nguồn mở vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số.



b) Rà soát, cập nhật khung năng lực, chuẩn kỹ năng công nghệ thông tin tích hợp kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức nhà nước. Đưa nội dung đào tạo về kỹ năng số vào chương trình đào tạo quản lý nhà nước ngạch chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp hoặc tương đương. Tổ chức đào tạo, sát hạch, thi tuyển, thi nâng ngạch trực tuyến đảm bảo minh bạch, chất lượng.

c) Tổ chức bồi dưỡng, nâng cao nhận thức cho cán bộ lãnh đạo; cán bộ, công chức, viên chức cơ quan nhà nước các cấp về Chính phủ số, Khung Kiến trúc, Kiến trúc Chính phủ điện tử/Chính phủ số và bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

d) Tổ chức bồi dưỡng, huấn luyện đội ngũ chuyên gia về Chính phủ số tạo lực lượng nòng cốt, lan tỏa kiến thức, kỹ năng cho phát triển Chính phủ số tại các bộ, ngành, địa phương. Các chuyên gia về Chính phủ số trước hết phải nắm bắt được các xu thế công nghệ mới, các bài học kinh nghiệm, quy định pháp luật, mô hình, quy định kỹ thuật trong triển khai Chính phủ số. Xây dựng mạng lưới chuyên gia về Chính phủ số để chia sẻ tri thức, phối hợp giải quyết các vấn đề lớn.

đ) Tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số, kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu cho cán bộ, công chức, viên chức hàng năm để sẵn sàng chuyển đổi môi trường làm việc sang môi trường số.

### 3. Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung, chính sách pháp luật để nâng cao nhận thức cho người dân và toàn xã hội về Chính phủ điện tử, Chính phủ số, chuyển đổi số.

b) Tổ chức phổ cập kỹ năng số cho người dân, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của cơ quan nhà nước thông qua các hoạt động xã hội hóa.

c) Định kỳ hàng năm tổ chức tôn vinh dịch vụ công chất lượng nhất, dịch vụ công thu hút được sự tham gia rộng rãi nhất, cơ quan nhà nước vận hành tối ưu nhất, vấn đề phát triển kinh tế - xã hội đã giải quyết có kết quả đột phá nhất và cơ quan nhà nước phát triển Chính phủ số tốt nhất.

### 4. Hợp tác giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp

a) Doanh nghiệp công nghệ số nghiên cứu, đầu tư xây dựng các sản phẩm, dịch vụ phát triển Chính phủ số, trước hết là khuyến khích các cơ chế, chính sách về thuê dịch vụ, hợp tác theo phương thức đối tác công tư, sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, tham gia các quỹ đầu tư, phát triển trung tâm đổi mới sáng tạo.

b) Nhà nước đóng vai trò quan trọng trong việc điều phối, quy hoạch, thúc đẩy phát triển hiệu quả thị trường cung cấp sản phẩm, dịch vụ Chính phủ số của các doanh nghiệp chủ chốt. Chính phủ triển khai một số hoạt động mang tính định

hướng, kiến tạo thị trường bằng cách làm trước, cho phép trải nghiệm dùng thử hoặc cung cấp dịch vụ cơ bản.

c) Cơ quan nhà nước phối hợp doanh nghiệp để cung cấp dịch vụ công thông qua mạng lưới bưu chính công ích và ứng dụng của doanh nghiệp.

d) Khai thác hiệu quả mạng lưới bưu chính công ích để hỗ trợ người dân tiếp cận các dịch vụ Chính phủ số, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, các đối tượng yếu thế trong xã hội.

## 5. Nghiên cứu, phát triển, làm chủ các công nghệ lõi

a) Thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng nền tảng mở, mã nguồn mở phục vụ Chính phủ số.

b) Mở các nền tảng quốc gia hướng tới tạo thành hệ sinh thái để các doanh nghiệp công nghệ số có thể tham gia phát triển các dịch vụ kinh tế số, xã hội số.

c) Lựa chọn ưu tiên, đẩy mạnh phong trào nghiên cứu một số công nghệ cốt lõi mà Việt Nam có lợi thế, có khả năng tạo bứt phá mạnh mẽ như QR code, trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (blockchain) và thực tế ảo/thực tế tăng cường (VR/AR), dữ liệu lớn (Big Data) tạo điều kiện sớm triển khai các công nghệ số tiên tiến trong Chính phủ số. Thực hiện cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số nghiên cứu, phát triển các ứng dụng công nghệ mới cho Chính phủ số.

d) Khuyến khích phát triển các doanh nghiệp công nghệ số để làm chủ các công nghệ cốt lõi trong Chính phủ số trước hết đó là các công nghệ điện toán đám mây, bảo mật, an toàn, an ninh mạng, nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu, các nền tảng cho phát triển các ứng dụng chuyên ngành.

đ) Nghiên cứu, xây dựng và thí điểm sử dụng tiền ảo dựa trên công nghệ chuỗi khối (blockchain).

e) Xây dựng các chương trình nghiên cứu, ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tạo ra những sản phẩm, dịch vụ mang đặc thù Việt Nam, tạo lợi thế cạnh tranh, tạo nền tảng thúc đẩy Chuyển đổi số quốc gia. Các sản phẩm, dịch vụ này ưu tiên thí điểm ứng dụng trước trong các cơ quan nhà nước, từ đó đánh giá, hoàn thiện, hình thành ra các nền tảng để phục vụ kinh tế số, xã hội số.

g) Ban hành quy định về việc sử dụng sản phẩm, giải pháp đã được đánh giá, kiểm định trong triển khai Chính phủ số. Ưu tiên sử dụng các sản phẩm, giải pháp, công nghệ thiết kế, sản xuất bởi các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam trong các hệ thống Chính phủ số.

## 6. Chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ

a) Thực hiện gắn kết chặt chẽ giữa cải cách thủ tục hành chính với phát triển Chính phủ số.

b) Rà soát các thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ trong các cơ quan nhà nước theo hướng đơn giản hóa hoặc thay đổi phù hợp để có thể ứng dụng hiệu quả công nghệ số.

c) Rà soát loại bỏ một số thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ khi ứng dụng công nghệ số.

## 7. Hợp tác quốc tế

a) Chủ động hợp tác quốc tế trong phát triển Chính phủ số; chủ động, tích cực tham gia các tổ chức quốc tế, các sáng kiến về Chính phủ số và phát triển công nghệ số, kinh tế số, trong đó sẵn sàng phát huy vai trò đi đầu trong những lĩnh vực có thể mạnh; tham gia chủ động, tích cực vào việc xây dựng các khuôn khổ pháp lý, tiêu chuẩn, nguyên tắc quốc tế mới về công nghệ số phù hợp với mục tiêu và lợi ích của Việt Nam.

b) Hỗ trợ một số nước trong phát triển Chính phủ số nhằm tăng cường mối quan hệ hợp tác quốc tế, đồng thời quảng bá, tạo thị trường cho các sản phẩm, dịch vụ Chính phủ số của các doanh nghiệp Việt Nam.

## 8. Bảo đảm kinh phí

a) Ưu tiên sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật để phát triển Chính phủ số; tăng cường thực hiện giải pháp thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

b) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng phương án bảo đảm kinh phí, phân đấu tỷ lệ chi cho chuyển đổi số, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số trong tổng chi ngân sách nhà nước cao hơn mức trung bình của thế giới.

c) Ưu tiên bố trí nguồn vốn đầu tư công để thực hiện các dự án phát triển hạ tầng, trung tâm dữ liệu, cơ sở dữ liệu quốc gia, nền tảng quốc gia, các ứng dụng, dịch vụ quốc gia sử dụng vốn đầu tư công do ngân sách trung ương đảm bảo.

## 9. Đo lường, giám sát, đánh giá triển khai

a) Thực hiện đo lường, giám sát tự động tới từng hệ thống, từng dịch vụ phục vụ Chính phủ số.

b) Giám sát, đánh giá, đo lường hiệu quả các dự án đầu tư được thực hiện dựa trên số liệu.

c) Định kỳ hàng tháng, hàng năm công bố kết quả đánh giá, làm cơ sở để theo dõi, đôn đốc, xếp hạng về Chính phủ điện tử, Chính phủ số; công khai trực tuyến các chỉ số chính trong phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

#### 10. Cơ chế điều hành, tổ chức thực thi

a) Phát huy vai trò Ủy ban Quốc gia về Chính phủ điện tử, Ban Chỉ đạo xây dựng Chính phủ điện tử, Chính quyền điện tử của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong việc chỉ đạo phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số.

b) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trực tiếp chỉ đạo, chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về kết quả phát triển Chính phủ số, Chính quyền số tại bộ, ngành, địa phương mình.

c) Phát huy vai trò Bộ Thông tin và Truyền thông, đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong việc tổ chức, điều phối công tác phát triển Chính phủ số, chuyển đổi số các cấp.

d) Triển khai Chính phủ số theo hướng từng bước tập trung hóa, phát triển các ứng dụng, dịch vụ Chính phủ số dựa trên nền tảng điện toán đám mây, ưu tiên theo hướng thuê dịch vụ.

#### **Điều 2.** Tổ chức thực hiện

##### 1. Bộ Thông tin và Truyền thông:

a) Chủ trì tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược; định kỳ hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình thực hiện Chiến lược.

b) Năm 2023 tổ chức sơ kết tình hình thực hiện Chiến lược, đề xuất xây dựng các mục tiêu, chỉ tiêu và bổ sung, sửa đổi các nhiệm vụ, giải pháp (nếu cần thiết) và tổng kết đánh giá kết quả triển khai thực hiện Chiến lược vào năm 2025.

##### 2. Văn phòng Chính phủ:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương thực hiện chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ, cải cách thủ tục hành chính, cải cách chế độ báo cáo trong các cơ quan hành chính nhà nước.

b) Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông trong việc tổ chức đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện Chiến lược.

### 3. Bộ Nội vụ:

a) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương thực hiện cải cách hành chính.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Bộ chỉ số cải cách hành chính theo hướng gắn kết chặt chẽ phát triển Chính phủ số với hoạt động cải cách hành chính, Chính phủ số trở thành công cụ đặc lực thúc đẩy cải cách hành chính nhà nước.

### 4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Chủ trì thực hiện giải pháp quy định tại khoản 8 mục VI Điều 1 Quyết định này đối với nguồn vốn đầu tư phát triển; chủ trì tổng hợp vốn đầu tư phát triển hàng năm trên cơ sở đề xuất của các bộ, ngành, địa phương theo các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công từng giai đoạn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn liên quan để triển khai Chiến lược.

### 5. Bộ Tài chính:

Chủ trì thực hiện giải pháp quy định tại khoản 8 mục VI Điều 1 Quyết định này đối với nguồn vốn thường xuyên; chủ trì tổng hợp, bố trí vốn chi thường xuyên hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn liên quan để triển khai Chiến lược.

6. Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ có trách nhiệm bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng phục vụ Chính phủ điện tử, Chính phủ số theo chức năng, nhiệm vụ được giao, bảo đảm nguyên tắc an toàn thông tin, an ninh mạng là tiền đề thúc đẩy triển khai Chính phủ số nhanh hơn, bền vững hơn, phân công trách nhiệm rõ ràng, hiệp đồng chặt chẽ, chia sẻ thông tin kịp thời.

7. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

a) Xây dựng và triển khai kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch hàng năm phát triển Chính phủ số, Chính quyền số theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông để thực hiện Chiến lược; đồng bộ các nội dung kế hoạch với kế hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của bộ, ngành, địa phương mình.

b) Tổ chức triển khai các nhiệm vụ nêu tại Mục V Điều 1 trên cơ sở nhu cầu, điều kiện thực tế và định hướng phát triển của bộ, ngành, địa phương mình.

c) Tổ chức triển khai các nhiệm vụ, giải pháp được phân công tại Phụ lục kèm theo.

d) Tái cấu trúc tổ chức, quy trình nghiệp vụ để có thể ứng dụng hiệu quả công nghệ số vào mọi hoạt động của cơ quan nhà nước, hướng tới số hóa toàn bộ hoạt động của cơ quan tổ chức.

đ) Bảo đảm kinh phí (chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên) để thực hiện các nhiệm vụ, dự án Chính phủ số theo giải pháp tại khoản 8 mục VI Điều 1.

e) Triển khai bảo đảm an toàn, an ninh mạng theo mô hình nhiều lớp, tuân thủ hướng dẫn của cơ quan chuyên trách về an toàn, an ninh mạng, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy định của pháp luật.

g) Kiện toàn đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin trở thành đơn vị chuyên trách về chuyển đổi số để tham mưu, thực thi, dẫn dắt chuyển đổi số trong ngành, lĩnh vực, địa phương.

h) Kiểm tra, đánh giá, báo cáo hàng năm và đột xuất tình hình thực hiện Chiến lược theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

8. Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam và các cơ quan truyền thông, báo chí có trách nhiệm: chủ trì, chủ động phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông và các bộ, ngành, địa phương xây dựng và phê duyệt kế hoạch tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng trong các ngành, các cấp và Nhân dân về nội dung Chiến lược này, cũng như các câu chuyện thành công, bài học kinh nghiệm hay trong nước và quốc tế một cách thường xuyên, định kỳ hàng ngày, hàng tuần.

9. Bảo hiểm xã hội Việt Nam có trách nhiệm chủ động bố trí nguồn lực để hoàn thành việc xây dựng, đưa vào vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm phục vụ công tác của ngành: bảo hiểm xã hội, y tế, lao động - thương binh và xã hội và các ngành liên quan bảo đảm sự đồng bộ với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu quốc gia có liên quan, góp phần tạo cơ sở nền tảng phát triển Chính phủ số.

10. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh chỉ đạo hệ thống tổ chức đoàn cơ sở các cấp cử đầu mối tới tận cấp xã, tham gia mạng lưới hỗ trợ triển khai chuyển đổi số do Bộ Thông tin và Truyền thông điều phối; chủ động phát động các chiến dịch đoàn viên thanh niên tuyên truyền, phổ biến kỹ năng số, hỗ trợ, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ Chính phủ số.

11. Hội, hiệp hội nghề nghiệp chủ động, tích cực trong việc tham mưu, phản biện chính sách, pháp luật; phát động hội viên, doanh nghiệp chủ động làm chủ công nghệ, cung cấp sản phẩm, dịch vụ có chất lượng; tham gia cùng Bộ Thông tin và

Truyền thông trong việc tuyên truyền, phổ biến, khảo sát, đánh giá mức độ chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số ở Việt Nam.

12. Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam, Tổng công ty Viễn thông MobiFone, Tổng công ty Bưu điện Việt Nam và các doanh nghiệp công nghệ đủ năng lực kỹ thuật, tài chính:

a) Cử đầu mối phụ trách phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông trong việc nghiên cứu, xây dựng, phản biện chính sách; chỉ đạo các đơn vị thành viên tại các địa phương cử đầu mối tham gia mạng lưới hỗ trợ triển khai chuyển đổi số do Bộ Thông tin và Truyền thông điều phối.

b) Ưu tiên bố trí nguồn lực để phát triển hạ tầng số, các nền tảng số, hệ thống quy mô quốc gia, dữ liệu số quốc gia, các ứng dụng, dịch vụ quy mô quốc gia, nghiên cứu, phát triển, làm chủ các công nghệ số cốt lõi phục vụ Chính phủ số.

c) Phát huy vai trò dẫn dắt trong triển khai các giải pháp phục vụ Chính phủ số, huy động, tập hợp các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong lĩnh vực công nghệ số, cùng tham gia phát triển hệ sinh thái sản phẩm và dịch vụ phục vụ phát triển Chính phủ số.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục;
- Lưu: VT, KSTT (2).

**KT. THỦ TƯỚNG  
PHÓ THỦ TƯỚNG**

**(Đã ký)**

**Vũ Đức Đam**

## PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ HƯỚNG TỚI CHÍNH PHỦ SỐ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030  
(Kèm theo Quyết định số: 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện
<b>I</b>	<b>Hoàn thiện môi trường pháp lý</b>		
1	Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi Luật Giao dịch điện tử và các văn bản hướng dẫn, trong đó có quy định về Chính phủ số	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021 - 2022
2	Nghiên cứu, đề xuất môi trường pháp lý cho phép thử nghiệm, chấp nhận cái mới và chấp nhận thay đổi, hình thành không gian thí điểm dịch vụ số và cho phép thử nghiệm các dịch vụ số chưa được quy định bởi pháp luật	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021 - 2023
3	Hoàn thiện, trình Chính phủ ban hành Nghị định về định danh, xác thực điện tử và hoàn thiện hành lang pháp lý để phổ cập danh tính số	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021
4	Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi Luật Lưu trữ	Bộ Nội vụ	2021 - 2022
5	Nghiên cứu, xây dựng Luật Chính phủ số và các văn bản hướng dẫn nhằm tạo điều kiện phát triển Chính phủ số	Bộ Thông tin và Truyền thông	2023 - 2025
6	Nghiên cứu, xây dựng Nghị định của Chính phủ thay thế Nghị định số 43/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021 - 2022
7	Nghiên cứu, xây dựng Nghị định của Chính phủ thay thế Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021 - 2022
8	Xây dựng Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, vận hành khai thác Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia và Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ	Văn phòng Chính phủ	Quý IV năm 2021
9	Xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật về Chính phủ số	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021 - 2025
10	Duy trì, cập nhật Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam phù hợp với yêu cầu phát triển Chính phủ số	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021 - 2025



11	Duy trì, cập nhật Kiến trúc Chính phủ điện tử cấp bộ, Kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam và yêu cầu phát triển Chính phủ số, Chính quyền số	Bộ, ngành, địa phương	2021 - 2025
<b>II Phát triển hạ tầng số</b>			
1	Phát triển và vận hành hạ tầng mạng chuyên dùng ổn định, an toàn, thông suốt, kết nối 4 cấp hành chính từ Trung ương đến cấp xã trên cơ sở Mạng Truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước, mạng diện rộng của các bộ, ngành, địa phương, mạng Internet băng rộng để phục vụ Chính phủ số	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021 - 2025
2	Xây dựng Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ thống nhất trên cơ sở quy hoạch, kết nối đám mây của các cơ quan nhà nước tại các bộ, ngành, địa phương	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021 - 2025
<b>III Phát triển các nền tảng số và hệ thống quy mô quốc gia</b>			
1	Phát triển Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP)	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021 - 2023
2	Phát triển Nền tảng trao đổi định danh và xác thực điện tử quốc gia (NIXA)	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021 - 2022
3	Xây dựng Nền tảng định danh và xác thực trên thiết bị di động	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021 - 2022
4	Xây dựng Nền tảng phát triển kỹ năng số quốc gia	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021 - 2023
5	Phát triển Nền tảng ứng dụng trên thiết bị di động cho phép người dân và doanh nghiệp có thể định danh trên không gian số và sử dụng mọi dịch vụ, tiện ích trong Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số mọi lúc, mọi nơi	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021 - 2023
6	Xây dựng Hệ thống kiểm định chức năng, hiệu năng các sản phẩm, giải pháp phục vụ Chính phủ số	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021 - 2025
7	Xây dựng Hệ thống giám sát, đo lường mức độ sử dụng dịch vụ Chính phủ số của các cơ quan nhà nước	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021 - 2025
8	Xây dựng Hệ thống giám sát các nền tảng số phục vụ công tác quản lý nhà nước chuyên ngành	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021 - 2025
9	Xây dựng Công công nghệ mở (GovTech) của Việt Nam	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021 - 2022
10	Xây dựng bản đồ số quốc gia mở làm nền tảng phát triển các dịch vụ số phát triển kinh tế - xã hội	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2021 - 2025

11	Phát triển các nền tảng để cung cấp dịch vụ thiết yếu, cơ bản trên quy mô quốc gia, các nền tảng thương mại điện tử, giao nhận - kho vận phục vụ phát triển kinh tế số, góp phần thực hiện mục tiêu xóa nghèo, các nền tảng phục vụ chuyển đổi số trong từng ngành, lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số theo Chương trình Chuyển đổi số quốc gia	Các bộ, ngành	2021 - 2025
<b>IV</b>	<b>Phát triển dữ liệu số quốc gia</b>		
1	Phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư	Bộ Công an	2021
2	Phát triển Cơ sở dữ liệu Đất đai quốc gia	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2021 - 2022
3	Phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2021
4	Phát triển dữ liệu về tài chính	Bộ Tài chính	2021 - 2022
5	Phát triển dữ liệu về bảo hiểm	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	2021 - 2022
6	Phát triển dữ liệu về hộ tịch	Bộ Tư pháp	2021 - 2025
7	Phát triển dữ liệu về y tế	Bộ Y tế	2021 - 2023
8	Phát triển dữ liệu về nông nghiệp	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2021 - 2025
9	Phát triển dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức	Bộ Nội vụ	2021 - 2023
10	Phát triển dữ liệu về lao động, việc làm, an sinh xã hội	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	2021 - 2025
11	Phát triển dữ liệu về giáo dục và đào tạo	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2021 - 2023
12	Phát triển dữ liệu về phương tiện giao thông	Bộ Giao thông vận tải	2021 - 2023
13	Phát triển dữ liệu về xuất nhập khẩu	Bộ Công Thương	2021 - 2023
14	Phát triển dữ liệu về hoạt động xây dựng	Bộ Xây dựng	2021 - 2025
<b>V</b>	<b>Phát triển các ứng dụng, dịch vụ quốc gia</b>		
1	Phát triển, hoàn thiện Công Dịch vụ công quốc gia	Văn phòng Chính phủ	2021 - 2025
2	Xây dựng Công dữ liệu quốc gia	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021 - 2025
3	Phát triển Hệ tri thức Việt số hóa	Bộ Khoa học và Công nghệ	2021 - 2025
4	Xây dựng Nền tảng họp trực tuyến, Nền tảng làm việc, cộng tác trên môi trường số dựa trên Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ, Nền tảng trợ	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021 - 2023

	lý ảo, đảm bảo kế thừa các hệ thống thông tin đã được xây dựng tại các bộ, ngành, địa phương		
5	Phát triển Trục liên thông văn bản quốc gia đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ	Văn phòng Chính phủ	2021 - 2025
6	Phát triển, hoàn thiện Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ	Văn phòng Chính phủ	2021 - 2025
7	Phát triển, hoàn thiện Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ, phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (eCabinet)	Văn phòng Chính phủ	2021 - 2025
8	Phát triển, hoàn thiện Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu theo dõi nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao các bộ, ngành, địa phương thực hiện	Văn phòng Chính phủ	2021 - 2025
9	Xây dựng Hệ thống thông tin Ngân sách và Kế toán nhà nước số	Bộ Tài chính	2021 - 2025
10	Nâng cấp Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2021 - 2025
11	Phát triển ứng dụng, dịch vụ quy mô quốc gia để triển khai Chính phủ số và dẫn dắt chuyển đổi số trong từng ngành, lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số theo Chương trình Chuyển đổi số quốc gia	Bộ, ngành	2021 - 2025
<b>VI</b>	<b>Bảo đảm an toàn, an ninh mạng quốc gia</b>		
1	Xây dựng Hệ thống hỗ trợ giám sát, điều hành an toàn mạng phục vụ Chính phủ điện tử	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021 - 2025
2	Xây dựng hệ thống thao trường mạng phục vụ huấn luyện, diễn tập, sát hạch an toàn thông tin phục vụ Chính phủ điện tử	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021 - 2025
3	Xây dựng hệ thống đánh giá, kiểm định an toàn thông tin	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021 - 2025
4	Xây dựng hệ thống phân tích, xử lý dữ liệu lớn phục vụ nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng quốc gia	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021 - 2025
5	Xây dựng hệ thống hỗ trợ điều phối, ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021 - 2025
6	Xây dựng hệ thống thẩm định an ninh mạng, kiểm tra an ninh mạng, đánh giá điều kiện an ninh mạng, giám sát an ninh mạng, ứng phó, khắc phục sự cố an ninh mạng đối với các hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia theo quy định tại Luật An ninh mạng	Bộ Công an	2021 - 2025
7	Tổ chức thanh tra, kiểm tra công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng tại các cơ quan, các nhà	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021 - 2025

	mạng, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Chính phủ số		
8	Tổ chức thanh tra, kiểm tra công tác bảo đảm an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước tại các cơ quan, các nhà mạng, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chính phủ số	Bộ Công an	2021 - 2025
9	Phát triển, hoàn thiện hệ thống chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ	Ban Cơ yếu Chính phủ	2021 - 2025
10	Xây dựng Hệ thống kiểm định, đánh giá sản phẩm mật mã phục vụ Chính phủ số	Ban Cơ yếu Chính phủ	2021 - 2025
<b>VII</b>	<b>Tổ chức, bộ máy, mạng lưới</b>		
1	Kiến toàn tổ chức, bộ máy, thiết lập mạng lưới đơn vị chuyên trách và nhân sự hỗ trợ triển khai từ Trung ương đến địa phương để triển khai Chính phủ số, chuyển đổi số	Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Nội vụ; Bộ, ngành, địa phương	2021 - 2023
<b>VIII</b>	<b>Tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số</b>		
1	Đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng dựa trên các nền tảng mở, phần mềm nguồn mở vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học	Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Giáo dục và Đào tạo	2021 - 2023
2	Rà soát, cập nhật khung năng lực, chuẩn kỹ năng công nghệ thông tin tích hợp kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức nhà nước. Đưa nội dung đào tạo về kỹ năng số vào chương trình đào tạo quản lý nhà nước ngạch chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp hoặc tương đương. Tổ chức đào tạo, sát hạch, thi tuyển, thi nâng ngạch trực tuyến đảm bảo minh bạch, chất lượng	Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Nội vụ	2021 - 2025
3	Bồi dưỡng, nâng cao nhận thức cho cán bộ lãnh đạo; cán bộ, công chức, viên chức cơ quan nhà nước các cấp về Chính phủ số, Khung kiến trúc, Kiến trúc Chính phủ điện tử/Chính phủ số và bảo đảm an toàn, an ninh mạng	Bộ, ngành, địa phương	2021 - 2025
4	Tổ chức bồi dưỡng, huấn luyện đội ngũ chuyên gia về Chính phủ số	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021 - 2025
5	Tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số, kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu cho cán bộ, công chức, viên chức hàng năm	Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ, ngành, địa phương	2021 - 2025
<b>IX</b>	<b>Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức</b>		
1	Tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung, chính sách pháp luật để nâng cao nhận thức cho người dân và toàn xã hội về Chính phủ điện tử, Chính phủ số, chuyển đổi số	Bộ, ngành, địa phương	2021 - 2025

2	Tổ chức phổ cập kỹ năng số cho người dân, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của cơ quan nhà nước thông qua các hoạt động xã hội hóa	Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp	2021 - 2025
3	Tổ chức tôn vinh dịch vụ công chất lượng nhất, dịch vụ công thu hút được sự tham gia rộng rãi nhất, cơ quan nhà nước vận hành tối ưu nhất, vấn đề phát triển kinh tế - xã hội đã giải quyết có kết quả đột phá nhất và cơ quan nhà nước phát triển Chính phủ số tốt nhất	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021 - 2025
<b>X</b>	<b>Hợp tác giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp</b>		
1	Tạo điều kiện cho mọi loại hình doanh nghiệp công nghệ số nghiên cứu, đầu tư xây dựng các sản phẩm, dịch vụ phát triển Chính phủ số	Bộ Tài chính; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Thông tin và Truyền thông	2021 - 2025
2	Điều phối, quy hoạch, thúc đẩy phát triển hiệu quả thị trường cung cấp sản phẩm, dịch vụ Chính phủ số của các doanh nghiệp chủ chốt	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021 - 2025
3	Phối hợp doanh nghiệp để cung cấp dịch vụ công thông qua mạng lưới bưu chính công ích và ứng dụng của doanh nghiệp	Bộ, ngành, địa phương; Doanh nghiệp	2021 - 2025
4	Khai thác hiệu quả mạng lưới bưu chính công ích để hỗ trợ người dân tiếp cận các dịch vụ Chính phủ số, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, các đối tượng yếu thế trong xã hội	Bộ Thông tin và Truyền thông; Doanh nghiệp	2021 - 2025
<b>XI</b>	<b>Nghiên cứu, phát triển, làm chủ các công nghệ lõi</b>		
1	Thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng nền tảng mở, mã nguồn mở phục vụ Chính phủ số	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021 - 2025
2	Nghiên cứu, xây dựng và thí điểm sử dụng tiền ảo dựa trên công nghệ chuỗi khối (blockchain)	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	2021 - 2023
3	Xây dựng các chương trình nghiên cứu, ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tạo ra những sản phẩm, dịch vụ mang đặc thù Việt Nam, tạo lợi thế cạnh tranh, tạo nền tảng thúc đẩy Chuyển đổi số quốc gia	Bộ Khoa học và Công nghệ	2021 - 2025
4	Mở các nền tảng quốc gia hướng tới tạo thành hệ sinh thái để các doanh nghiệp công nghệ số có thể tham gia phát triển các dịch vụ kinh tế số, xã hội số	Bộ, ngành	2021 - 2025
5	Lựa chọn ưu tiên, đẩy mạnh phong trào nghiên cứu một số công nghệ cốt lõi mà Việt Nam có lợi thế, có thể đi tắt đón đầu cũng như có khả năng tạo bứt phá mạnh mẽ như trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (blockchain) và thực tế ảo/ thực tế tăng cường (VR/AR), dữ liệu lớn (Big Data) tạo điều	Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Thông tin và Truyền thông	2021 - 2025

	kiện ứng dụng các công nghệ số tiên tiến trong triển khai Chính phủ số. Thực hiện cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số nghiên cứu, phát triển các ứng dụng công nghệ mới cho Chính phủ số		
6	Khuyến khích phát triển các doanh nghiệp công nghệ số để làm chủ các công nghệ cốt lõi trong Chính phủ số	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021 - 2025
7	Ban hành quy định về việc sử dụng sản phẩm, giải pháp đã được đánh giá, kiểm định trong triển khai Chính phủ số	Bộ, ngành, địa phương	2021 - 2025
8	Ưu tiên sử dụng các sản phẩm, giải pháp, công nghệ thiết kế, sản xuất bởi các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam trong các hệ thống Chính phủ số	Bộ, ngành, địa phương	2021 - 2025
<b>XII</b>	<b>Chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ</b>		
1	Thực hiện gắn kết chặt chẽ giữa cải cách thủ tục hành chính với phát triển Chính phủ số	Bộ, ngành, địa phương	2021 - 2025
2	Rà soát các thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ trong các cơ quan nhà nước theo hướng đơn giản hóa hoặc thay đổi phù hợp để có thể ứng dụng hiệu quả công nghệ số	Bộ, ngành, địa phương	2021 - 2025
3	Rà soát loại bỏ một số thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ khi ứng dụng công nghệ số	Bộ, ngành, địa phương	2021 - 2025
<b>XIII</b>	<b>Hợp tác quốc tế</b>		
1	Chủ động hợp tác quốc tế trong phát triển Chính phủ số; chủ động, tích cực tham gia các tổ chức quốc tế, các sáng kiến về Chính phủ số và phát triển công nghệ số, kinh tế số, trong đó sẵn sàng phát huy vai trò đi đầu trong những lĩnh vực có thế mạnh; tham gia chủ động, tích cực vào việc xây dựng các khuôn khổ pháp lý, tiêu chuẩn, nguyên tắc quốc tế mới về công nghệ số phù hợp với mục tiêu và lợi ích của Việt Nam	Bộ, ngành, địa phương	2021 - 2025
2	Hỗ trợ một số nước trong phát triển Chính phủ số nhằm tăng cường mối quan hệ hợp tác quốc tế, đồng thời quảng bá, tạo thị trường cho các sản phẩm, dịch vụ Chính phủ số của các doanh nghiệp Việt Nam	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021 - 2025
<b>XIV</b>	<b>Bảo đảm kinh phí</b>		
1	Ưu tiên sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật để phát triển Chính phủ số; tăng cường thực hiện giải pháp thuê dịch vụ công nghệ thông tin	Bộ, ngành, địa phương	2021 - 2025

2	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng phương án bảo đảm kinh phí, phân đấu tỷ lệ chi cho chuyển đổi số, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số trong tổng chi ngân sách nhà nước cao hơn mức trung bình của thế giới	Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2021 - 2022
3	Ưu tiên bố trí đầu tư công để thực hiện các dự án phát triển hạ tầng, trung tâm dữ liệu, cơ sở dữ liệu quốc gia, nền tảng quốc gia, các ứng dụng, dịch vụ quốc gia	Bộ, ngành, địa phương	2021 - 2025
<b>XV</b>	<b>Đo lường, giám sát, đánh giá triển khai</b>		
1	Thực hiện đo lường, giám sát tự động tới từng hệ thống, từng dịch vụ phục vụ Chính phủ số. Định kỳ hàng tháng, hàng năm công bố kết quả đánh giá, làm cơ sở để theo dõi, đôn đốc, xếp hạng về Chính phủ điện tử, Chính phủ số; công khai trực tuyến các chỉ số chính trong phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021 - 2025
2	Giám sát, đánh giá, đo lường hiệu quả các dự án đầu tư được thực hiện dựa trên số liệu	Bộ, ngành, địa phương	2021 - 2025

Số: /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

**QUYẾT ĐỊNH**

**PHÊ DUYỆT CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ VÀ  
XÃ HỘI SỐ ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;*

*Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;*

*Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;*

*Căn cứ Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30/08/2021 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021 - 2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 – 2025;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Chiến lược), với những nội dung sau:

**I. TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045**

Phát triển số, tăng trưởng dựa trên yếu tố đầu vào là công nghệ số và dữ liệu số, trở thành một trong những phương thức phát triển chủ đạo mới để Việt Nam phát triển nhanh, bền vững, bao trùm, thích ứng và kiên cường trước các thách thức trong thế giới nhiều biến động khó dự báo trước.

Phát triển kinh tế số giúp mỗi người dân giàu có hơn, Việt Nam vượt qua mức thu nhập trung bình thấp vào năm 2025, có mức thu nhập trung bình cao vào năm 2030 và có mức thu nhập cao vào năm 2045.



Phát triển xã hội số giúp mỗi người dân hạnh phúc hơn, Việt Nam trở thành quốc gia số an toàn, nhân văn và rộng khắp.

## II. QUAN ĐIỂM

1. Bối cảnh hiện nay là thời cơ lịch sử hiếm có mà Việt Nam cần nhanh chóng nắm bắt, ngay lập tức có hành động mạnh mẽ phát triển kinh tế số và xã hội số. Việt Nam muốn bứt phá vươn lên thay đổi thứ hạng quốc gia thì phải tận dụng được cơ hội này, phát triển thêm các ngành nghề kinh doanh mới, mở ra các thị trường mới và tạo thêm nhiều nhu cầu việc làm mới. Nhiệm vụ phát triển kinh tế số và xã hội số vì vậy được đặt ở mức ưu tiên cao nhất trong chiến lược phát triển Quốc gia.

2. Thể chế kiến tạo, hạ tầng số đi trước một bước, nhân lực số đóng vai trò quyết định, mỗi người dân, mỗi hộ gia đình là một doanh nghiệp số. Công nghệ số và dữ liệu số thâm sâu một cách tự nhiên mặc định vào mọi mặt sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống của người dân. Tái cấu trúc cơ cấu và gia tăng tỷ trọng của kinh tế số trong nền kinh tế. Cụ thể:

a) Thể chế kiến tạo phát triển kinh tế số và xã hội số, đóng vai trò quyết định trong việc chấp nhận và nuôi dưỡng đổi mới sáng tạo. Bảo đảm trách nhiệm tuân thủ pháp luật như nhau giữa doanh nghiệp trong nước và nước ngoài.

b) Hạ tầng số phát triển với tốc độ nhanh hơn, đi trước một bước, theo hướng Việt Nam làm chủ công nghệ lõi.

c) Nhân lực số gồm lực lượng chuyên gia công nghệ số và người dân được phổ cập kỹ năng số đóng vai trò quyết định tương lai của Quốc gia.

d) Mỗi người dân là một doanh nhân số, mỗi doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh là một doanh nghiệp số. Công nghệ số mở ra cơ hội chưa từng có cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, cho mỗi hộ gia đình, mỗi người dân trở thành người sáng tạo và nhà cung cấp dịch vụ.

đ) Tái cấu trúc, tối ưu hóa và gia tăng tỷ trọng của kinh tế số trong toàn bộ nền kinh tế. Kinh tế số không phải đơn thuần chỉ là một bộ phận của nền kinh tế mà kinh tế số thâm thấu vào toàn bộ nền kinh tế. Nhanh chóng chuyển đổi số tất cả các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội, sử dụng công nghệ số và dữ liệu số nâng cao năng lực cạnh tranh, phục vụ nhu cầu cá thể của người tiêu dùng. Phát triển các mô hình kinh doanh mới, mở ra không gian mới cho sự tăng trưởng. Phát triển ngành công nghiệp số, công nghiệp công nghệ số làm động lực cho phát triển kinh tế số và xã hội số trong các ngành, lĩnh vực khác.

3. Phát triển nhanh và bền vững, toàn diện và có trọng tâm, bảo vệ chủ quyền số quốc gia và hội nhập quốc tế, bảo vệ quyền riêng tư, quyền sở hữu trí tuệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi mọi hoạt động lên môi trường số và quản lý rủi ro, cụ thể:

a) Phát triển nhanh và bền vững. Những mô hình triển khai đã chín muồi, đã rõ ràng, được đa số đồng tình, thực hiện có hiệu quả thì tiếp tục triển khai nhanh hơn, quyết liệt hơn. Những mô hình mới, chưa có quy định hoặc quy định đã không

còn đáp ứng thực tiễn thì chủ động thí điểm, vừa làm vừa rút kinh nghiệm, mở rộng dần, không cầu toàn, không nóng vội.

b) Phát triển toàn diện và có trọng điểm. Phát triển toàn diện các yếu tố nền móng cho kinh tế số và xã hội số và xác định điểm đột phá cụ thể trên mỗi phương diện. Phát triển toàn diện kinh tế số và xã hội số trong tất cả các ngành, lĩnh vực và xác định một số ngành, lĩnh vực trọng tâm cần tập trung triển khai.

c) Bảo vệ quyền riêng tư, quyền sở hữu trí tuệ và đổi mới sáng tạo phù hợp với từng giai đoạn, từng mức độ phát triển kinh tế số và xã hội số. Nghiên cứu kinh nghiệm, thông lệ quốc tế và vận dụng phù hợp với thực tiễn của Việt Nam.

d) Bảo vệ chủ quyền số quốc gia và hội nhập quốc tế. Phát triển kinh tế số và xã hội số gắn liền với bảo đảm an toàn không gian mạng quốc gia, an ninh mạng, từng bước xây dựng và củng cố vững chắc chủ quyền số quốc gia và chủ quyền quốc gia trên không gian mạng. Doanh nghiệp Việt Nam phát triển các nền tảng số quốc gia, đi từ triển khai ứng dụng, dịch vụ, đến làm chủ một số công nghệ lõi, làm chủ thị trường trong nước từ đó vươn ra thị trường khu vực và toàn cầu. Hội nhập, hợp tác và cạnh tranh quốc tế, thu hút nguồn lực đầu tư một cách chọn lọc, phù hợp với chiến lược quốc gia, thu hút đội ngũ chuyên gia trên thế giới cùng tham gia giải quyết các bài toán của Việt Nam, kết hợp thực thi cam kết hội nhập với cải cách trong nước.

đ) Quản lý rủi ro trong quá trình chuyển đổi lên môi trường số, phát triển kinh tế số và xã hội số an toàn, nhân văn và rộng khắp. Bảo vệ người dân, doanh nghiệp trước những nguy cơ, rủi ro, tác nhân xấu xâm hại tới lợi ích chính đáng, hợp pháp của người dân, doanh nghiệp. Bảo vệ trẻ em và các đối tượng yếu thế trên môi trường mạng.

### **III. MỤC TIÊU**

#### **1. Phát triển kinh tế số**

Kinh tế số là hoạt động kinh tế sử dụng công nghệ số và dữ liệu số làm yếu tố đầu vào chính, sử dụng môi trường số làm không gian hoạt động chính, sử dụng công nghệ thông tin - viễn thông để tăng năng suất lao động, đổi mới mô hình kinh doanh và tối ưu hóa cấu trúc nền kinh tế.

Kinh tế số bao gồm: kinh tế số ICT là công nghiệp công nghệ thông tin và dịch vụ viễn thông; kinh tế số nền tảng là hoạt động kinh tế của các nền tảng số, các hệ thống trực tuyến kết nối giữa cung và cầu và các dịch vụ trực tuyến; kinh tế số ngành là hoạt động kinh tế của các ngành, lĩnh vực được gia tăng đáng kể nhờ đầu vào công nghệ số và dữ liệu số, với môi trường số là không gian hoạt động chính.

Phát triển kinh tế số ICT làm cốt lõi và là động lực trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế số.

Phát triển kinh tế số nền tảng chiếm tỷ trọng ngày càng lớn hơn, xóa nhòa khoảng cách, ranh giới giữa các ngành, lĩnh vực, hình thành hệ sinh thái sản phẩm và dịch vụ đáp ứng nhu cầu cá thể hóa của người dân, kết nối trực tiếp giữa cung và cầu, tạo ra các mô hình kinh doanh mới.

Phát triển kinh tế số ngành chiếm tỷ trọng lớn nhất trong kinh tế số, tạo ra các mô hình kinh doanh mới.

*a) Mục tiêu cơ bản đến năm 2025*

- Tỷ trọng kinh tế số đạt trên 20% GDP, trong đó:
  - + Công nghiệp công nghệ thông tin và dịch vụ viễn thông đạt trên 8%;
  - + Hoạt động kinh tế số của các nền tảng số đạt trên 4%;
  - + Hoạt động kinh tế số của các ngành, lĩnh vực đạt trên 8%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 50%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng nền tảng hóa đơn điện tử đạt trên 50%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng nền tảng hợp đồng điện tử đạt trên 50%;
- Việt Nam thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu về dữ liệu mở;
- Việt Nam thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu về chỉ số cạnh tranh;
- Việt Nam thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu về đổi mới sáng tạo.

*b) Mục tiêu cơ bản đến năm 2030*

- Tỷ trọng kinh tế số đạt trên 30% GDP, trong đó:
  - + Công nghiệp công nghệ thông tin và dịch vụ viễn thông đạt trên 10%;
  - + Hoạt động kinh tế số của các nền tảng số đạt trên 8%;
  - + Hoạt động kinh tế số của các ngành, lĩnh vực đạt trên 12%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 70%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng nền tảng hóa đơn điện tử đạt trên 70%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng nền tảng hợp đồng điện tử đạt trên 70%;
- Việt Nam thuộc nhóm 30 nước dẫn đầu về dữ liệu mở;
- Việt Nam thuộc nhóm 30 nước dẫn đầu về chỉ số cạnh tranh;
- Việt Nam thuộc nhóm 30 nước dẫn đầu về đổi mới sáng tạo.

## **2. Phát triển xã hội số**

Xã hội số là xã hội tích hợp công nghệ số một cách tự nhiên và mặc định vào mọi mặt đời sống, người dân được kết nối, có khả năng tương tác và thành thạo kỹ năng số để sử dụng các dịch vụ số, từ đó, hình thành các mối quan hệ mới trong môi trường số, hình thành thói quen số và văn hóa số.

Các đặc trưng cơ bản của xã hội số bao gồm tài khoản giao dịch số và xác thực điện tử cho người dân, khả năng kết nối mạng của người dân, phương tiện số của người dân, mức độ sử dụng dịch vụ công trực tuyến và dịch vụ số của người dân, kỹ năng số của người dân và nguồn nhân lực số.

Phát triển xã hội số đi đôi với tạo dựng các giá trị văn hóa phù hợp với thời đại số, tạo điều kiện cho mọi người tiếp cận, tiếp thu có chọn lọc các giá trị văn hóa thế giới, làm giàu đời sống tinh thần của người Việt Nam.

Phát huy sự sáng tạo của người dân trong xã hội số, đồng thời, bảo vệ người dân trước các mối nguy cơ, đe dọa trong xã hội số.

*a) Mục tiêu cơ bản đến năm 2025*

- Tỷ lệ người dân có kỹ năng số cơ bản đạt trên 60%;
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản thanh toán điện tử đạt trên 50%;
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số cá nhân đạt trên 50%;
- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 50%;

- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khoẻ từ xa đạt trên 30%;
- Tỷ trọng thương mại điện tử đạt trên 20%;
- Tỷ lệ nhân lực công nghệ số trong lực lượng lao động đạt trên 2,5%;
- Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 70%.

#### *b) Mục tiêu cơ bản đến năm 2030*

- Tỷ lệ người dân có kỹ năng số cơ bản đạt trên 70%;
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản thanh toán điện tử đạt trên 70%;
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký điện tử/số cá nhân đạt trên 70%;
- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 70%;
- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khoẻ từ xa đạt trên 50%;
- Tỷ trọng thương mại điện tử đạt trên 30%;
- Tỷ lệ nhân lực công nghệ số trong lực lượng lao động đạt trên 3%;
- Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 80%.

## **IV. PHÁT TRIỂN NỀN MÓNG KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ**

### **1. Thể chế**

Hoàn thiện thể chế, chính sách và môi trường pháp lý là nhiệm vụ xuyên suốt, có mức độ ưu tiên cao nhất, được lồng ghép trong tất cả các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế số và xã hội số.

Điểm đột phá là ban hành chính sách, quy định thúc đẩy các hoạt động trực tuyến diễn ra nhiều hơn, rẻ hơn, nhanh hơn, dễ dàng hơn và an toàn hơn.

Các nhiệm vụ trọng tâm bao gồm:

a) Nghiên cứu, đề xuất xây dựng Luật Giao dịch điện tử sửa đổi và các văn bản hướng dẫn thi hành để công nhận đầy đủ tính pháp lý của hồ sơ, dữ liệu, chứng từ điện tử và giao dịch điện tử; tạo hành lang pháp lý rõ ràng cho các nền tảng trung gian trong giao dịch điện tử; để việc thực hiện giao dịch điện tử mang lại nhiều lợi ích hơn, rẻ hơn, nhanh hơn, dễ dàng hơn và an toàn hơn việc thực hiện giao dịch theo các phương thức truyền thống.

b) Nghiên cứu, phân tích, đánh giá tác động và yêu cầu của phát triển kinh tế số, xã hội số trong từng ngành, lĩnh vực, trên cơ sở đó triển khai xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật chuyên ngành cho phù hợp; rà soát, chỉnh sửa, bổ sung cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật trong từng ngành, lĩnh vực để cụ thể hóa việc thúc đẩy giao dịch điện tử trong mọi mặt kinh tế - xã hội; bảo đảm tỷ lệ hoạt động trực tuyến chiếm tối thiểu 50% tổng số hoạt động trong mỗi cơ quan, tổ chức, ngành, lĩnh vực; chủ động xây dựng, ban hành, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số, đặc biệt là tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng dịch vụ số trong từng ngành, lĩnh vực.

c) Xây dựng, báo cáo Thủ tướng Chính phủ hoặc Chính phủ và tổ chức triển khai khung pháp lý cho phép phát triển, cung cấp các dịch vụ số chưa được quy định bởi pháp luật trong một không gian đặc thù trên môi trường số, có thể giám sát được bằng công nghệ số, tiên phong lựa chọn một số đô thị thông minh làm môi

trường thí điểm, hình thành một số đô thị thông minh là trung tâm phát triển kinh tế số và xã hội số.

d) Rà soát, chỉnh sửa, bổ sung cơ chế, chính sách, văn bản pháp luật để thực hiện chống độc quyền, chống mua bán, sáp nhập làm ảnh hưởng tới cạnh tranh lành mạnh, chống các hình thức chuyên giá, chuyên thuế trong kinh tế số; tăng cường quy định để tránh các doanh nghiệp chi phối lạm dụng; tổ chức giám sát thực thi pháp luật bảo đảm nguyên tắc thực thi công bằng, trách nhiệm như nhau trước pháp luật đối với cả doanh nghiệp Việt Nam và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ xuyên biên giới vào Việt Nam.

đ) Nghiên cứu, xây dựng, ban hành các quy định pháp luật để quản lý và phát triển kinh tế số nền tảng, hoạt động của các nền tảng số, dịch vụ số và giao dịch trực tuyến. Từng bước hoàn thiện hành lang pháp lý cho kinh tế số và xã hội số.

## **2. Hạ tầng**

Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, gồm hạ tầng số và hạ tầng thiết yếu phục vụ kinh tế số và xã hội số.

Điểm đột phá là nhanh chóng phổ cập điện thoại thông minh tới mỗi người dân, phổ cập Internet cáp quang băng rộng tới mỗi hộ gia đình, phổ cập dịch vụ điện toán đám mây tới mỗi doanh nghiệp.

Các nhiệm vụ trọng tâm bao gồm:

a) Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức triển khai Chiến lược phát triển hạ tầng số theo hướng hạ tầng phải đi trước, đi nhanh, Việt Nam làm chủ công nghệ.

b) Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức triển khai Chiến lược phát triển hạ tầng bưu chính theo hướng hạ tầng bưu chính bảo đảm dòng chảy vật chất bên cạnh dòng chảy dữ liệu, là hạ tầng quan trọng phục vụ kinh tế số và xã hội số.

c) Xây dựng và tổ chức triển khai chiến lược, lộ trình số hóa và thông minh hóa các lĩnh vực hạ tầng thiết yếu khác phục vụ kinh tế số và xã hội số gồm: hạ tầng giao thông; hạ tầng cung cấp điện; hạ tầng thủy lợi và ứng phó với biến đổi khí hậu; hạ tầng đô thị; hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế; hạ tầng thương mại, công nghiệp và năng lượng; hạ tầng giáo dục và đào tạo; hạ tầng khoa học và công nghệ; hạ tầng y tế; hạ tầng văn hóa, thể thao, du lịch.

d) Tổ chức triển khai Kế hoạch hành động nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics Việt Nam đến năm 2025 được phê duyệt tại các Quyết định số 200/QĐ-TTg ngày 14/02/2017 và Quyết định số 221/QĐ-TTg ngày 22/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ theo hướng đẩy mạnh chuyển đổi số doanh nghiệp và dịch vụ logistics Việt Nam.

## **3. Nền tảng số**

Nền tảng số là mô hình hoạt động sử dụng công nghệ số để cung cấp dịch vụ cho phép tổ chức, cá nhân có thể sử dụng ngay, đơn giản, thuận tiện, linh hoạt theo

yêu cầu, dễ dàng phổ biến trên diện rộng vì tổ chức, cá nhân không cần tự đầu tư, quản lý, vận hành, duy trì, càng có nhiều người sử dụng thì chi phí càng rẻ, giá trị tạo ra càng lớn. Phát triển các nền tảng số quốc gia và nền tảng số ngành để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số, phát triển kinh tế số và xã hội số.

Điểm đột phá là nắm bắt cơ hội, phát triển và phổ cập thật nhanh các nền tảng số quốc gia phục vụ các nhu cầu riêng, đặc thù của người Việt Nam, trên cơ sở phân loại và thấu hiểu nhu cầu sử dụng của từng ngành, nghề, lĩnh vực.

Các nhiệm vụ trọng tâm bao gồm:

a) Xác định danh mục chi tiết và định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung danh mục các nền tảng số quốc gia ưu tiên tập trung phát triển. Bảo đảm nguyên tắc phát triển các nền tảng có khả năng kết nối hoạt động liên thông theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, có sự liên kết, chia sẻ dữ liệu, tạo được sức mạnh tổng thể và mang lại hiệu quả, tránh việc triển khai trùng lặp, rời rạc.

b) Xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch hành động cụ thể để phát triển từng nền tảng số quốc gia. Với mỗi nền tảng số quốc gia, xác định cụ thể cơ chế phối hợp hành động giữa Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ chủ quản chuyên ngành, xác định danh sách tối thiểu các doanh nghiệp công nghệ số phát triển nền tảng và xác định nguồn lực đầu tư phù hợp, bao gồm cả đầu tư công, để phát triển nền tảng.

c) Xây dựng, ban hành tiêu chí đánh giá, yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật và tổ chức đánh giá, công bố nền tảng số quốc gia đáp ứng yêu cầu.

d) Tổ chức khảo sát, thu thập thông tin, dữ liệu và xây dựng, vận hành Cổng thông tin nền tảng số để cung cấp thông tin, thúc đẩy phát triển, hỗ trợ sử dụng các nền tảng số Việt Nam.

đ) Tổ chức tập huấn, hướng dẫn sử dụng các nền tảng số quốc gia, tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trên toàn bộ hệ thống truyền thông từ Trung ương đến cơ sở để toàn dân biết và sử dụng.

#### **4. Dữ liệu số**

Dữ liệu và khả năng sẵn sàng kết nối, chia sẻ dữ liệu tạo nên huyết mạch quan trọng của kinh tế số và xã hội số. Dữ liệu là nguyên liệu không tiêu hao, càng chia sẻ, khai thác, sử dụng thì càng phát huy giá trị. Việc tạo lập, phân loại, dán nhãn dữ liệu, nhanh chóng hoàn thiện hành lang pháp lý về dữ liệu và quản trị dữ liệu là yếu tố quyết định thúc đẩy cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và người dân chuyển từ sở hữu riêng dữ liệu sang cùng tạo lập, chia sẻ và khai thác dữ liệu.

Điểm đột phá là phát triển dữ liệu chủ trong các cơ sở dữ liệu quốc gia có độ chính xác cao làm dữ liệu gốc và dữ liệu mở đặc thù của Việt Nam để phân tích, xử lý, dán nhãn phục vụ phát triển trí tuệ nhân tạo.

Các nhiệm vụ trọng tâm bao gồm:

a) Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức triển khai Chiến lược dữ liệu quốc gia.

b) Rà soát, sửa đổi, ban hành mới quy định, chính sách về tài sản dữ liệu, mua, bán dữ liệu, dịch vụ dữ liệu để tạo thị trường dữ liệu phát triển lành mạnh, an toàn, tuân thủ pháp luật.

c) Rà soát, sửa đổi quy định, chính sách về tài chính, phí, lệ phí để cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu cho doanh nghiệp, tạo nguồn thu hợp pháp để duy trì, phát triển dữ liệu và cơ chế thu mua dữ liệu từ doanh nghiệp.

d) Xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch hành động phát triển dữ liệu và phát triển nhân lực dữ liệu trong các lĩnh vực trọng điểm: nông nghiệp, y tế, giáo dục và đào tạo, tài nguyên và môi trường, giao thông vận tải, lao động, công nghiệp và thương mại, du lịch, văn hóa và xây dựng. Bảo đảm dữ liệu được tạo lập tuân thủ theo định dạng máy đọc được, sẵn sàng khả năng chia sẻ, khai thác, sử dụng một cách dễ dàng.

đ) Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu quốc gia và Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu tập trung cấp bộ, ngành, địa phương, kết nối liên thông, mở chia sẻ dữ liệu để tập hợp tài nguyên dữ liệu trong ngành, lĩnh vực, địa phương vào một đầu mối xử lý, phân tích, tạo ra các giá trị mới phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số.

## **5. An toàn, an ninh mạng**

Phát triển năng lực quản lý các nền tảng số, xây dựng môi trường số an toàn, lành mạnh, tạo niềm tin để mạnh mẽ thực hiện chuyển đổi từ môi trường thực lên môi trường số.

Điểm đột phá là phổ cập dịch vụ an toàn thông tin mạng ở mức cơ bản tới người dân và doanh nghiệp.

Các nhiệm vụ trọng tâm bao gồm:

a) Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức triển khai Chiến lược an toàn không gian mạng quốc gia theo định hướng làm chủ công nghệ, bảo vệ chủ quyền số và sự thịnh vượng của Quốc gia trên không gian mạng, bảo đảm môi trường số an toàn, lành mạnh, phát triển hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng.

b) Phát triển hạ tầng số, nền tảng số với yêu cầu an toàn, an ninh mạng mặc định ngay từ khâu thiết kế, xây dựng; cung cấp dịch vụ số được bảo đảm sẵn về an toàn, an ninh mạng ở mức cơ bản.

c) Phát triển hệ sinh thái sản phẩm an toàn, an ninh mạng Việt Nam; đánh giá, công bố các sản phẩm, dịch vụ an toàn, an ninh mạng Việt Nam đáp ứng được yêu cầu và ưu tiên sử dụng.

d) Phát triển nền tảng và tổ chức triển khai phổ cập dịch vụ an toàn thông tin mạng cơ bản giúp người dân phòng, tránh và tự bảo vệ mình trước những nguy cơ, rủi ro và sự cố mất an toàn thông tin mạng.

đ) Phát triển nền tảng và tổ chức triển khai dịch vụ an toàn thông tin mạng chuyên nghiệp giúp tổ chức, doanh nghiệp thực hiện mô hình bảo vệ 04 lớp.

e) Xây dựng và tổ chức triển khai hệ sinh thái tín nhiệm mạng như một chỉ dẫn quan trọng, tạo niềm tin cho người dân trên môi trường số thông qua việc thực hiện đánh giá và dán nhãn tín nhiệm cho các trang, cổng thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu về an toàn thông tin mạng.

g) Triển khai ký số từ xa theo hướng ưu tiên phổ cập việc sử dụng chữ ký số cá nhân cho người dân một cách đơn giản, thuận tiện, an toàn. Triển khai các giải pháp để hỗ trợ, miễn giảm giá sử dụng chữ ký số, đặc biệt cho cá nhân để thúc đẩy sử dụng chữ ký số. Hoàn thiện hành lang pháp lý cho các loại hình chữ ký điện tử để đáp ứng nhu cầu đa dạng của cộng đồng.

## **6. Nhân lực số**

Phát triển nhân lực số theo hướng tập trung phát triển nhân lực công nghệ số đáp ứng kỹ năng mới liên quan đến điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, kiến trúc hệ thống, kỹ nghệ phần mềm, thiết kế giao diện và trải nghiệm người dùng, an toàn, an ninh mạng.

Điểm đột phá của đào tạo lực lượng chuyên gia là các trường đại học số, người học có thể học và thi trực tuyến, có thể sử dụng học liệu số được cá nhân hóa, có thể được hỗ trợ học tập bởi trí tuệ nhân tạo.

Các nhiệm vụ trọng tâm bao gồm:

a) Rà soát, sửa đổi quy định, chính sách để khuyến khích tăng tối đa thời lượng và khối lượng đào tạo trực tuyến, bảo đảm tỷ lệ tối thiểu thời lượng và số lượng tín chỉ đào tạo trực tuyến trong tổng thời gian đào tạo; công nhận và cho phép chuyển đổi phù hợp một số văn bằng, chứng chỉ công nghệ thông tin, công nghệ số cấp bởi tổ chức, doanh nghiệp công nghệ uy tín trong và ngoài nước sang tín chỉ học của bộ môn tương ứng để rút ngắn thời gian đào tạo cho những sinh viên xuất sắc.

b) Xây dựng, trình phê duyệt và tổ chức triển khai thí điểm mô hình Đại học số đào tạo chuyên ngành công nghệ thông tin, máy tính, điện tử - viễn thông, tự động hóa, kỹ thuật truyền thông, an toàn, an ninh mạng và các chuyên ngành công nghệ số và kỹ thuật số. Xây dựng, ban hành hướng dẫn mô hình thí điểm đại học số về mô hình hoạt động; cơ sở vật chất, trang thiết bị; tiêu chí đánh giá; phương thức, chương trình, hình thức đào tạo; tổ chức khảo thí và đánh giá kết quả học tập. Xây dựng, ban hành bộ tiêu chí đại học số. Xây dựng, ban hành thí điểm cơ chế đặc biệt áp dụng cho các cơ sở giáo dục đại học đạt tiêu chí đại học số. Lựa chọn một số đại học phù hợp và tổ chức đầu tư xây dựng mô hình thí điểm đại học số; tổ chức đánh giá, công nhận các đại học đạt tiêu chí đại học số.

c) Xây dựng và tổ chức triển khai Chương trình “Học từ làm việc thực tế”, trong đó cơ quan nhà nước là cầu nối giữa các trường đại học, cao đẳng, cơ sở đào tạo và doanh nghiệp để xây dựng chương trình đào tạo nguồn nhân lực theo yêu cầu thực tế và đặt hàng của doanh nghiệp; tổ chức các chương trình thực tập ngắn hạn, thường xuyên để tăng cơ hội tiếp xúc nghề nghiệp cho sinh viên từ đó định hướng tốt hơn cho công việc tương lai, đồng thời bổ sung nguồn lực kỹ thuật cho các doanh nghiệp. Xây dựng và tổ chức triển khai các nền tảng số kết nối các cơ sở



đào tạo với các doanh nghiệp nhằm trao đổi thông tin, thúc đẩy học từ làm việc thực tế, đào tạo và đào tạo lại kỹ năng số cho người lao động, kết nối cung cầu thị trường lao động.

d) Xây dựng và tổ chức triển khai Chương trình dạy và học về kỹ năng số và STEM/STEAM trong giáo dục tiểu học và phổ thông với lộ trình triển khai cụ thể. Đưa nội dung phổ cập kỹ năng số vào chương trình giảng dạy ở tất cả các cấp học. Sửa đổi, bổ sung chương trình đào tạo tin học trong trường phổ thông để chuyển mạnh sang đào tạo kỹ năng số, chuyển đổi số. Phát động phong trào triển khai giáo dục STEM/STEAM, lập trình robotics trên toàn quốc. Tổ chức tập huấn, đào tạo đội ngũ giáo viên STEM/STEAM. Đầu tư trang thiết bị để các nhà trường có các phòng học với các trang thiết bị phù hợp và đủ robot để phục vụ giảng dạy và học tập. Khuyến khích các cơ sở giáo dục phối hợp với các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đào tạo tin học, STEAM, robotic để triển khai. Ưu tiên triển khai thí điểm đại trà ở các thành phố trực thuộc Trung ương và một số tỉnh, sau đó dần mở rộng ra trên quy mô toàn quốc.

đ) Xây dựng mạng lưới hệ thống thư viện điện tử, các nền tảng tài nguyên giáo dục mở, thí điểm xây dựng và triển khai chương trình sách giáo khoa mở cho phép học sinh, sinh viên truy cập trực tuyến miễn phí phục vụ học tập, tra cứu thông tin, nâng cao khả năng tiếp cận kiến thức của các đối tượng yếu thế trong xã hội, tiết kiệm chi phí in ấn hàng năm.

e) Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng Quản lý nội dung học tập quốc gia dùng chung cho các cơ sở đào tạo tại các cấp phổ thông; xây dựng và chuẩn hóa học liệu số, từ đó rút giảm thời gian, công sức giáo viên chuẩn bị nội dung bài giảng trước mỗi tiết học. Giáo viên sẽ có nhiều thời gian tương tác với học sinh, cải thiện chất lượng tiết học.

g) Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng Quản lý học tập quốc gia dùng chung cho các cơ sở đào tạo tại các cấp phổ thông tạo môi trường tích hợp giảng dạy - học tập cho giáo viên và học sinh. Nền tảng lưu trữ hồ sơ số trong suốt quá trình học tập và học tập suốt đời của một công dân.

h) Tăng mạnh chỉ tiêu đào tạo các ngành công nghệ thông tin, công nghệ số, công nghệ 4.0 như trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, Internet vạn vật, thực tế ảo/thực tế tăng cường, chỗi khối, in ba chiều. Các cơ sở đào tạo đại học, sau đại học ở các lĩnh vực ngành, nghề mở thêm chuyên ngành đào tạo về chuyên đổi số, kinh tế số, xã hội số trong lĩnh vực ngành, nghề của mình. *Đẩy mạnh đào tạo đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên trình độ tiến sĩ về các chuyên ngành công nghệ số, chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số.*

i) Xây dựng và định kỳ hàng năm công bố báo cáo dự báo về nhu cầu thị trường nhân lực và tương lai nghề nghiệp trong lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông, an toàn thông tin mạng tại Việt Nam để có giải pháp đào tạo phù hợp; cập nhật xu thế, giới thiệu một số ngành, nghề mới yêu cầu các kỹ năng mới.

## 7. Kỹ năng số

Phát triển kỹ năng số theo hướng phổ cập kỹ thuật số toàn diện để hình thành nên một xã hội số công bằng và bao trùm, khơi dậy tiềm năng, sự tự hào Việt Nam và niềm tin của người dân trên không gian số.

Điểm đột phá của phổ cập kỹ năng số toàn dân là thực hiện phổ cập kỹ năng số thông qua chính việc sử dụng các nền tảng số quốc gia và phổ cập kỹ năng số thông qua nền tảng số.

Các nhiệm vụ trọng tâm bao gồm:

a) Xây dựng và tổ chức triển khai Khung kỹ năng số quốc gia hướng tới phổ cập kỹ năng số trong toàn dân. Trong đó, xác định các kỹ năng cần thiết, trình độ đáp ứng và các đối tượng đào tạo theo các đối tượng: cho tất cả người dân, cho lực lượng lao động, cho môi trường giáo dục và cho các đối tượng yếu thế trong xã hội.

b) Xây dựng Nền tảng học trực tuyến mở (MOOC) về kỹ năng số phù hợp với Khung đào tạo kỹ năng số quốc gia, cho phép người dân truy cập miễn phí để tự học các kỹ năng số và tự kiểm tra, đánh giá kỹ năng số cơ bản. Các cơ sở đào tạo căn cứ vào nội dung, học liệu để thực hiện giảng dạy, hướng dẫn kỹ năng số. Khuyến khích các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp xây dựng và đóng góp, làm giàu thêm học liệu trên nền tảng số theo đúng tiêu chuẩn của Khung đào tạo kỹ năng số quốc gia.

c) Tổ chức các chương trình đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng số cho công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp. Triển khai các khoá đào tạo kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động các cơ quan, đơn vị nhà nước từ cấp xã trở lên. Đào tạo công nghệ số cho đội ngũ cán bộ chuyên trách chuyển đổi số, công nghệ thông tin, kỹ thuật. Đào tạo kỹ năng số, kỹ năng lãnh đạo số, quản lý chuyển đổi số cho lãnh đạo các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp. Đào tạo kỹ năng số, chuyển đổi số, kinh tế số cho người lao động trong các tổ chức, doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh. Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cho các công dân trẻ, đặc biệt là học sinh, sinh viên trong các trường phổ thông, trường nghề, cao đẳng, đại học và lực lượng đoàn viên, thanh niên. Phát triển kỹ năng số cho người dân thông qua việc tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng các dịch vụ số mà trọng tâm là dịch vụ công trực tuyến và các loại hình dịch vụ số cơ bản trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, thương mại, an toàn không gian mạng.

d) Xây dựng phương pháp đo lường kỹ năng số, khoảng cách số phù hợp với thông lệ quốc tế. Hàng năm thực hiện đánh giá, công bố và có phương án cải thiện các chỉ số này ở cấp quốc gia và địa phương.

## 8. Doanh nghiệp số

Phát triển các doanh nghiệp số, gồm doanh nghiệp công nghệ số và chuyển đổi các doanh nghiệp truyền thống thành doanh nghiệp số. Các nhiệm vụ trọng tâm bao gồm:

a) Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức triển khai Chiến lược phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam đến năm 2030 theo hướng chuyển dịch từ lắp ráp, gia công sang làm sản phẩm “Make in Việt Nam”, lan tỏa tinh thần doanh nhân công nghệ số trong toàn xã hội.

b) Xây dựng và ban hành hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về hóa đơn điện tử phù hợp với thông lệ và tiêu chuẩn quốc tế.

c) Xây dựng Nền tảng hóa đơn điện tử quốc gia, kết nối, liên thông với toàn bộ các cơ quan thuế, cho phép thanh toán hóa đơn điện tử, rút ngắn thời gian thực hiện giao dịch điện tử.

d) Xây dựng và tổ chức triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh (gọi chung là doanh nghiệp) chuyển đổi số: xây dựng và vận hành cổng thông tin Chương trình; đánh giá, lựa chọn, công bố các nền tảng số xuất sắc cho chuyển đổi số doanh nghiệp; khảo sát, phân nhóm các doanh nghiệp theo ngành nghề, lĩnh vực và quy mô; xây dựng các tài liệu đào tạo, hướng dẫn chuyển đổi số; triển khai các khóa đào tạo, tập huấn về kỹ năng số, chuyển đổi số cho doanh nghiệp; triển khai các chiến dịch truyền thông cho Chương trình.

đ) Xây dựng và triển khai Đề án xác định chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp phục vụ cho các doanh nghiệp trên cả nước. Xây dựng Cổng thông tin Chỉ số chuyển đổi số doanh nghiệp và tổ chức triển khai đánh giá xác định chỉ số chuyển đổi số cho các doanh nghiệp. Định kỳ tổ chức khảo sát, đánh giá mức độ chuyển đổi số của các doanh nghiệp theo ngành, lĩnh vực, địa bàn; công bố, thúc đẩy chuyển đổi số doanh nghiệp.

e) Xây dựng và triển khai Chương trình phát triển Mạng lưới 1000 chuyên gia và tổ chức tư vấn kinh tế số, chuyển đổi số doanh nghiệp trên toàn quốc: xây dựng các tiêu chí chuyên gia và quy chế hoạt động mạng lưới; tổ chức khảo sát, chọn lựa các chuyên gia, đơn vị tư vấn tham gia mạng lưới; xây dựng tài liệu và tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên gia; tổ chức các hội thảo, tọa đàm chuyên gia và đơn vị tư; tổ chức điều phối hoạt động, duy trì và phát triển mạng lưới.

g) Xây dựng và triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát và logistic chuyển đổi số; Chương trình hỗ trợ các cửa hàng bán lẻ chuyển đổi số; Chương trình hỗ trợ các hộ sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể chuyển đổi số, lên sàn thương mại điện tử.

## **9. Thanh toán số**

Phát triển thanh toán số theo hướng phổ cập tài chính toàn diện, thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt. Các nhiệm vụ trọng tâm bao gồm:

a) Xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định của Chính phủ về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát hoạt động công nghệ tài chính trong lĩnh vực ngân hàng.

b) Rà soát, sửa đổi quy định, chính sách về tài chính, phí, lệ phí theo hướng loại bỏ các rào cản thanh toán không sử dụng tiền mặt, từ đó, khuyến khích người dân thực hiện các giao dịch không sử dụng tiền mặt.

- c) Tổ chức triển khai hiệu quả Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.
- d) Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức triển khai Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025.
- đ) Triển khai Chương trình thúc đẩy dịch vụ mobile money, tập trung ưu tiên ở các vùng, miền có tỷ lệ phổ cập dịch vụ ngân hàng còn ở mức thấp.
- e) Nâng cấp hệ thống thanh toán quốc gia, trong đó, chú trọng vào hệ thống thanh toán liên ngân hàng và bù trừ điện tử đáp ứng yêu cầu về số lượng giao dịch, đặc biệt là các giao dịch thanh toán vi mô, giá trị nhỏ dự kiến bùng nổ trong nền kinh tế số.
- g) Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng Giao diện thanh toán hợp nhất (UPI) nhằm chuẩn hóa và tối giản các thao tác thanh toán không dùng tiền mặt giữa các ngân hàng và các trung gian thanh toán khác, giải quyết vấn đề phân mảnh các kênh thanh toán và mang lại nhiều tiện ích hơn cho người dùng.
- h) Nghiên cứu, xây dựng và thí điểm sử dụng tiền kỹ thuật số dựa trên công nghệ chuỗi khối (blockchain).

## **V. PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ NGÀNH, LĨNH VỰC**

Phát triển kinh tế số và xã hội số toàn diện trong tất cả các ngành, lĩnh vực và tập trung phát triển một số ngành, lĩnh vực trọng điểm, cụ thể như sau:

### **1. Nông nghiệp và nông thôn**

Phát triển kinh tế số và xã hội số theo hướng nông nghiệp số gắn liền với nông nghiệp sinh thái; nông nghiệp tuần hoàn; nông thôn hiện đại; nông dân chuyên nghiệp, văn minh. Các nhiệm vụ trọng tâm bao gồm:

- a) Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch hành động phát triển kinh tế số và xã hội số trong nông nghiệp, nông thôn, chuyển dịch từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế số nông nghiệp, mỗi hộ sản xuất nông nghiệp, hộ kinh doanh cá thể là một doanh nghiệp ứng dụng công nghệ; phát động và thu hút làn sóng doanh nghiệp công nghệ đầu tư phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn; phát triển các nền tảng số phục vụ nhu cầu của người nông dân; phát triển các dịch vụ bảo hiểm mùa vụ, phòng ngừa rủi ro cho nông dân.
- b) Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng dữ liệu số nông nghiệp trong đó cơ quan nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, hợp tác xã và doanh nghiệp nông nghiệp đóng vai trò nòng cốt và người nông dân tham gia tích cực trong việc thu thập, chuẩn hóa, mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ sản xuất nông nghiệp, tiêu thụ nông sản; kịp thời cung cấp thông tin, tư vấn, dự báo tình hình cho nông dân.
- c) Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng số kết nối người nông dân với chuyên gia nông nghiệp để thu thập, dán nhãn dữ liệu theo hình thức đóng góp của cộng đồng, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hỗ trợ phân tích, phát hiện sớm bệnh dịch cho cây trồng, vật nuôi để có phương án xử lý kịp thời.

d) Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng truy xuất nguồn gốc nông sản cho phép kiểm tra nguồn gốc, xuất xứ, quy trình sản xuất, tiêu chuẩn chất lượng của nông sản.

đ) Xây dựng, cập nhật bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới, tiêu chí quốc gia về xóa đói giảm nghèo, đặc biệt cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi có các tiêu chí về phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Tổ chức triển khai mô hình làng chuyên đổi số, xã chuyên đổi số, trong đó, nhiệm vụ trọng tâm là gắn kết phát triển thương mại điện tử với Chương trình quốc gia mỗi xã một sản phẩm.

e) Tổ chức triển khai sáng kiến phổ cập kỹ năng số cho người nông dân theo hướng tuyên truyền, phổ biến qua phương tiện truyền thông cơ sở; qua hệ thống Hội Nông dân các cấp; tuyên truyền, vận động, hướng dẫn, hỗ trợ nông dân chuyển đổi số trong quá trình tổ chức sản xuất nông nghiệp và tham gia vào phát triển kinh tế số, xã hội số; tổ chức các khoá đào tạo, tập huấn kỹ năng số cho người nông dân thông qua các nền tảng số, đào tạo trực tuyến, liên tục phát triển kỹ năng và tri thức số cho người nông dân; trước mắt ưu tiên nhóm kỹ năng về sử dụng, khai thác các sản phẩm dịch vụ điện tử, thanh toán điện tử, nhận biết, phòng ngừa lừa đảo trên mạng.

g) Tổ chức triển khai đào tạo chuyên ngành về nông nghiệp số tại các cơ sở đào tạo đại học, sau đại học trong ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

## **2. Y tế**

Phát triển kinh tế số và xã hội số theo hướng y tế số gắn kết thông suốt mạng lưới cơ sở khám, chữa bệnh từ Trung ương tới cấp xã và với người dân. Các nhiệm vụ trọng tâm bao gồm:

a) Rà soát, sửa đổi quy định, chính sách trong y tế để cơ sở khám, chữa bệnh có bộ phận chức năng và cung cấp dịch vụ tư vấn khám, chữa bệnh từ xa; sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử; đơn thuốc điện tử; thanh toán không dùng tiền mặt; hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phục vụ y tế số.

b) Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch hành động phát triển kinh tế số và xã hội số trong y tế, thúc đẩy, khuyến khích bệnh viện lớn đồng thời cũng là doanh nghiệp công nghệ số về y tế; phát động và thu hút làn sóng doanh nghiệp công nghệ đầu tư vào y tế số; phổ cập dịch vụ chăm sóc sức khỏe và tư vấn khám chữa bệnh từ xa.

c) Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng hỗ trợ tư vấn khám, chữa bệnh từ xa kết nối bệnh viện với bệnh viện, bệnh viện tuyến trên với bệnh viện tuyến dưới, từ Trung ương tới cơ sở, giúp giảm tải các cơ sở y tế, khám, chữa bệnh kịp thời, tiết kiệm thời gian và chi phí.

d) Xây dựng và tổ chức triển khai hồ sơ bệnh án điện tử tiến tới không sử dụng bệnh án giấy, thanh toán viện phí không dùng tiền mặt; triển khai nền tảng quản lý đơn thuốc điện tử quốc gia tại tất cả các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập và tư nhân trên cả nước; phát triển các nền tảng quản trị y tế thông minh dựa trên công nghệ số, tích hợp thông tin, dữ liệu, hình thành cơ sở dữ liệu quốc gia về y

tế. Hồ sơ bệnh án điện tử là hồ sơ “sống”, được cập nhật thường xuyên, lưu lại thông tin về tình trạng sức khỏe người dân trong suốt cuộc đời.

đ) Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng quản lý xét nghiệm thống nhất trên toàn quốc. Các kết quả xét nghiệm trong hồ sơ bệnh án điện tử được công nhận lẫn nhau giữa các cơ sở khám, chữa bệnh.

e) Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng quản lý tiêm chủng thống nhất trên toàn quốc. Triển khai nền tảng quản lý thông tin y tế cơ sở trên toàn quốc.

g) Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng quản lý trạm y tế xã của tất cả các xã trên toàn quốc.

h) Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng hồ sơ sức khỏe cá nhân, mỗi người dân có một hồ sơ số về sức khỏe cá nhân, trên cơ sở đó, có thể được tư vấn, chăm sóc sức khỏe, hình thành hệ thống chăm sóc y tế số hoàn chỉnh từ khâu chăm sóc sức khỏe ban đầu, dự phòng đến điều trị.

i) Phát triển các Nền tảng hỗ trợ tư vấn sức khỏe trực tuyến, kết nối người dân với bác sĩ tư vấn.

k) Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng số kết nối các chuyên gia trong lĩnh vực y tế để thu thập, dán nhãn dữ liệu theo hình thức đóng góp của cộng đồng, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hỗ trợ phân tích, chẩn đoán đề xuất liệu trình phù hợp.

l) Tổ chức triển khai đào tạo chuyên ngành về y tế số tại các cơ sở đào tạo đại học, sau đại học trong ngành y tế.

### **3. Giáo dục và Đào tạo**

Phát triển kinh tế số và xã hội số theo hướng cơ sở giáo dục và đào tạo là quốc gia số thu nhỏ, tiên phong triển khai áp dụng công nghệ số, hình thành thể hệ công dân số và doanh nhân số cho tương lai. Các nhiệm vụ trọng tâm bao gồm:

a) Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch hành động phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; thúc đẩy, khuyến khích cơ sở giáo dục và đào tạo lớn, các trường đại học lớn đồng thời cũng là doanh nghiệp công nghệ số về giáo dục và đào tạo; phát động và thu hút làn sóng doanh nghiệp công nghệ đầu tư vào lĩnh vực giáo dục và đào tạo số.

b) Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng số kết nối, phục vụ trực tuyến toàn trình cho công tác giảng dạy - học tập - thi cử cho học sinh, sinh viên, giáo viên, từ đó, hình thành hệ sinh thái phát triển giáo dục số. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số vào thực hiện xác minh danh tính, theo dõi trong suốt quá trình thi từ đó bảo đảm chất lượng cho việc thi cử trực tuyến.

c) Tìm kiếm và ứng dụng sản phẩm, dịch vụ của các doanh nghiệp công nghệ giáo dục (Edtech) vào giảng dạy. Tạo cơ chế thí điểm các sản phẩm, dịch vụ mới đột phá, hỗ trợ đào tạo nhanh, hiệu quả.

d) Tổ chức triển khai đào tạo chuyên ngành về giáo dục và đào tạo số tại các cơ sở đào tạo đại học, sau đại học trong ngành Giáo dục và Đào tạo.

#### **4. Lao động, việc làm và an sinh xã hội**

Phát triển kinh tế số và xã hội số theo hướng đẩy nhanh tiến trình thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực lao động, việc làm và an sinh xã hội; tạo lập và duy trì cơ sở dữ liệu đầy đủ, cập nhật kịp thời về người lao động và đối tượng chính sách trên phạm vi cả nước. Các nhiệm vụ trọng tâm bao gồm:

a) Xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch hành động phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực lao động, việc làm và an sinh xã hội, thúc đẩy, khuyến khích tổ chức sử dụng lao động thực hiện ký kết hợp đồng lao động điện tử, chứng chỉ đào tạo điện tử, chi trả an sinh xã hội trực tuyến hoặc trực tiếp tới đối tượng thụ hưởng, loại bỏ các khâu trung gian không cần thiết.

b) Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng dữ liệu số về lao động, việc làm và an sinh xã hội trong đó cơ quan nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, tổ chức sử dụng lao động đóng vai trò nòng cốt và người lao động, người dân tham gia tích cực trong thu thập, chuẩn hóa, mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phân tích, dự báo, công bố thông tin thị trường lao động và thực hiện các chính sách an sinh xã hội.

c) Tổ chức triển khai đào tạo chuyên ngành về chuyển đổi số tại các cơ sở đào tạo đại học, sau đại học trong ngành Lao động, Thương binh và Xã hội.

#### **5. Thương mại, công nghiệp và năng lượng**

Phát triển kinh tế số và xã hội số theo hướng thiết lập môi trường phù hợp cho đổi mới sáng tạo, tăng cường sự chỉ đạo chiến lược và khai thác linh hoạt nguồn lực tài chính cho hoạt động hỗ trợ chuyển đổi số. Các nhiệm vụ trọng tâm bao gồm:

a) Thương mại

- Tổ chức triển khai Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử quốc gia giai đoạn 2021-2025 đã được ban hành tại Quyết định số 645/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ;

- Xây dựng và tổ chức triển khai Chương trình thúc đẩy thương mại điện tử tại các vùng nông thôn có tiềm năng phát triển: hạ tầng logistics thuận lợi, có nhiều nông sản, sản phẩm thủ công, mỹ nghệ độc đáo; liên kết thương mại điện tử giữa các vùng miền tăng hiệu quả kinh tế phục vụ thị trường trong nước và hướng tới xuất khẩu; khuyến khích và hỗ trợ phụ nữ tham gia kinh doanh trực tuyến để làm giàu, thoát nghèo và giảm bất bình đẳng giới trong xã hội;

- Hỗ trợ người dân đưa sản phẩm dịch vụ của mình lên các sàn thương mại điện tử để mỗi một người dân là một thương nhân. Đào tạo kỹ năng số cho đồng bào dân tộc thiểu số, trao cơ hội tiếp cận với thương mại điện tử nhằm xóa đói giảm nghèo, thu hẹp chênh lệch về thu nhập; coi thương mại điện tử là biện pháp chủ yếu thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo giai đoạn 2021-2025;

- Xây dựng nền tảng thúc đẩy liên kết và thương mại số giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp, giữa doanh nghiệp và chính phủ, giữa doanh nghiệp trong và ngoài

nước, tạo điều kiện khai thác hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam tham gia;

- Xây dựng thị trường thương mại điện tử lành mạnh có tính cạnh tranh và phát triển bền vững, trong đó hỗ trợ ứng dụng rộng rãi thương mại điện tử trong doanh nghiệp và cộng đồng;

- Phát triển nền tảng thương mại điện tử thông qua chuỗi giá trị, không chỉ dừng lại ở người tiêu dùng. Các nhà sản xuất lớn, các nhà phân phối vừa và nhỏ, các nhà bán buôn và các kênh thương mại bán lẻ, các công ty thương mại điện tử cùng cấu thành nên chuỗi cung ứng;

- Đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử hỗ trợ các ngành hàng xuất khẩu chủ lực, mở rộng tiêu thụ cho hàng hóa nội địa và thúc đẩy phát triển thương mại điện tử tại các địa phương (trong đó tập trung vào các vùng nông thôn với các sản phẩm chủ lực;

- Tăng cường xây dựng các hệ thống hạ tầng và dịch vụ nhằm hỗ trợ phát triển thương mại điện tử;

- Tổ chức triển khai đào tạo chuyên ngành về thương mại điện tử tại các cơ sở đào tạo đại học, sau đại học trong ngành Công Thương.

#### b) Công nghiệp và năng lượng

- Hoàn thiện hành lang, hệ thống pháp lý tạo thuận lợi cho việc thúc đẩy phát triển kinh tế số công nghiệp, đặc biệt là trong các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo hướng đến mô hình nhà máy thông minh, tăng trưởng xanh, bền vững và phù hợp với mô hình kinh tế tuần hoàn;

- Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch hành động phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực năng lượng;

- Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch phát triển lưới điện thông minh tại Việt Nam;

- Xây dựng và tổ chức triển khai cơ chế điều phối hoạt động hỗ trợ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, kết nối thông qua các nền tảng số, đóng vai trò đúc kết và lan tỏa kinh nghiệm về hoạt động chuyển đổi số cho các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp;

- Xây dựng các chỉ tiêu thống kê và tổ chức khảo sát định kỳ đánh giá mức độ sẵn sàng của các doanh nghiệp công nghiệp về chuyển đổi sang mô hình nhà máy thông minh;

- Xây dựng và hình thành các trung tâm/viện nghiên cứu về công nghệ phục vụ sản xuất, chú trọng đến việc chuyển đổi số đối với các công nghệ nguồn, công nghệ lõi của ngành sản xuất, chế biến chế tạo nhằm nâng cao hiệu quả, năng suất, chất lượng của các ngành chế biến, chế tạo, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp, cho các sản phẩm công nghiệp sản xuất bởi các doanh nghiệp trong nước;



- Tổ chức triển khai đào tạo chuyên ngành về sản xuất thông minh, chuyển đổi số trong lĩnh vực năng lượng tại các cơ sở đào tạo đại học, sau đại học trong ngành Công Thương.

## **6. Du lịch**

Phát triển kinh tế số và xã hội số theo hướng cung cấp đầy đủ thông tin và trải nghiệm trực tuyến cho khách du lịch trước khi thực hiện chuyến đi và trong khi thực hiện chuyến đi theo thời gian thực. Các nhiệm vụ trọng tâm bao gồm:

a) Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch hành động phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực du lịch, mỗi doanh nghiệp du lịch là một doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số; phát động và thu hút làn sóng doanh nghiệp công nghệ đầu tư phục vụ du lịch; phát triển các nền tảng số kết nối cung và cầu về du lịch.

b) Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng dữ liệu số du lịch trong đó cơ quan nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, doanh nghiệp du lịch đóng vai trò nòng cốt và khách du lịch tham gia tích cực trong việc thu thập, chuẩn hóa, mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ hoạch định chính sách, lập kế hoạch kinh doanh, tối ưu hóa, cải thiện chất lượng dịch vụ và đưa ra các gói ưu đãi cho khách du lịch. Điều tra, đánh giá, phân loại và số hoá tài nguyên du lịch, cập nhật thường xuyên thông tin, dữ liệu số về khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở dịch vụ du lịch, thị trường du lịch Việt Nam.

c) Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng du lịch số, phục vụ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp du lịch, kết nối doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ du lịch trong nước với các nhà phân phối, đại lý du lịch trực tuyến và các sàn giao dịch du lịch trực tuyến lớn, hỗ trợ doanh nghiệp du lịch kết nối, đổi mới sáng tạo trong hoạt động kinh doanh du lịch, tạo ra các gói du lịch hấp dẫn cho từng phân khúc khách du lịch. Phát triển hệ sinh thái du lịch thông minh; ứng dụng công nghệ số để kết nối nhằm hỗ trợ và tăng trải nghiệm cho khách du lịch; mở rộng năng lực cung cấp dịch vụ kết hợp giữa kênh thực và kênh số; sử dụng tối đa các giao dịch điện tử trong hoạt động du lịch; ứng dụng công nghệ hiện đại vào phát triển các phần mềm, tiện ích thông minh hỗ trợ công tác quản lý và phục vụ khách du lịch.

d) Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng mô hình hóa đa chiều phục vụ phát triển bảo tàng số, du lịch số. Xây dựng mạng lưới hệ thống bảo tàng số, kết nối, chia sẻ tài nguyên tri thức từ hệ thống tư liệu tại các bảo tàng trên cả nước.

đ) Tổ chức triển khai đào tạo chuyên ngành về du lịch thông minh, chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch tại các cơ sở đào tạo đại học, sau đại học trong ngành Du lịch.

## **7. Các ngành, lĩnh vực khác**

Đối với các ngành tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, bưu chính, giao thông vận tải, logistics, văn hoá và thể thao, tài nguyên và môi trường, xây dựng và bất động sản, các lĩnh vực sản xuất, dịch vụ và các ngành, lĩnh vực khác: tập trung phát triển kinh tế số và xã hội số trong từng ngành, lĩnh vực theo hướng thiết lập môi

trường phù hợp cho đổi mới sáng tạo, tăng cường sự chỉ đạo chiến lược và khai thác linh hoạt nguồn lực tài chính cho hoạt động hỗ trợ chuyển đổi số, hình thành hệ sinh thái kinh tế số, xã hội số ngành, lĩnh vực. Các nhiệm vụ trọng tâm bao gồm:

a) Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch hành động phát triển kinh tế số và xã hội số trong ngành, lĩnh vực, chuyển dịch từ sản xuất truyền thống sang kinh tế số ngành, chuyên đổi số mạnh mẽ các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trong ngành, lĩnh vực; phát động và thu hút làn sóng doanh nghiệp công nghệ đầu tư phục vụ ngành, lĩnh vực; phát triển các nền tảng số ngành phục vụ nhu cầu của doanh nghiệp và người dân.

b) Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng dữ liệu số ngành, lĩnh vực trong đó cơ quan nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, doanh nghiệp và cơ sở sản xuất kinh doanh đóng vai trò nòng cốt và người dân tham gia tích cực trong việc thu thập, chuẩn hóa, mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ sản xuất, kinh doanh trong ngành, lĩnh vực; kịp thời cung cấp thông tin, tư vấn, dự báo tình hình cho doanh nghiệp và người dân.

c) Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng số ngành phục vụ: chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trong ngành; kết nối, liên kết giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp, giữa doanh nghiệp và chính phủ, giữa doanh nghiệp trong và ngoài nước; tạo môi trường hình thành các dịch vụ mới, mô hình kinh doanh mới, tạo điều kiện khai thác hiệu quả hệ sinh thái kinh doanh trên không gian mạng.

d) Tổ chức triển khai đào tạo kỹ năng số chuyên ngành cho lực lượng lao động trong ngành, lĩnh vực; đào tạo công nghệ số chuyên ngành, chuyển đổi số chuyên ngành tại các cơ sở đào tạo đại học, sau đại học trong ngành, lĩnh vực.

## **VI. GIẢI PHÁP**

### **1. Tổ chức, bộ máy**

a) Tổ chức hiệu quả hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số do Thủ tướng Chính phủ làm Chủ tịch, Bộ Thông tin và Truyền thông là cơ quan thường trực, thống nhất điều phối quốc gia một cách đồng bộ về phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số. Ủy ban Quốc gia tập trung điều phối, đôn đốc, cho ý kiến về những vấn đề mới, những vấn đề cần sự phối hợp liên ngành, đặc biệt là về xây dựng thể chế, chính sách, phát triển nền tảng quốc gia và phát triển nguồn nhân lực số.

b) Kiện toàn và đổi tên Ban Chỉ đạo xây dựng chính quyền điện tử của địa phương thành Ban Chỉ đạo chuyển đổi số do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố làm Trưởng ban, Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan thường trực để thống nhất điều phối ở địa phương một cách đồng bộ về phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; tổ chức các Tổ công nghệ số cộng đồng đến từng xã, phường với các tổ viên chuyên trách và kiêm nhiệm năng nổ, nhiệt tình, được đào tạo về kỹ năng số để phổ biến, hướng dẫn, trợ giúp người dân sử dụng công nghệ số và

các nền tảng số “Make in Việt Nam”, hình thành mạng lưới triển khai công nghệ rộng khắp trên toàn quốc.

c) Rà soát, sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ của Bộ Thông tin và Truyền thông và các bộ, ngành, địa phương phù hợp với nội hàm quản lý, phát triển kinh tế số và xã hội số tại Việt Nam, bảo đảm đồng bộ, nhất quán và hiệu quả, phát huy vai trò của các bên trong phát triển kinh tế số và xã hội số.

d) Tổ chức, phân công các đơn vị là đầu mối chủ trì, chịu trách nhiệm triển khai, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông trong thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

## **2. Hợp tác trong nước**

a) Hợp tác giữa Bộ Thông tin và Truyền thông và từng bộ, ngành liên quan, thành lập Nhóm công tác chung giữa hai bộ, xây dựng kế hoạch phối hợp hành động cụ thể theo từng năm để triển khai hoàn thiện thể chế, chính sách, phát triển nền tảng số quốc gia và phát triển nguồn nhân lực số trong từng ngành, lĩnh vực.

b) Hợp tác giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp nền tảng số trong việc nghiên cứu, phát triển các nền tảng số xuất sắc, chất lượng cao.

c) Hợp tác giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp nền tảng số trong việc tuyên truyền, phổ biến, tập huấn kỹ năng số cho người dân thông qua việc sử dụng nền tảng số.

## **3. Hợp tác quốc tế**

a) Hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài trong việc thu hút nguồn lực, tri thức, chuyển giao công nghệ số vào Việt Nam phù hợp với nội dung Chiến lược.

b) Chủ động, tích cực tham gia các tổ chức quốc tế, các sáng kiến về kinh tế số, xã hội số, xây dựng các khuôn khổ pháp lý, tiêu chuẩn, nguyên tắc quốc tế mới về công nghệ số phù hợp với mục tiêu và lợi ích của Việt Nam, là thành viên có trách nhiệm trong xử lý và giải quyết các vấn đề, thách thức liên quan đến kết nối số, hài hòa hóa tiêu chuẩn, thúc đẩy thương mại số, nâng cao năng lực số và thu hẹp khoảng cách số, khuyến khích hoạt động doanh nghiệp trong môi trường số và bảo vệ người tiêu dùng.

c) Thực thi nghiêm túc, hiệu quả các cam kết quốc tế, trong đó có các cam kết liên quan đến kinh tế số, thương mại số và đặc biệt là trong xây dựng Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) và các hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam là thành viên (ASEAN + 1, FTAs, RCEP, CPTPP, EVFTA).

## **4. Nghiên cứu, phát triển**

a) Thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng các công nghệ số mới như trí tuệ nhân tạo, công nghệ bản sao số, chuỗi khối, thực tế ảo/thực tế tăng cường, dữ liệu lớn, kết hợp với các công nghệ mở, mã nguồn mở để phát triển các nền tảng số quốc gia, nền tảng số ngành phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số.

b) Xây dựng và triển khai các chương trình nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ số mới để tạo ra những nền tảng, sản phẩm, dịch vụ số mang đặc thù Việt Nam, tạo lợi thế cạnh tranh, thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số.

c) Tổ chức tìm kiếm, có chính sách hấp dẫn để chiêu mộ những chuyên gia hàng đầu về công nghệ số mới, công nghệ cốt lõi, nền tảng số chuyên ngành ở trong nước, người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài có các giải pháp ưu tú về Việt Nam đầu tư nghiên cứu phát triển, khởi nghiệp sáng tạo về kinh tế số. Thúc đẩy mạnh mẽ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo về nền tảng số và kinh doanh trực tuyến. Phát động chương trình thúc đẩy khởi nghiệp trên nền tảng số và kinh doanh trực tuyến trên toàn quốc.

d) Khuyến khích tất cả các doanh nghiệp trích lập 10% thu nhập tính thuế cho Quỹ khoa học công nghệ của doanh nghiệp, đồng thời được phép sử dụng Quỹ này để thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số doanh nghiệp. Nói lỏng và đơn giản hóa các quy định về trích lập và chi tiêu Quỹ khoa học công nghệ cho mục tiêu chuyển đổi số doanh nghiệp.

đ) Xây dựng các khu nghiên cứu phát triển, thử nghiệm, ươm tạo, hỗ trợ khởi nghiệp phát triển kinh tế số: hỗ trợ thử nghiệm các mô hình kinh doanh mới, ươm tạo, khởi nghiệp về kinh tế số; hình thành các trung tâm xúc tiến chuyển đổi số tại các khu công nghiệp, khu chế xuất; thí điểm áp dụng các mô hình doanh nghiệp công nghệ chuyên ngành tham gia cung cấp các dịch vụ chuyên môn các lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe, giáo dục và đào tạo; khảo sát, lập danh mục các doanh nghiệp có mô hình ngành nghề mới dựa trên ứng dụng và phát triển công nghệ số để tháo gỡ vướng mắc, hỗ trợ phát triển.

e) Đầu tư nghiên cứu, xây dựng và chuyển giao các mô hình kinh doanh mới, mô hình mẫu về chuyển đổi số, kinh tế số; xây dựng các doanh nghiệp chuyển đổi số điển hình, các mô hình mẫu, ứng dụng mẫu chuyển đổi số phù hợp đặc trưng của từng ngành, lĩnh vực, địa phương; Thúc đẩy các doanh nghiệp đầu ngành, doanh nghiệp hạt nhân đầu tư nghiên cứu, xây dựng các nền tảng số chuyên ngành, hỗ trợ chuyển giao cho các đối tác cùng ứng dụng, kết nối, chia sẻ, dẫn dắt chuyển đổi số chuỗi cung ứng, đưa chuỗi ngành nghề lên tầm cao mới; phối hợp đa ngành giữa doanh nghiệp đầu ngành, doanh nghiệp nền tảng, doanh nghiệp công nghệ tài chính để thiết lập nền tảng chuyển đổi số, kiến tạo hệ sinh thái mới.

## **5. Tuyên truyền, phổ biến**

a) Xây dựng và triển khai các chiến dịch truyền thông về các nội dung của Chiến lược; đẩy mạnh tuyên truyền, vận động người dân, doanh nghiệp tham gia chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số. Tìm kiếm, phổ biến rộng khắp kinh nghiệm, câu chuyện thành công về phát triển kinh tế số và xã hội số trên Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, phương tiện truyền thông, báo chí ở Trung ương, đài phát thanh, truyền hình, phương tiện truyền thông, báo chí ở địa phương và các hệ thống truyền thông cơ sở để người dân có thể được tiếp cận thông tin.

b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến rộng khắp về các nền tảng số quốc gia, các mô hình kinh tế số, xã hội số điển hình trên hệ thống truyền thông từ Trung ương đến

cơ sở. Phát triển các kênh tư vấn, hỏi đáp, trợ lý ảo về kinh tế số, xã hội số, hỗ trợ người dân sử dụng nền tảng số, dịch vụ số và công nghệ số.

c) Tổ chức các cuộc thi, trò chơi truyền hình xoay quanh chủ đề về công nghệ số như trí tuệ nhân tạo, tự động hóa, chuỗi khối, an toàn, an ninh mạng nhằm thu hút sự tham gia rộng rãi của người dân, để tuyên truyền, phổ biến về phát triển kinh tế số và xã hội số.

d) Tổ chức các cuộc thi tìm kiếm giải pháp dùng công nghệ số để giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội theo hình thức xã hội hoá.

## **6. Đo lường, giám sát triển khai**

a) Bổ sung kinh tế số vào hệ thống thống kê quốc gia và xây dựng bộ chỉ tiêu, phương pháp thống kê, đo lường kinh tế số phù hợp, thống nhất ở cấp độ quốc gia và cấp độ địa phương.

b) Định kỳ hàng năm thực hiện khảo sát, thống kê, công bố chỉ số thống kê, đo lường về kinh tế số ở cấp độ quốc gia và cấp độ địa phương, đặc biệt là tỷ trọng của kinh tế số trong GDP của cả nước, tỷ trọng của kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực và tỷ trọng của kinh tế số trong GRDP của địa phương.

c) Ban hành bộ tiêu chí đo lường về xã hội số, trong đó có nội dung đo lường về mức độ tham gia của người dân vào các hoạt động chính trị, xã hội trong xã hội số, có phân loại chi tiết theo giới tính, vùng miền; định kỳ hàng năm thực hiện, công bố kết quả đo lường về xã hội số ở cấp độ quốc gia và cấp độ địa phương.

## **7. Bảo đảm kinh phí**

a) Kinh phí thực hiện Chiến lược này bao gồm: ngân sách nhà nước; nguồn đầu tư của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Các bộ, ngành, địa phương căn cứ nhiệm vụ được giao ưu tiên nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trong Chiến lược và hoạt động khác để phát triển kinh tế số và xã hội số.

b) Ưu tiên kinh phí từ ngân sách nhà nước để phục vụ nhiệm vụ phát triển nền móng kinh tế số và xã hội số, phát triển kinh tế số và xã hội số ngành, lĩnh vực và các nhiệm vụ, giải pháp, dự án thuộc Chiến lược này do cơ quan nhà nước chủ trì thực hiện. Phấn đấu tỷ lệ chi cho chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số trong tổng chi ngân sách nhà nước cao hơn mức trung bình của thế giới.

c) Ngân sách Trung ương bảo đảm kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ, dự án thuộc Chiến lược được giao cho các bộ, các cơ quan Trung ương chủ trì và các hoạt động chỉ đạo, điều hành triển khai Chiến lược. Địa phương có trách nhiệm bảo đảm kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ, dự án thuộc phạm vi Chiến lược được giao cho các địa phương chủ trì.

d) Các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, cơ sở giáo dục, đào tạo bố trí kinh phí từ ngân sách tự chủ của mình để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được giao thuộc Chiến lược. Các đơn vị có các nguồn kinh phí được để lại theo quy định đang để ngoài cân đối ngân sách sử dụng kinh phí để thực hiện Chiến lược theo quy định của Luật Đầu tư công và pháp luật chuyên ngành.

## **8. Giảm thiểu các tác động tiêu cực của công nghệ**

a) Đánh giá tác động của phát triển kinh tế số, xã hội số ở quy mô quốc gia và từng địa phương; trong đó, trọng tâm là đánh giá ảnh hưởng của công nghệ đối với các ngành, nghề và triển vọng việc làm để đưa ra phương án chuyển đổi phù hợp với chiến lược phát triển của quốc gia và địa phương. Ưu tiên thực hiện chuyển đổi cho các đối tượng chịu nhiều tác động, có khả năng bị thay thế bởi máy móc nhất.

b) Đánh giá các tác động của công nghệ số đến xã hội để có các giải pháp chủ động giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của công nghệ số; phát triển các Trung tâm giải đáp thắc mắc và hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng, tác động tiêu cực bởi công nghệ số. Đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo phát triển trợ lý ảo để hỗ trợ người dân 24/7 mọi lúc, mọi nơi.

c) Phát triển các ứng dụng, nền tảng số đơn giản, dễ sử dụng để hỗ trợ người dân tự kiểm soát được hoạt động và mức độ sử dụng công nghệ; ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo vào tự động kiểm soát truy cập và chặn lọc các trang web, tài nguyên Internet độc hại hướng tới một không gian số an toàn, lành mạnh cho người dân.

d) Hình thành các điểm thu gom sản phẩm công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông hư hỏng, hết hạn sử dụng, rác thải công nghệ, rác thải điện tử; đẩy mạnh áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hướng tới một môi trường xanh và bảo vệ sức khỏe của người dân.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

### **1. Bộ Thông tin và Truyền thông**

a) Chủ trì tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược này; hướng dẫn, đôn đốc, các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược; triển khai thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số, nền tảng số và kinh tế nền tảng; kiểm tra, giám sát, định kỳ hàng năm tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình thực hiện Chiến lược.

b) Năm 2023 tổ chức sơ kết tình hình thực hiện Chiến lược, đề xuất xây dựng các mục tiêu, chỉ tiêu và bổ sung, sửa đổi các nhiệm vụ, giải pháp (nếu cần thiết) và tổng kết đánh giá kết quả triển khai thực hiện Chiến lược vào năm 2025.

c) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và tổ chức liên quan thực hiện các nhiệm vụ tại điểm a, c, đ khoản 1 Mục IV; điểm a, b khoản 2 Mục IV; điểm a, c, d khoản 3 Mục IV; điểm a, b, đ khoản 4 Mục IV; khoản 5 Mục IV; điểm b khoản 6 Mục IV; điểm a, b, c, d khoản 7 Mục IV; điểm a, d, đ, e khoản 8 Mục IV; điểm đ khoản 9 Mục IV và các giải pháp tại điểm a khoản 1 Mục VI; điểm a khoản 2 Mục VI; điểm c, đ, e khoản 4 Mục VI; điểm a, d khoản 5 Mục VI; điểm c khoản 6 Mục VI; điểm c, d khoản 8 Mục VI theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

d) Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan, tổ chức liên quan thực hiện các nhiệm vụ tại khoản 6, 7 Mục IV và khoản 3 Mục V theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

đ) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương và tổ chức, doanh nghiệp liên quan: thực hiện các nhiệm vụ tại khoản 8 Mục IV theo chức năng, nhiệm vụ được giao; xây dựng, ban hành và cập nhật danh mục các nền tảng số quốc gia và nền tảng số chuyên ngành phục vụ chuyên đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, xã hội số; đánh giá, lựa chọn, giao nhiệm vụ và công bố các doanh nghiệp số Việt Nam đủ năng lực, điều kiện xây dựng, phát triển các nền tảng số quốc gia và chuyên ngành.

e) Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và tổ chức, doanh nghiệp liên quan thực hiện nhiệm vụ tại khoản 5 Mục IV theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

g) Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được phân công tại các Phụ lục kèm theo và các nhiệm vụ khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

## **2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư**

a) Tổng hợp, bố trí vốn chi đầu tư phát triển hàng năm theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn liên quan để triển khai Chiến lược.

b) Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện các nhiệm vụ tại điểm d khoản 8 Mục IV và các giải pháp tại điểm c, đ, e khoản 4 Mục VI theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

c) Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ tại điểm a, b khoản 6 Mục VI, khoản 7 Mục VI, nhiệm vụ tại các Phụ lục theo phân công và các nội dung khác thuộc Chiến lược phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

## **3. Bộ Tài chính**

a) Chủ trì tổng hợp, bố trí vốn chi thường xuyên hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản liên quan để triển khai Chiến lược.

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và tổ chức liên quan thực hiện các nhiệm vụ tại điểm c khoản 4 Mục IV; điểm b, c khoản 8 Mục IV; điểm c khoản 9 Mục IV theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

c) Thực hiện các giải pháp tại điểm d khoản 4 Mục VI; khoản 7 Mục VI, tại các Phụ lục theo phân công và các nội dung khác thuộc Chiến lược phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

**4. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam** chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và tổ chức liên quan thực hiện các nhiệm vụ tại điểm a, b, d, e, g, h khoản 9 Mục IV và tại các Phụ lục theo phân công và theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

## **5. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội**

a) Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện các nhiệm vụ tại điểm a, d khoản 7 Mục IV theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện các nhiệm vụ tại điểm i khoản 6 Mục IV; khoản 4 Mục V; các giải pháp tại điểm a, b khoản 8 Mục VI và tại các Phụ lục theo phân công và theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

**6. Bộ Giáo dục và Đào tạo** chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ sở đào tạo thực hiện các nhiệm vụ tại khoản 6 Mục IV; khoản 3 Mục V; thực hiện các giải pháp, nhiệm vụ tại các Phụ lục theo phân công và theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

**7. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội** chỉ đạo, giao nhiệm vụ cho các trường đại học, cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp:

a) Căn cứ vào nội dung Chiến lược để xây dựng chương trình đào tạo phù hợp với sự phát triển kinh tế số, xã hội số.

b) Các trường đại học, cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nghiên cứu, bổ sung vào chương trình đào tạo các bộ môn chuyên ngành, nội dung kiến thức, kỹ năng mới phù hợp với nhu cầu nhân lực công nghệ thông tin, công nghệ số của Việt Nam trong 05-10 năm tới.

c) Huy động tối đa các nguồn lực hiện có, kết hợp với các chương trình, dự án khác, khai thác hiệu quả vốn đầu tư của Nhà nước để đào tạo kỹ sư, cử nhân, kỹ sư thực hành, cử nhân thực hành về công nghệ số, kinh tế số và xã hội số.

d) Tăng cường hàm lượng thực hành trong đào tạo các chuyên ngành công nghệ số, kinh tế số, xã hội số, đưa các nền tảng số, công nghệ số, đặc biệt là các nền tảng số của Việt Nam, công nghệ mở vào giới thiệu trong các chương trình đào tạo để sinh viên có điều kiện thực hành và tiếp cận thực tế.

đ) Tích cực triển khai chuyển đổi số toàn diện, tham gia xây dựng và triển khai thí điểm đại học số.

e) Phối hợp thực hiện các nhiệm vụ tại điểm h khoản 6 Mục IV; thực hiện các giải pháp, nhiệm vụ tại các Phụ lục theo phân công.

**8. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn** chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện các nhiệm vụ tại khoản 1 Mục V; thực hiện các giải pháp, nhiệm vụ tại các Phụ lục theo phân công và theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

**9. Bộ Y tế** chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện các nhiệm vụ tại khoản 2 Mục V; thực hiện các giải pháp, nhiệm vụ tại các Phụ lục theo phân công và theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

**10. Bộ Công Thương** chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện các nhiệm vụ tại điểm d khoản 1 Mục IV; điểm d khoản 2 Mục IV; khoản 5 Mục V và các giải pháp, nhiệm vụ tại các Phụ lục theo phân công và theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

**11. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch** chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện các nhiệm vụ tại khoản 6 Mục V; thực hiện các giải pháp, nhiệm vụ tại các Phụ lục theo phân công và theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

**12. Bộ Nội vụ** chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện các giải pháp tại điểm c khoản 1 Mục VI; thực hiện các giải pháp, nhiệm vụ tại các Phụ lục theo phân công và theo chức năng, nhiệm vụ được giao.



**13. Bộ Khoa học và Công nghệ** chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính thực hiện các giải pháp tại khoản 4 Mục VI; thực hiện các giải pháp, nhiệm vụ tại các Phụ lục theo phân công và theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

**14. Bộ Công An, Bộ Quốc phòng** phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai các nhiệm vụ, giải pháp xây dựng không gian mạng an toàn, lành mạnh, bảo vệ an ninh quốc gia, chủ quyền quốc gia trên không gian mạng, bảo đảm quyền và lợi ích của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia vào hoạt động kinh tế số, xã hội số.

**15. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

a) Xây dựng và triển khai kế hoạch giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch hàng năm phát triển kinh tế số, xã hội số theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông để thực hiện Chiến lược; đồng bộ các nội dung kế hoạch với quy hoạch, kế hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của bộ, ngành, địa phương mình. Bổ sung, cập nhật nội dung phát triển kinh tế số, xã hội số theo tinh thần Chiến lược này vào quy hoạch, kế hoạch, chiến lược phát triển ngành, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương để đồng bộ trong triển khai thực hiện.

b) Tổ chức quán triệt, triển khai các nhiệm vụ, giải pháp tại điểm b, d khoản 1 Mục IV; điểm c khoản 2 Mục IV; điểm b, đ khoản 3 Mục IV; điểm b, d, đ khoản 4 Mục IV; điểm c, d khoản 6 Mục IV; điểm c khoản 7 Mục IV; khoản 7 Mục V; điểm b, d khoản 1 Mục VI; điểm b, c khoản 2 Mục VI; khoản 3 Mục VI; khoản 4 Mục VI; điểm b khoản 5 Mục VI; khoản 7 Mục VI; điểm a, b, d khoản 8 Mục VI theo chức năng, nhiệm vụ được giao; năng động, sáng tạo để có các giải pháp đột phá phát triển kinh tế số, xã hội số ở bộ, ngành, địa phương mình.

c) Tổ chức triển khai các nhiệm vụ, giải pháp được phân công tại các Phụ lục kèm theo và các nhiệm vụ khác trong Chiến lược theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

d) Bảo đảm kinh phí (chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên) để thực hiện các nhiệm vụ, dự án phát triển kinh tế số, xã hội số của bộ, ngành, địa phương mình. UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có giải pháp tăng chi cho chuyển đổi số, Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, bảo đảm tỷ lệ chi cho chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số, Chính phủ điện tử, Chính phủ số trong tổng chi ngân sách nhà nước cao hơn mức trung bình của thế giới.

đ) Kiểm tra, đánh giá, báo cáo hàng năm và đột xuất tình hình thực hiện Chiến lược theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

**16. Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam và các cơ quan truyền thông, báo chí** chủ trì, chủ động phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông và các bộ, ngành, địa phương xây dựng và phê duyệt kế hoạch tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng trong các ngành, các cấp và Nhân dân về nội dung Chiến lược này một cách thường xuyên, định kỳ hàng ngày, hàng tuần; thực hiện các giải pháp tại điểm a, c khoản 5 Mục VI; thực hiện các

giải pháp, nhiệm vụ tại các Phụ lục theo phân công và theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

**17. Khuyến khích Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh** chỉ đạo hệ thống tổ chức đoàn cơ sở các cấp cử đầu mối tới tận cấp xã, tham gia mạng lưới hỗ trợ triển khai chuyển đổi số do Bộ Thông tin và Truyền thông điều phối; chủ động phát động các chiến dịch đoàn viên thanh niên tuyên truyền, phổ biến kỹ năng số, hỗ trợ, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ trên môi trường số.

**18. Khuyến khích Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam** xây dựng kế hoạch hành động và chỉ đạo hệ thống tổ chức thành viên chủ động tham gia phát triển và ứng dụng công nghệ số phục vụ kinh tế số và xã hội số.

**19. Khuyến khích Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội** phát huy vai trò trong tuyên truyền, vận động, giám sát thực hiện Chiến lược. Hội, hiệp hội xã hội nghề nghiệp chủ động, tích cực trong việc tham mưu, phản biện chính sách, pháp luật; phát động hội viên, doanh nghiệp chủ động làm chủ công nghệ, cung cấp sản phẩm, dịch vụ có chất lượng; tham gia cùng Bộ Thông tin và Truyền thông trong việc tuyên truyền, phổ biến, khảo sát, đánh giá mức độ chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số ở Việt Nam; chủ động phát hiện, giới thiệu các nền tảng chuyển đổi số quốc gia trong ngành, lĩnh vực mình; tích cực tham gia cung cấp yêu cầu đầu vào để hỗ trợ xây dựng các nền tảng số; khuyến khích các doanh nghiệp thành viên tham gia kết nối, sử dụng các nền tảng số trong các hoạt động của hội, hiệp hội.

## **20. Các doanh nghiệp công nghệ số**

a) Các doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp bưu chính ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư xây dựng, nâng cấp hạ tầng số, hạ tầng bưu chính rộng khắp cả nước đáp ứng yêu cầu bùng nổ của phát triển kinh tế số, xã hội số. Đồng thời, cùng với Nhà nước tham gia đào tạo, hướng dẫn người dân sử dụng các kỹ năng số.

b) Các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước hoạt động trong lĩnh vực viễn thông, công nghệ thông tin, bưu chính và các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước khác chủ động tích cực tham gia triển khai Chiến lược; phát huy vai trò dẫn dắt trong triển khai các giải pháp phát triển kinh tế số và xã hội số; phát triển các nền tảng số quốc gia, nền tảng số ngành; huy động, tập hợp các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực công nghệ số, cùng tham gia phát triển hệ sinh thái sản phẩm và dịch vụ phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số.

c) Các doanh nghiệp nhà nước có trách nhiệm tiên phong chuyển đổi số, phát triển các nền tảng số quốc gia, nền tảng số ngành.

d) Các doanh nghiệp công nghệ số chủ động phát triển các nền tảng số, giải quyết các vấn đề về phát triển kinh tế số, xã hội số; xây dựng hệ sinh thái nội dung hấp dẫn, lành mạnh để tạo thói quen trực tuyến cho người dân.

đ) Các doanh nghiệp công nghệ số phối hợp với đầu mối các bộ, ngành, các trường đại học, cao đẳng xây dựng chương trình đào tạo kỹ năng chuyên ngành công

nghe thông tin, điện tử - viễn thông, an toàn thông tin mạng theo hướng kết hợp giữa lý thuyết - thực tế; sẵn sàng triển khai các chương trình “Đào tạo từ làm việc thực tế”, đón sinh viên cao đẳng, đại học vào thực tập và tiếp xúc sớm với môi trường doanh nghiệp.

e) Các doanh nghiệp công nghệ số phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện các nhiệm vụ tại điểm b, c, d, đ, e, g khoản 5 Mục IV; thực hiện các giải pháp, nhiệm vụ tại các Phụ lục theo phân công.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục;
- Lưu: VT, KSTT (2).XH

**THỦ TƯỚNG**

**Phạm Minh Chính**

**Phụ lục I**  
**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM THỰC HIỆN**  
**CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ, XÃ HỘI SỐ**  
**ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg ngày tháng năm 2021  
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Chủ trì	Thời gian
<b>A</b>	<b>PHÁT TRIỂN NỀN MÓNG CHO KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ</b>		
<b>I</b>	<b>Hoàn thiện thể chế</b>		
1	Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi Luật Giao dịch điện tử theo hướng bổ sung quy định về các dịch vụ tin cậy trong giao dịch điện tử, hoạt động của nền tảng số, dữ liệu số, dịch vụ số trực tuyến, dịch vụ chia sẻ dữ liệu	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2023
2	Rà soát, xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật chuyên ngành cho phù hợp với sự phát triển kinh tế số, xã hội số; Rà soát, chỉnh sửa, bổ sung cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật trong từng ngành, lĩnh vực để cụ thể hoá việc thúc đẩy giao dịch điện tử trong mọi mặt kinh tế - xã hội	Các bộ, ngành, địa phương	2021-2025
3	Xây dựng, ban hành, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ngành phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số, đặc biệt là tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng dịch vụ số trong từng ngành, lĩnh vực	Các bộ, ngành	2021-2025
4	Xây dựng, báo cáo Thủ tướng Chính phủ hoặc Chính phủ và tổ chức triển khai khung pháp lý cho phép cung cấp các dịch vụ số chưa được quy định bởi pháp luật trong một không gian đặc thù trên môi trường số, có thể giám sát được bằng công nghệ số, tiên phong lựa chọn một số đô thị thông minh làm môi trường thí điểm	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
5	Rà soát, chỉnh sửa, bổ sung cơ chế, chính sách, văn bản pháp luật để thực hiện chống độc quyền, chống lợi dụng vị thế chiếm lĩnh thị trường trong cạnh tranh, đảm bảo cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh; tăng cường quy định để tránh các doanh nghiệp chi phối lạm dụng; tổ chức thực thi pháp luật bảo đảm nguyên tắc thực thi công bằng, trách nhiệm như nhau trước pháp luật đối với cả doanh nghiệp Việt	Bộ Công Thương; Các bộ, ngành	2021-2025

<b>TT</b>	<b>Nhiệm vụ, giải pháp</b>	<b>Chủ trì</b>	<b>Thời gian</b>
	Nam và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ xuyên biên giới vào Việt Nam		
6	Rà soát, chỉnh sửa, bổ sung cơ chế, chính sách, văn bản pháp luật về mua bán, sáp nhập doanh nghiệp để tránh làm ảnh hưởng tới cạnh tranh lành mạnh trên thị trường kinh tế số, kinh tế nền tảng và cung cấp dịch vụ trực tuyến cũng như bảo vệ dữ liệu của Việt Nam	Bộ Công Thương; Bộ Thông tin và Truyền thông; Các bộ, ngành	2021-2025
7	Rà soát, chỉnh sửa, bổ sung cơ chế, chính sách, văn bản pháp luật để chống các hình thức chuyển giá, chuyên thuế, đảm bảo thu đúng, thu đủ thuế các nền tảng số, dịch vụ số, dịch vụ trực tuyến nước ngoài, xuyên biên giới	Bộ Tài chính; Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2023
<b>II</b>	<b>Phát triển hạ tầng</b>		
1	Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức triển khai Chiến lược phát triển hạ tầng số	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2022
2	Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức triển khai Chiến lược phát triển hạ tầng bưu chính	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2022
3	Xây dựng và tổ chức triển khai chiến lược, kế hoạch chuyển đổi số, lộ trình số hóa và thông minh hóa lĩnh vực hạ tầng giao thông	Bộ Giao thông vận tải	2021-2022
4	Xây dựng và tổ chức triển khai chiến lược, kế hoạch chuyển đổi số, lộ trình số hóa và thông minh hóa lĩnh vực hạ tầng cung cấp điện	Bộ Công Thương	2021-2022
5	Xây dựng và tổ chức triển khai chiến lược, kế hoạch chuyển đổi số, lộ trình số hóa và thông minh hóa lĩnh vực hạ tầng thủy lợi và ứng phó với biến đổi khí hậu	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2021-2022
6	Xây dựng và tổ chức triển khai chiến lược, kế hoạch chuyển đổi số, lộ trình số hóa và thông minh hóa lĩnh vực hạ tầng đô thị	Bộ Xây dựng	2021-2022
7	Xây dựng và tổ chức triển khai chiến lược, kế hoạch chuyển đổi số, lộ trình số hóa và thông minh hóa lĩnh vực hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2021-2022
8	Xây dựng và tổ chức triển khai chiến lược, kế hoạch chuyển đổi số, lộ trình số hóa và thông minh hóa lĩnh vực hạ tầng thương mại, công nghiệp và năng lượng	Bộ Công Thương	2021-2022

<b>TT</b>	<b>Nhiệm vụ, giải pháp</b>	<b>Chủ trì</b>	<b>Thời gian</b>
9	Xây dựng và tổ chức triển khai chiến lược, kế hoạch chuyển đổi số, lộ trình số hóa và thông minh hóa lĩnh vực hạ tầng giáo dục và đào tạo	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2021-2022
10	Xây dựng và tổ chức triển khai chiến lược, kế hoạch chuyển đổi số, lộ trình số hóa và thông minh hóa lĩnh vực hạ tầng khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	2021-2022
11	Xây dựng và tổ chức triển khai chiến lược, kế hoạch chuyển đổi số, lộ trình số hóa và thông minh hóa lĩnh vực hạ tầng y tế	Bộ Y tế	2021-2022
12	Xây dựng và tổ chức triển khai chiến lược, kế hoạch chuyển đổi số, lộ trình số hóa và thông minh hóa lĩnh vực hạ tầng văn hóa, thể thao, du lịch	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2021-2022
13	Tổ chức triển khai Kế hoạch hành động nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics Việt Nam	Bộ Công Thương	2021-2022
<b>III</b>	<b>Phát triển nền tảng số</b>		
1	Xác định danh mục chi tiết và định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung danh mục các nền tảng số quốc gia ưu tiên tập trung phát triển	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
2	Xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch hành động cụ thể để phát triển từng nền tảng số quốc gia	Các bộ quản lý ngành; Bộ TT&TT; các doanh nghiệp đầu ngành	2021-2025
3	Xây dựng, ban hành tiêu chí đánh giá, yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật và tổ chức đánh giá, công bố nền tảng số quốc gia đáp ứng yêu cầu	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
4	Tổ chức khảo sát, thu thập thông tin, dữ liệu và xây dựng, vận hành Cổng thông tin nền tảng số để cung cấp thông tin, thúc đẩy phát triển, hỗ trợ sử dụng các nền tảng số Việt Nam	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
5	Tổ chức tập huấn, hướng dẫn sử dụng và tuyên truyền, phổ biến rộng rãi các nền tảng số quốc gia	Các bộ, ngành, địa phương	2021-2025
<b>IV</b>	<b>Phát triển dữ liệu số</b>		
1	Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức triển khai Chiến lược dữ liệu quốc gia	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2022
2	Rà soát, sửa đổi, ban hành mới quy định, chính sách về tài sản dữ liệu, mua, bán dữ liệu, dịch vụ	Bộ TT&TT; Bộ Tài chính	2021-2025

<b>TT</b>	<b>Nhiệm vụ, giải pháp</b>	<b>Chủ trì</b>	<b>Thời gian</b>
	dữ liệu để tạo thị trường dữ liệu phát triển lành mạnh, an toàn, tuân thủ pháp luật		
3	Rà soát, sửa đổi quy định, chính sách về tài chính, phí, lệ phí để cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu cho doanh nghiệp, tạo nguồn thu hợp pháp để duy trì, phát triển dữ liệu và cơ chế thu mua dữ liệu từ doanh nghiệp	Bộ Tài chính	2021-2025
4	Xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch hành động phát triển dữ liệu và phát triển nhân lực dữ liệu trong các lĩnh vực trọng điểm bao gồm: nông nghiệp, y tế, giáo dục và đào tạo, tài nguyên và môi trường, giao thông vận tải, lao động, công nghiệp và thương mại, xây dựng, văn hóa và du lịch	Các bộ, ngành	2021-2025
5	Xây dựng Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu quốc gia	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2024
6	Xây dựng Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu tập trung cấp bộ, tỉnh	Các bộ, ngành, địa phương	2021-2025
<b>V</b>	<b>Phát triển môi trường số an toàn, an ninh, lành mạnh</b>		
1	Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức triển khai Chiến lược an toàn không gian mạng quốc gia	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2022
2	Phát triển hạ tầng số, nền tảng số với yêu cầu an toàn, an ninh mạng mặc định ngay từ khâu thiết kế, xây dựng	Bộ TT&TT; Các bộ, ngành, địa phương	2021-2025
3	Phát triển hệ sinh thái sản phẩm an toàn, an ninh mạng Việt Nam; đánh giá, công bố các sản phẩm, dịch vụ an toàn, an ninh mạng Việt Nam đáp ứng được yêu cầu và ưu tiên sử dụng	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
4	Phát triển nền tảng và tổ chức triển khai phổ cập dịch vụ an toàn thông tin mạng cơ bản giúp người dân phòng, tránh và tự bảo vệ mình	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
5	Phát triển nền tảng và tổ chức triển khai dịch vụ an toàn thông tin mạng chuyên nghiệp giúp tổ chức, doanh nghiệp thực hiện mô hình bảo vệ 04 lớp	Bộ Thông tin và Truyền thông; Các bộ,	2021-2025

<b>TT</b>	<b>Nhiệm vụ, giải pháp</b>	<b>Chủ trì</b>	<b>Thời gian</b>
		ngành, địa phương	
6	Xây dựng và tổ chức triển khai hệ sinh thái tín nhiệm mạng	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2022
7	Tổ chức triển khai ký số từ xa theo hướng ưu tiên phổ cập việc sử dụng chữ ký số cá nhân cho người dân; Triển khai các giải pháp để hỗ trợ, miễn giảm giá sử dụng chữ ký số,	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2022
<b>VI</b>	<b>Phát triển nhân lực số</b>		
1	Rà soát, sửa đổi quy định, chính sách để khuyến khích tăng tối đa thời lượng và khối lượng đào tạo trực tuyến, bảo đảm tỷ lệ tối thiểu thời lượng và số lượng tín chỉ đào tạo trực tuyến trong tổng thời gian đào tạo	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2021-2023
2	Xây dựng quy định cho phép chuyển đổi một số văn bằng, chứng chỉ công nghệ thông tin cấp bởi tổ chức, doanh nghiệp công nghệ uy tín trong và ngoài nước sang tín chỉ học của bộ môn tương ứng để rút ngắn thời gian đào tạo trong các trường đại học, cao đẳng	Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Lao động Thương binh và Xã hội	2022-2023
3	Xây dựng, trình phê duyệt và tổ chức triển khai chương trình thí điểm xây dựng Đại học số; Xây dựng, ban hành hướng dẫn Mô hình thí điểm đại học số, Bộ tiêu chí đại học số; Lựa chọn một số đại học phù hợp và tổ chức đầu tư xây dựng mô hình thí điểm đại học số; Tổ chức đánh giá, công nhận các đại học đạt tiêu chuẩn đại học số.	Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Giáo dục và Đào tạo;	2022-2025
4	Ban hành và hướng dẫn cơ chế đặc biệt thí điểm cho các cơ sở giáo dục đại học đã được công nhận đạt tiêu chí đại học số được áp dụng chỉ tiêu số sinh viên chính quy trên 01 giáo viên quy đổi gấp 03 lần chỉ tiêu áp dụng với các cơ sở đào tạo đại học thông thường và được giảm một nửa chỉ tiêu diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo trên một sinh viên chính quy và các cơ chế đặc thù phù hợp khác	Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2022
5	Xây dựng và tổ chức triển khai Chương trình “Học từ làm việc thực tế”	Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Lao động	2022-2025



<b>TT</b>	<b>Nhiệm vụ, giải pháp</b>	<b>Chủ trì</b>	<b>Thời gian</b>
		Thương binh và Xã hội	
6	Xây dựng và tổ chức triển khai Chương trình dạy và học về kỹ năng số và STEM/STEAM trong giáo dục tiểu học và phổ thông	Bộ Giáo dục và Đào tạo; Các tỉnh, thành phố trực thuộc TW	2021-2025
7	Xây dựng mạng lưới hệ thống thư viện điện tử, các nền tảng tài nguyên giáo dục mở, thí điểm xây dựng và triển khai chương trình sách giáo khoa mở	Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Văn hoá	2021-2025
8	Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng Quản lý nội dung học tập quốc gia	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2021-2025
9	Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng Quản lý học tập quốc gia	Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Giáo dục và Đào tạo	2021-2025
10	Mở thêm chuyên ngành đào tạo về chuyên đổi số trong lĩnh vực, ngành, nghề tại các cơ sở đào tạo cao đẳng, đại học; Đẩy mạnh đào tạo kỹ sư, cử nhân, cao đẳng các ngành công nghệ số, kinh tế số và xã hội số	Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Lao động Thương binh và Xã hội; các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng	2021-2025
11	Xây dựng và định kỳ hàng năm công bố báo cáo dự báo về tương lai nghề nghiệp trong lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông, an toàn thông tin mạng tại Việt Nam để có giải pháp đào tạo phù hợp; cập nhật xu thế và giới thiệu về một số ngành, nghề mới yêu cầu các kỹ năng mới	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Bộ Thông tin và Truyền thông.	2022-2025
<b>VII</b>	<b>Phát triển kỹ năng số</b>		
1	Xây dựng và triển khai Chuẩn kỹ năng số và Khung đào tạo kỹ năng số quốc gia;	Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	2021-2022
2	Xây dựng và triển khai Nền tảng học trực tuyến mở (MOOC) về kỹ năng số	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025

<b>TT</b>	<b>Nhiệm vụ, giải pháp</b>	<b>Chủ trì</b>	<b>Thời gian</b>
3	Tổ chức các chương trình đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng số cho công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp; Triển khai các khoá đào tạo kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; Đào tạo công nghệ số cho đội ngũ cán bộ chuyên trách chuyển đổi số, công nghệ thông tin, kỹ thuật. Đào tạo kỹ năng số, kỹ năng lãnh đạo số, quản lý chuyển đổi số cho lãnh đạo các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp. Đào tạo kỹ năng số, chuyển đổi số, kinh tế số cho người lao động trong các tổ chức, doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh. Phát triển kỹ năng số cho người dân thông qua việc tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng các dịch vụ số mà trọng tâm là dịch vụ công trực tuyến và các loại hình dịch vụ số trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, thương mại	Các bộ, ngành, địa phương	2021-2025
4	Xây dựng phương pháp đo lường kỹ năng số, khoảng cách số và hàng năm thực hiện đánh giá, công bố	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	2022-2023
<b>VIII</b>	<b>Phát triển doanh nghiệp số</b>		
1	Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức triển khai Chiến lược phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2022
2	Xây dựng và ban hành hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về hóa đơn điện tử	Bộ Tài chính	2021-2022
3	Xây dựng Nền tảng hóa đơn điện tử quốc gia	Bộ Tài chính	2021-2022
4	Xây dựng và tổ chức triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số (SMEdx)	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
5	Xây dựng và triển khai Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số, trưởng thành số của doanh nghiệp để dùng chung trên cả nước; xây dựng và vận hành Cổng thông tin Chỉ số chuyển đổi số doanh nghiệp và Mạng lưới chuyên gia, đơn vị tư vấn chuyển đổi số doanh nghiệp trên toàn quốc	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
6	Xây dựng và triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát và logistic chuyển đổi số; Chương trình hỗ trợ các cửa hàng bán lẻ chuyển đổi số; Chương trình hỗ trợ các hộ sản xuất	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025

<b>TT</b>	<b>Nhiệm vụ, giải pháp</b>	<b>Chủ trì</b>	<b>Thời gian</b>
	nông nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể chuyển đổi số, lên sàn thương mại điện tử.		
7	Định kỳ tổ chức khảo sát đánh giá mức độ chuyển đổi số của các doanh nghiệp theo ngành, lĩnh vực, địa bàn	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
<b>IX</b>	<b>Phát triển thanh toán số</b>		
1	Xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định của Chính phủ về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát hoạt động công nghệ tài chính trong lĩnh vực ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	2021-2023
2	Rà soát, sửa đổi quy định, chính sách về tài chính, phí, lệ phí theo hướng loại bỏ các rào cản thanh toán không sử dụng tiền mặt, từ đó, khuyến khích người dân thực hiện các giao dịch không sử dụng tiền mặt	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	2021-2023
3	Tổ chức triển khai hiệu quả Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia theo hướng thúc đẩy tài chính số, phát triển kinh tế số tài chính	Bộ Tài chính	2021-2025
4	Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức triển khai Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	2021-2025
5	Triển khai Chương trình thúc đẩy dịch vụ mobile money	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
6	Nâng cấp hệ thống thanh toán quốc gia	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	2021-2023
7	Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng Giao diện thanh toán hợp nhất (UPI)	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	2021-2023
8	Nghiên cứu, xây dựng và thí điểm sử dụng tiền kỹ thuật số dựa trên công nghệ chuỗi khối (blockchain)	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	2021-2025
<b>B</b>	<b>PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ NGÀNH, LĨNH VỰC</b>		
<b>I</b>	<b>Phát triển kinh tế số, xã hội số nông nghiệp và nông thôn</b>		
1	Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch hành động phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2021-2025

<b>TT</b>	<b>Nhiệm vụ, giải pháp</b>	<b>Chủ trì</b>	<b>Thời gian</b>
2	Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng dữ liệu số nông nghiệp; Nền tảng số kết nối người nông dân với chuyên gia nông nghiệp; Nền tảng truy xuất nguồn gốc nông sản	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2021-2025
3	Xây dựng, cập nhật bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới, tiêu chí quốc gia về xóa đói giảm nghèo có các tiêu chí về phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Tổ chức triển khai mô hình làng chuyên đổi số, xã chuyên đổi số	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2021-2022
4	Tổ chức triển khai sáng kiến phổ cập kỹ năng số cho người nông dân	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2021-2025
5	Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn, hỗ trợ nông dân chuyển đổi số, nâng cao kỹ năng số và tham gia phát triển kinh tế số, xã hội số	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2021-2025
6	Xây dựng và tổ chức triển khai đào tạo chuyên ngành về nông nghiệp số trong các cơ sở đào tạo đại học, sau đại học trong ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Giáo dục và Đào tạo	2021-2025
<b>II</b>	<b>Phát triển kinh tế số, xã hội số trong y tế</b>		
1	Rà soát, sửa đổi quy định, chính sách trong y tế cho phù hợp phát triển kinh tế số, xã hội số trong y tế	Bộ Y tế	2021-2022
2	Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch hành động phát triển kinh tế số và xã hội số trong y tế	Bộ Y tế	2021-2025
3	Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng hỗ trợ tư vấn khám, chữa bệnh từ xa	Bộ Y tế	2021-2023
4	Xây dựng và tổ chức triển khai hồ sơ bệnh án điện tử	Bộ Y tế	2021-2023
5	Tổ chức triển khai Nền tảng quản lý xét nghiệm thống nhất trên toàn quốc	Bộ Y tế	2021-2023
6	Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng quản lý tiêm chủng thống nhất trên toàn quốc	Bộ Y tế	2021-2023
7	Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng quản lý trạm y tế xã của tất cả các xã trên toàn quốc	Bộ Y tế	2021-2023
8	Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng hồ sơ sức khỏe cá nhân	Bộ Y tế	2021-2023

<b>TT</b>	<b>Nhiệm vụ, giải pháp</b>	<b>Chủ trì</b>	<b>Thời gian</b>
9	Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng hỗ trợ tư vấn sức khỏe trực tuyến	Bộ Y tế	2021-2025
10	Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng số kết nối các chuyên gia trong lĩnh vực y tế	Bộ Y tế	2021-2023
11	Tổ chức triển khai đào tạo chuyên ngành về y tế số tại các cơ sở đào tạo đại học, sau đại học trong ngành Y tế	Bộ Y tế; Bộ Giáo dục và Đào tạo	2021-2025
<b>III</b>	<b>Phát triển kinh tế số, xã hội số trong giáo dục và đào tạo</b>		
1	Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch hành động phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2021-2025
2	Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng số kết nối, phục vụ trực tuyến toàn trình cho công tác giảng dạy - học tập - thi cử	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2021-2023
3	Tìm kiếm và thúc đẩy ứng dụng sản phẩm, dịch vụ của các doanh nghiệp công nghệ giáo dục (Edtech)	Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
4	Tổ chức triển khai đào tạo chuyên ngành về giáo dục và đào tạo số tại các cơ sở đào tạo đại học, sau đại học trong ngành Giáo dục và Đào tạo	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2021-2025
<b>IV</b>	<b>Phát triển kinh tế số, xã hội số trong lĩnh vực lao động, việc làm và an sinh xã hội</b>		
1	Xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch hành động phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực lao động, việc làm và an sinh xã hội	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	2021-2025
2	Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng dữ liệu số về lao động, việc làm và an sinh xã hội	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	2021-2025
3	Tổ chức triển khai đào tạo chuyên ngành về chuyển đổi số tại các cơ sở đào tạo đại học, sau đại học trong ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Bộ Giáo dục và Đào tạo	2021-2025
<b>V</b>	<b>Phát triển kinh tế số thương mại, công nghiệp và năng lượng</b>		
<b>V.1</b>	<b>Thương mại</b>		
1	Tổ chức triển khai Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử quốc gia theo các giai đoạn	Bộ Công Thương	2021-2025

<b>TT</b>	<b>Nhiệm vụ, giải pháp</b>	<b>Chủ trì</b>	<b>Thời gian</b>
2	Xây dựng và tổ chức triển khai Chương trình thúc đẩy thương mại điện tử tại các vùng nông thôn có tiềm năng phát triển dựa trên các nền tảng thương mại số của Việt Nam	Bộ Công Thương	2021-2025
3	Hỗ trợ người dân đưa sản phẩm dịch vụ của mình lên các sàn thương mại điện tử để mỗi một người dân là một thương nhân	Bộ Công Thương	2021-2025
4	Xây dựng nền tảng thúc đẩy liên kết và thương mại số giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp, giữa doanh nghiệp và chính phủ, giữa doanh nghiệp trong và ngoài nước	Bộ Công Thương	2021-2025
5	Xây dựng thị trường thương mại điện tử lành mạnh, có tính cạnh tranh và phát triển bền vững	Bộ Công Thương	2021-2025
6	Phát triển nền tảng thương mại điện tử thông qua chuỗi giá trị	Bộ Công Thương	2021-2025
7	Đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử hỗ trợ các ngành hàng xuất khẩu chủ lực, mở rộng tiêu thụ cho hàng hóa nội địa và thúc đẩy phát triển thương mại điện tử tại các địa phương	Bộ Công Thương	2021-2025
8	Tăng cường xây dựng hệ thống hạ tầng và dịch vụ nhằm hỗ trợ phát triển thương mại điện tử	Bộ Công Thương	2021-2025
9	Tổ chức triển khai đào tạo chuyên ngành về thương mại điện tử tại các cơ sở đào tạo đại học, sau đại học trong ngành Công Thương	Bộ Công Thương; Bộ Giáo dục và Đào tạo	2021-2025
<b>V.2 Công nghiệp và Năng lượng</b>			
1	Hoàn thiện hành lang, hệ thống pháp lý tạo thuận lợi cho việc thúc đẩy phát triển kinh tế số công nghiệp	Bộ Công Thương	2021-2023
2	Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch hành động phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực năng lượng	Bộ Công Thương	2021-2023
3	Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch phát triển lưới điện thông minh	Bộ Công Thương	2021-2023
4	Xây dựng và tổ chức triển khai cơ chế điều phối hoạt động hỗ trợ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp	Bộ Công Thương	2021-2025
5	Xây dựng các chỉ tiêu thống kê và tổ chức khảo sát định kỳ đánh giá mức độ sẵn sàng của các doanh nghiệp	Bộ Công Thương	2021-2025

<b>TT</b>	<b>Nhiệm vụ, giải pháp</b>	<b>Chủ trì</b>	<b>Thời gian</b>
	nghiệp công nghiệp về chuyển đổi số sang mô hình nhà máy thông minh		
6	Xây dựng và hình thành các trung tâm/viện nghiên cứu về công nghệ phục vụ sản xuất, chú trọng đến việc chuyển đổi số đối với các công nghệ nguồn, công nghệ lõi của ngành sản xuất, chế biến chế tạo	Bộ Công Thương	2021-2025
7	Tổ chức triển khai đào tạo chuyên ngành về sản xuất thông minh, chuyển đổi số trong lĩnh vực năng lượng tại các cơ sở đào tạo đại học, sau đại học trong ngành Công thương	Bộ Công Thương; Bộ Giáo dục và Đào tạo	2021-2025
<b>VI</b>	<b>Phát triển kinh tế số du lịch</b>		
1	Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch hành động phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực du lịch	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2021-2022
2	Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng dữ liệu số du lịch	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2021-2022
3	Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng du lịch số	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2021-2022
4	Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng mô hình hóa đa chiều phục vụ phát triển bảo tàng số, du lịch số	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2021-2022
5	Tổ chức triển khai đào tạo chuyên ngành về du lịch thông minh, chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch tại các cơ sở đào tạo đại học, sau đại học trong ngành Du lịch	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Giáo dục và Đào tạo	2021-2025
<b>C</b>	<b>CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ</b>		
<b>I</b>	<b>Tổ chức, bộ máy, mạng lưới</b>		
1	Tổ chức hiệu quả hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số do Thủ tướng Chính phủ làm Chủ tịch, Bộ Thông tin và Truyền thông là cơ quan thường trực, trên cơ sở kiện toàn Ủy ban Quốc gia về Chính phủ điện tử	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2022
2	Kiện toàn và đổi tên Ban Chỉ đạo xây dựng chính quyền điện tử của địa phương thành Ban Chỉ đạo	Các địa phương	2021-2022

<b>TT</b>	<b>Nhiệm vụ, giải pháp</b>	<b>Chủ trì</b>	<b>Thời gian</b>
	chuyển đổi số do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố làm Trưởng ban, Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan thường trực		
3	Rà soát, sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ của các bộ, ngành, địa phương phù hợp với nội hàm quản lý, phát triển kinh tế số và xã hội số	Bộ Nội vụ	2021-2023
4	Tổ chức, phân công đơn vị là đầu mối chủ trì, chịu trách nhiệm triển khai, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông trong thực hiện Chiến lược	Các bộ, ngành	2021-2025
<b>II</b>	<b>Hợp tác trong nước về phát triển kinh tế số, xã hội số</b>		
1	Đẩy mạnh hợp tác giữa Bộ Thông tin và Truyền thông và từng bộ, ngành liên quan	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
2	Hợp tác giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp nền tảng số trong việc nghiên cứu, phát triển các nền tảng số xuất sắc, chất lượng cao	Các bộ, ngành	2021-2025
3	Hợp tác giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp nền tảng số trong việc tuyên truyền, phổ biến, tập huấn kỹ năng số cho người dân thông qua việc sử dụng nền tảng số	Các bộ, ngành	2021-2025
<b>III</b>	<b>Hợp tác quốc tế về phát triển kinh tế số, xã hội số</b>		
1	Hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài trong việc thu hút nguồn lực, tri thức, chuyển giao công nghệ số vào Việt Nam	Các bộ, ngành, địa phương	2021-2025
2	Chủ động, tích cực tham gia các tổ chức quốc tế, các sáng kiến về kinh tế số, xã hội số, xây dựng các khuôn khổ pháp lý, tiêu chuẩn, nguyên tắc quốc tế mới về công nghệ số	Các bộ, ngành, địa phương	2021-2025
3	Thực thi nghiêm túc, hiệu quả các cam kết quốc tế, trong đó có các cam kết liên quan đến kinh tế số, thương mại số và đặc biệt là trong xây dựng Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) và các hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam là thành viên	Các bộ, ngành, địa phương	2021-2025
<b>IV</b>	<b>Nghiên cứu, phát triển về kinh tế số và xã hội số</b>		
1	Thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng các công nghệ số mới, kết hợp với các công nghệ mở, mã nguồn mở để phát triển các nền tảng số quốc gia, nền tảng số ngành	Bộ Khoa học và Công nghệ	2021-2025



<b>TT</b>	<b>Nhiệm vụ, giải pháp</b>	<b>Chủ trì</b>	<b>Thời gian</b>
2	Xây dựng và triển khai các chương trình nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ số mới để tạo ra những nền tảng, sản phẩm, dịch vụ số mang đặc thù Việt Nam	Bộ Khoa học và Công nghệ	2021-2025
3	Tổ chức tìm kiếm, có chính sách hấp dẫn để chiêu mộ những chuyên gia hàng đầu về công nghệ số mới, công nghệ cốt lõi, nền tảng số chuyên ngành ở trong nước, người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài có các giải pháp ưu tú về Việt Nam đầu tư phát triển kinh tế số, xã hội số	Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2021-2025
4	Khuyến khích tất cả các doanh nghiệp trích lập 10% thu nhập tính thuế cho Quỹ khoa học công nghệ của doanh nghiệp, đồng thời được phép sử dụng Quỹ này để thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số doanh nghiệp	Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Tài chính	2021-2025
5	Xây dựng các khu nghiên cứu phát triển, thử nghiệm, ươm tạo, hỗ trợ khởi nghiệp phát triển kinh tế số	Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
6	Đầu tư nghiên cứu, xây dựng và chuyển giao các mô hình kinh doanh mới, mô hình mẫu về chuyển đổi số, kinh tế số; xây dựng các doanh nghiệp chuyển đổi số điển hình, các mô hình mẫu, ứng dụng mẫu chuyển đổi số phù hợp đặc trưng của từng ngành, lĩnh vực, địa phương	Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
7	Thúc đẩy các doanh nghiệp đầu ngành, doanh nghiệp hạt nhân đầu tư nghiên cứu, xây dựng các nền tảng số chuyên ngành, hỗ trợ chuyển giao cho các đối tác cùng ứng dụng, kết nối, chia sẻ, dẫn dắt chuyển đổi số chuỗi cung ứng; Phối hợp đa ngành giữa doanh nghiệp đầu ngành, doanh nghiệp nền tảng, doanh nghiệp công nghệ tài chính để thiết lập nền tảng chuyển đổi số, kiến tạo hệ sinh thái mới	Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
<b>V</b>	<b>Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về kinh tế số và xã hội số</b>		
1	Xây dựng và triển khai các chiến dịch truyền thông về các nội dung của Chiến lược; Tìm kiếm, phổ	Bộ Thông tin và Truyền thông; các cơ	2021-2025

<b>TT</b>	<b>Nhiệm vụ, giải pháp</b>	<b>Chủ trì</b>	<b>Thời gian</b>
	biến rộng khắp kinh nghiệm, câu chuyện thành công về phát triển kinh tế số và xã hội số	quan báo chí, truyền thông	
2	Tổ chức tuyên truyền, phổ biến rộng khắp về các nền tảng số quốc gia, các mô hình kinh tế số, xã hội số điển hình trên hệ thống truyền thông từ Trung ương đến cơ sở.	Bộ, ngành, địa phương	2021-2025
3	Phát triển các kênh tư vấn, hỏi đáp, trợ lý ảo về kinh tế số, xã hội số, hỗ trợ người dân sử dụng nền tảng số, dịch vụ số và công nghệ số	Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ, ngành, địa phương	
4	Tổ chức các cuộc thi, trò chơi truyền hình xoay quanh chủ đề về công nghệ số để tuyên truyền, phổ biến về phát triển kinh tế số, xã hội số	Các Đài truyền hình	2021-2025
5	Tổ chức các cuộc thi tìm kiếm giải pháp dùng công nghệ số để giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội theo hình thức xã hội hóa	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
<b>VI</b>	<b>Đo lường, giám sát triển khai</b>		
1	Bổ sung kinh tế số vào hệ thống thống kê quốc gia và xây dựng, ban hành bộ chỉ tiêu, phương pháp thống kê, đo lường kinh tế số phù hợp, thống nhất ở cấp độ quốc gia và cấp độ địa phương	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2021-2022
2	Định kỳ hàng năm thực hiện khảo sát, thống kê, công bố chỉ số thống kê, đo lường về kinh tế số ở cấp độ quốc gia và cấp độ địa phương, đặc biệt là tỷ trọng của kinh tế số trong GDP của cả nước, tỷ trọng của kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực và tỷ trọng của kinh tế số trong GRDP của địa phương	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2021-2025
3	Ban hành bộ tiêu chí đo lường về xã hội số và định kỳ hàng năm thực hiện, công bố kết quả đo lường về xã hội số ở cấp độ quốc gia và cấp độ địa phương	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
<b>VII</b>	<b>Bảo đảm kinh phí cho phát triển kinh tế số và xã hội số</b>		
1	Huy động tối đa các nguồn kinh phí để thực hiện Chiến lược này bao gồm: ngân sách nhà nước; nguồn đầu tư của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác	Bộ Tài chính; Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2021-2025
2	Ưu tiên kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ phát triển nền móng kinh tế số và xã hội số, phát triển kinh tế số và xã hội số ngành và lĩnh vực và các nhiệm vụ, giải pháp thuộc	Bộ Tài chính; Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2021-2025

<b>TT</b>	<b>Nhiệm vụ, giải pháp</b>	<b>Chủ trì</b>	<b>Thời gian</b>
	Chiến lược này do cơ quan nhà nước chủ trì thực hiện		
3	Tăng chi cho chuyên đổi số, Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, phân đầu tỷ lệ chi cho chuyên đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số trong tổng chi ngân sách nhà nước cao hơn mức trung bình của thế giới	Bộ Tài chính; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; các địa phương	2021-2025
<b>VIII</b>	<b>Giảm thiểu các tác động tiêu cực của công nghệ số</b>		
1	Đánh giá tác động của phát triển kinh tế số, xã hội số ở quy mô quốc gia và từng địa phương và đề xuất các giải pháp chủ động giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của công nghệ số	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	2021-2025
2	Đánh giá các tác động của công nghệ số đến xã hội để có các giải pháp chủ động giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của công nghệ số; phát triển các Trung tâm giải đáp thắc mắc chuyên đổi số, kinh tế số và xã hội số và hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng, tác động tiêu cực bởi công nghệ số	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	2021-2025
3	Phát triển các ứng dụng, nền tảng số đơn giản, dễ sử dụng để hỗ trợ người dân tự kiểm soát được hoạt động và mức độ sử dụng công nghệ số và bảo vệ mình trong hoạt động trên không gian mạng	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
4	Hình thành các điểm thu gom sản phẩm công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông hư hỏng, hết hạn sử dụng, rác thải công nghệ, rác thải điện tử; đẩy mạnh áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hướng tới một môi trường xanh và bảo vệ sức khỏe của người dân	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025

**Phụ lục II**  
**DANH MỤC CÁC NỀN TẢNG SỐ QUỐC GIA**  
**PHỤC VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ, PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ, XÃ HỘI SỐ**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg ngày tháng năm 2021*  
*của Thủ tướng Chính phủ)*

<b>TT</b>	<b>Loại nền tảng</b>	<b>Cơ quan chủ trì điều phối phát triển</b>	<b>Cơ quan phối hợp</b>
1	Nền tảng điện toán đám mây	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành, địa phương
2	Nền tảng trí tuệ nhân tạo	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành, địa phương
3	Nền tảng sàn thương mại điện tử	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Công Thương
4	Nền tảng thiết bị IoT	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành, địa phương
5	Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành, địa phương
6	Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành, địa phương
7	Nền tảng giao diện thanh toán hợp nhất	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Bộ Thông tin và Truyền thông
8	Nền tảng hợp trực tuyến thể hệ mới	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành, địa phương
9	Nền tảng mạng xã hội thể hệ mới	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch
10	Nền tảng Đại học số	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Thông tin và Truyền thông
11	Nền tảng học trực tuyến mở (MOOC)	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Giáo dục và Đào tạo
12	Nền tảng quản lý học tập (LMS)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Thông tin và Truyền thông
13	Nền tảng quản lý nội dung học tập (LCMS)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Thông tin và Truyền thông
14	Nền tảng hóa đơn điện tử	Bộ Tài chính	Bộ Thông tin và Truyền thông
15	Nền tảng hợp đồng điện tử	Bộ Tài chính	Bộ Thông tin và Truyền thông
16	Nền tảng quản trị công việc tổng thể	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành, địa phương

<b>TT</b>	<b>Loại nền tảng</b>	<b>Cơ quan chủ trì điều phối phát triển</b>	<b>Cơ quan phối hợp</b>
17	Nền tảng giám sát, điều hành thông minh (IOC)	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành, địa phương
18	Nền tảng giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC)	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành, địa phương
19	Nền tảng dữ liệu số nông nghiệp	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ Thông tin và Truyền thông
20	Nền tảng truy xuất nguồn gốc nông sản	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ Thông tin và Truyền thông
21	Nền tảng hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa	Bộ Y tế	Bộ Thông tin và Truyền thông
22	Nền tảng Hỗ trợ tư vấn sức khỏe từ xa	Bộ Y tế	Bộ Thông tin và Truyền thông
23	Nền tảng hồ sơ bệnh án điện tử	Bộ Y tế	Bộ Thông tin và Truyền thông
24	Nền tảng quản lý xét nghiệm	Bộ Y tế	Bộ Thông tin và Truyền thông
25	Nền tảng quản lý tiêm chủng	Bộ Y tế	Bộ Thông tin và Truyền thông
26	Nền tảng quản lý trạm y tế	Bộ Y tế	Bộ Thông tin và Truyền thông
27	Nền tảng dữ liệu số lao động, việc làm và an sinh xã hội	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bộ Thông tin và Truyền thông
28	Nền tảng dữ liệu số du lịch	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Thông tin và Truyền thông
29	Nền tảng bảo tàng số	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Thông tin và Truyền thông
30	Nền tảng trợ lý ảo cá nhân	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành, địa phương
31	Nền tảng bản đồ số	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bộ Thông tin và Truyền thông
32	Nền tảng địa chỉ số	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Xây dựng
33	Nền tảng phát thanh số	Đài Tiếng nói Việt Nam	Bộ Thông tin và Truyền thông

<b>TT</b>	<b>Loại nền tảng</b>	<b>Cơ quan chủ trì điều phối phát triển</b>	<b>Cơ quan phối hợp</b>
34	Nền tảng truyền hình số	Đài Truyền hình Việt Nam	Bộ Thông tin và Truyền thông
35	Nền tảng số khác	Bộ Thông tin và Truyền thông chủ động đánh giá, bổ sung, cập nhật Danh mục nền tảng số quốc gia phù hợp thực tế	Các bộ, ngành, địa phương

### Phụ lục III

## **CÁC CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg ngày tháng năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ)*

### **1. Chương trình tuyên truyền về phát triển kinh tế số và xã hội số**

#### **1.1. Mục tiêu:**

Tuyên truyền rộng rãi trong xã hội, tới từng cơ quan, doanh nghiệp, từng hộ gia đình và từng người dân về phát triển kinh tế số và xã hội số.

#### **1.2. Nội dung, nhiệm vụ chính:**

a) Giải thích một cách đơn giản, trực quan, sáng tạo, dễ hiểu về thể chế, chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế số và xã hội số.

b) Giới thiệu về các nền tảng số quốc gia đã được đánh giá, lựa chọn, giới thiệu chức năng, tính năng, phổ biến kỹ năng khai thác sử dụng, lợi ích mang lại.

c) Giới thiệu các mô hình triển khai thành công điển hình ở các địa phương, doanh nghiệp trên toàn quốc, kinh nghiệm quốc tế.

d) Hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến và các dịch vụ số cơ bản trên môi trường số.

đ) Hướng dẫn sử dụng các dịch vụ an toàn thông tin mạng cơ bản, tự bảo vệ dữ liệu cá nhân trên môi trường số.

e) Hình thành và phát triển các kênh tư vấn, hỏi đáp về kinh tế số và xã hội số, hỗ trợ người dân sử dụng nền tảng số, dịch vụ số và công nghệ số.

#### **1.3. Kênh tuyên truyền:**

VTV, VOV và các cơ quan truyền thông, báo chí ở Trung ương và địa phương, hệ thống truyền thanh cơ sở, mạng xã hội.

#### **1.4. Tổ chức thực hiện**

a) Cơ quan chủ trì: UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Bộ Thông tin và Truyền thông và các bộ, ngành.

b) Bộ Tài chính bố trí ngân sách thường xuyên phân bổ cho các cơ quan Trung ương để triển khai Chương trình. Dự kiến kinh phí từ ngân sách Trung ương: 35 tỷ.

**1.5. Tiến độ triển khai:** hàng năm, giai đoạn 2021-2025.

## **2. Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số**

### **2.1. Mục tiêu**

#### *a) Mục tiêu chung:*

Hỗ trợ thúc đẩy chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, các hợp tác xã, hộ sản xuất, hộ kinh doanh cá thể (sau đây gọi chung là doanh nghiệp) dựa trên các nền tảng số xuất sắc để tối ưu hoá hoạt động, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực và lợi thế cạnh tranh, tạo ra các giá trị mới cho doanh nghiệp.

#### *b) Mục tiêu cụ thể:*

- Đến năm 2025 tối thiểu 50% doanh nghiệp nhỏ và vừa đang hoạt động của từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được sử dụng nền tảng số của Chương trình để chuyển đổi số.

- Hàng năm có ít nhất 10% doanh nghiệp nhỏ và vừa của từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tham gia áp dụng Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp để đánh giá, xác định mức độ chuyển đổi số của doanh nghiệp.

### **2.2. Nội dung, nhiệm vụ chính**

a) Phát triển và vận hành Cổng thông tin Chương trình tại địa chỉ SMEdx.vn; Xây dựng tiêu chí và tổ chức đánh giá, lựa chọn, công bố lên Cổng các nền tảng số xuất sắc cho chuyển đổi số doanh nghiệp tham gia Chương trình; cung cấp thông tin về các hoạt động của Chương trình, cung cấp kiến thức, tin tức về chuyển đổi số cho các doanh nghiệp.

b) Khảo sát, phân nhóm các doanh nghiệp nhỏ và vừa theo ngành nghề, lĩnh vực hoạt động và quy mô doanh nghiệp và nhu cầu chuyển đổi số của các doanh nghiệp.

c) Xây dựng các tài liệu đào tạo, hướng dẫn chuyển đổi số cho doanh nghiệp theo ngành, lĩnh vực, giai đoạn và nghiệp vụ.

d) Tổ chức triển khai các khóa đào tạo, tập huấn về kỹ năng số, chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa: Hỗ trợ 100% chi phí các khóa đào tạo trực tuyến (qua các ứng dụng học trực tuyến có sẵn) về kỹ năng số, chuyển đổi số có tương tác cho doanh nghiệp nhỏ và vừa với quy mô khóa học không quá 50 người và 40 tiết học.

đ) Hình thành và tổ chức điều phối mạng lưới chuyên gia, đơn vị tư vấn về chuyển đổi số cho doanh nghiệp: xây dựng tiêu chí, quy chế và tổ chức điều phối hoạt động của mạng lưới; tuyển chọn, đào tạo nâng cao năng lực cho các chuyên gia; hỗ trợ 100% chi phí để mỗi năm tổ chức ít nhất 5 khóa đào tạo nâng cao cho



chuyên gia (khóa 5 ngày × 30 người); xây dựng nền tảng số kết nối các doanh nghiệp với mạng lưới chuyên gia.

e) Xây dựng và triển khai Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số, trở thành số của doanh nghiệp để dùng chung trên cả nước; xây dựng và vận hành hệ thống nền tảng đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp; tổ chức triển khai đánh giá xác định chỉ số chuyển đổi số cho các doanh nghiệp.

g) Tổ chức triển khai các chiến dịch truyền thông cho Chương trình để tạo sự lan tỏa và kết nối; Xây dựng các chương trình, tài liệu, clip, ấn phẩm truyền thông về chuyển đổi số doanh nghiệp; Tổ chức các hội nghị, hội thảo, truyền thông về chuyển đổi số, kinh tế số, kỹ năng số, dịch vụ số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; tổ chức khen thưởng, vinh danh các doanh nghiệp ứng dụng tiên phong chuyển đổi số, các chuyên gia tư vấn giỏi và các nền tảng số xuất sắc.

### **2.3. Tổ chức thực hiện**

a) Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các bộ và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng và triển khai Chương trình.

b) Bộ Tài chính bố trí ngân sách thường xuyên phân bổ cho các cơ quan Trung ương để triển khai Chương trình. Dự kiến kinh phí từ ngân sách Trung ương: 70 tỷ.

c) UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng kế hoạch cụ thể và bố trí nguồn lực để phối hợp tham gia triển khai cùng Chương trình do Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn.

**2.4. Tiến độ triển khai:** Tổ chức triển khai hàng năm, từ 2021 - 2025.

## **3. Chương trình hỗ trợ hộ sản xuất nông nghiệp, hộ kinh doanh cá thể chuyển đổi số, lên sàn thương mại điện tử**

### **3.1. Mục tiêu**

a) Hỗ trợ phổ cập kỹ năng số, đưa các hộ nông dân, hộ kinh doanh cá thể ở nông thôn “lên sàn”, ứng dụng công nghệ số, khai thác các dịch vụ số trên Internet, đặc biệt là các sàn thương mại điện tử để mở rộng kênh phân phối nông sản, lựa chọn được các vật tư, nguyên liệu, cây con giống chất lượng, giá cả phù hợp, nâng cao thu nhập của các hộ nông dân và hộ kinh doanh cá thể nông thôn.

b) Nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, xây dựng thương hiệu, nâng cao năng lực cạnh tranh cho nông, lâm, thủy sản của địa phương.

c) Góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế số địa phương và kinh tế số lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, thu hẹp khoảng cách số giữa khu vực nông thôn và thành thị thông qua việc đẩy mạnh giao dịch điện tử trên Internet.

### **3.2. Nội dung, nhiệm vụ chính**

- a) Lựa chọn các sản phẩm thương mại điện tử Việt Nam, điều kiện phù hợp tham gia Chương trình.
- b) Khảo sát, thu thập thông tin về nông sản, mùa vụ, sản lượng, chất lượng, giá cả và các thông tin khác phục vụ kiểm soát chất lượng, truy xuất nguồn gốc, triển khai các chiến dịch phân phối, tiêu thụ sản phẩm vào các cao điểm thu hoạch.
- c) Xây dựng và triển khai các khóa tập huấn, chương trình đào tạo kỹ năng số cho các hộ nông dân, hộ kinh doanh cá thể và người dân.
- d) Xây dựng, tổ chức đội ngũ chuyên gia và triển khai các hoạt động tư vấn, hỗ trợ các hộ dân, hộ kinh doanh cá thể lên mạng, bán nông lâm thủy sản của mình và mua các vật tư, cây con giống, cũng như sử dụng các dịch vụ công trực tuyến và các dịch vụ số hữu ích trên Internet.
- đ) Triển khai hỗ trợ chuyển đổi số toàn diện cho một số hộ nông dân, hộ kinh doanh cá thể làm điển hình theo từng loại nông, lâm, thủy sản để tạo mô hình mẫu thành công điển hình cho các hộ dân khác học tập.
- e) Xây dựng các tiêu chí và lựa chọn các doanh nghiệp cung cấp vật tư, nguyên phụ liệu, cây con giống tốt lên sàn để cung cấp cho các hộ dân.
- g) Xây dựng các tiêu chí và lựa chọn các doanh nghiệp cung cấp các nền tảng số phục vụ chuyển đổi số chuỗi cung ứng nông nghiệp, công cụ máy móc nông nghiệp thông minh để đưa lên sàn, giới thiệu với các hộ dân.
- h) Triển khai các nền tảng IOTs giám sát sản xuất, sâu bệnh, đo đạc các chỉ số để cảnh báo sớm nguy cơ về thời tiết, môi trường và các chỉ số khác, đồng thời giám sát bảo đảm nông sản sạch, phục vụ truy xuất nguồn gốc, xây dựng thương hiệu địa phương về nông sản sạch và chất lượng.
- i) Triển khai các hoạt động truyền thông, hội thảo, hội nghị cho Chương trình để tạo sự lan tỏa và kết nối.

### **3.3. Tổ chức thực hiện**

- a) Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp cùng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng và triển khai Chương trình.
- b) UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng kế hoạch cụ thể và bố trí nguồn lực để phối hợp tham gia triển khai cùng Chương trình của Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhằm hỗ trợ các hộ dân trên địa bàn.
- c) Bộ Tài chính bố trí ngân sách thường xuyên phân bổ cho các cơ quan Trung ương để triển khai Chương trình. Dự kiến kinh phí từ ngân sách Trung ương: 50 tỷ.

### **3.4. Tiến độ triển khai:** hàng năm, từ 2021 - 2025.

## **4. Chương trình hỗ trợ cửa hàng bán lẻ, hộ kinh doanh bán lẻ chuyển đổi số**

#### **4.1. Mục tiêu**

Hỗ trợ thúc đẩy các cửa hàng bán lẻ, hộ kinh doanh buôn bán thực hiện chuyển đổi số dựa trên các nền tảng số phù hợp để tối ưu hóa hoạt động, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

#### **4.2. Nội dung, nhiệm vụ chính**

a) Lựa chọn các nền tảng số xuất sắc cho chuyển đổi số các hợp tác xã, hộ kinh doanh, các cửa hàng bán lẻ tham gia Chương trình; Các nền tảng số được lựa chọn cần hỗ trợ các hợp tác xã, hộ kinh doanh, các cửa hàng bán lẻ ứng dụng công nghệ thông tin, viễn thông và thiết bị đầu cuối di động để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, vận chuyển, phân phối, quản lý bán hàng, chăm sóc duy trì khách hàng và truyền thông quảng cáo. Khuyến khích việc ứng dụng công nghệ thông tin để tạo dựng các mô hình liên kết, bao gồm liên kết bán hàng, chăm sóc khách hàng và truyền thông quảng cáo để nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh.

b) Xây dựng và triển khai các khóa tập huấn, chương trình đào tạo kỹ năng số, chuyển đổi số cho các hợp tác xã, hộ kinh doanh, các cửa hàng bán lẻ.

c) Xây dựng và triển khai các hoạt động tư vấn, hỗ trợ các hợp tác xã, hộ kinh doanh, các cửa hàng bán lẻ chuyển đổi số.

d) Triển khai hỗ trợ chuyển đổi số toàn diện cho một số hợp tác xã, hộ kinh doanh, cửa hàng bán lẻ điển hình theo từng ngành, lĩnh vực để tạo mô hình mẫu thành công điển hình về chuyển đổi số.

đ) Thúc đẩy phát triển các nền tảng số, phù hợp với quy mô, ngành nghề các hợp tác xã, hộ kinh doanh, các cửa hàng bán lẻ.

e) Triển khai các hoạt động truyền thông cho Chương trình để tạo sự lan tỏa và kết nối.

#### **4.3. Tổ chức thực hiện**

a) Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp cùng Bộ Công Thương xây dựng và triển khai Chương trình.

b) UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng kế hoạch cụ thể và bố trí nguồn lực để phối hợp tham gia triển khai cùng Chương trình của Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Công Thương nhằm hỗ trợ cửa hàng bán lẻ, hộ kinh doanh buôn bán trên địa bàn.

c) Bộ Tài chính bố trí ngân sách thường xuyên phân bổ cho các cơ quan Trung ương để triển khai Chương trình. Dự kiến kinh phí từ ngân sách Trung ương: 60 tỷ.

**4.4. Tiến độ triển khai:** hàng năm, từ 2021 - 2025.

**5. Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát và logistic chuyển đổi số.**

### **5.1. Mục tiêu**

Thúc đẩy phát triển kinh tế số ngành bưu chính, chuyển phát, vận tải và logistics. Đẩy nhanh việc chuyển đổi số trong doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát, vận tải và logistics dựa trên các nền tảng số xuất sắc để tối ưu hóa hoạt động, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực và lợi thế cạnh tranh, tạo ra các giá trị mới cho doanh nghiệp.

### **5.2. Nội dung, nhiệm vụ chính**

- a) Lựa chọn các nền tảng số xuất sắc cho chuyển đổi số các doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát, vận tải và logistics tham gia Chương trình.
- b) Xây dựng và triển khai các khóa tập huấn, chương trình đào tạo kỹ năng số, chuyển đổi số cho doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát, vận tải và logistics.
- c) Xây dựng, tổ chức đội ngũ chuyên gia và triển khai các hoạt động tư vấn, hỗ trợ cho các doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát, vận tải và logistics thực hiện chuyển đổi số.
- d) Triển khai hỗ trợ chuyển đổi số toàn diện cho một số doanh nghiệp điển hình theo từng ngành, lĩnh vực để tạo mô hình mẫu thành công điển hình về chuyển đổi số.
- đ) Thúc đẩy phát triển các nền tảng số, phù hợp với quy mô, ngành nghề và giai đoạn phát triển của doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát, vận tải và logistics.
- e) Triển khai các hoạt động truyền thông, hội thảo, hội nghị cho Chương trình để tạo sự lan tỏa và kết nối.

### **5.3. Tổ chức thực hiện**

- a) Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì xây dựng và triển khai Chương trình.
- b) Tổng công ty Bưu điện Việt Nam (VNPost) và Tổng công ty Bưu chính Viettel (ViettelPost) và một số doanh nghiệp Bưu chính hàng đầu xây dựng kế hoạch cụ thể và bố trí nguồn lực để triển khai Chương trình do Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng.
- c) Bộ Tài chính bố trí ngân sách thường xuyên phân bổ cho các cơ quan Trung ương để triển khai Chương trình. Dự kiến kinh phí từ ngân sách Trung ương: 60 tỷ.

**5.4. Tiến độ triển khai:** hàng năm, từ 2021 - 2025.

## **6. Chương trình đào tạo kỹ năng số cho công chức, viên chức, doanh nghiệp và người dân**

### **6.1. Mục tiêu**

Đào tạo phổ cập và nâng cao kỹ năng số cho người dùng cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động theo từng nhóm nghề nghiệp theo hình thức trực tuyến qua nền tảng (MOOC).

## **6.2. Nội dung, nhiệm vụ chính**

- a) Đào tạo kiến thức, kỹ năng số, chuyển đổi số, kinh tế số cho cán bộ lãnh đạo, công chức, viên chức và người lao động các cơ quan, đơn vị nhà nước từ cấp xã trở lên.
- b) Đào tạo công nghệ số cho đội ngũ cán bộ công nghệ thông tin, kỹ thuật, nhân sự chuyên trách làm công tác chuyển đổi số.
- c) Đào tạo tập huấn, nâng cao kiến thức, kỹ năng lãnh đạo số, quản lý chuyển đổi số cho người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, lãnh đạo điều hành các doanh nghiệp.
- d) Đào tạo kỹ năng số, chuyển đổi số, kinh tế số cho người lao động trong doanh nghiệp.
- đ) Đào tạo kỹ năng số, chuyển đổi số, kinh tế số cho các hộ dân, hợp tác xã và doanh nghiệp nhỏ và vừa.
- e) Xây dựng bộ khung các yêu cầu kỹ năng của từng nhóm nghề nghiệp mới, đào tạo lại, đào tạo mới kỹ năng cho lực lượng lao động có nguy cơ mất hoặc thay đổi việc làm trong quá trình ứng dụng tự động hóa Robotics và công nghệ số vào sản xuất.

## **6.3. Tổ chức thực hiện**

- a) Cơ quan chủ trì: các bộ, cơ quan Trung ương; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Bộ Thông tin và Truyền thông.
- b) Bộ Tài chính bố trí ngân sách thường xuyên phân bổ cho các cơ quan Trung ương để triển khai Chương trình. Dự kiến kinh phí từ ngân sách Trung ương: 60 tỷ. UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bố trí ngân sách để triển khai tại địa phương.
- c) Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức giám sát, đánh giá về chất lượng đào tạo ngắn hạn về kỹ năng số, công nghệ số, chuyển đổi số.

**6.4. Tiến độ triển khai:** hàng năm, giai đoạn 2021-2025.

## **7. Chương trình phát triển mạng lưới chuyên gia, tổ chức tư vấn kinh tế số, xã hội số và chuyển đổi số doanh nghiệp**

### **7.1. Mục tiêu**

Hình thành và duy trì hoạt động hiệu quả Mạng lưới chuyên gia tư vấn kinh tế số và chuyển đổi số doanh nghiệp làm lực lượng nòng cốt thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số trên toàn quốc.

Phát triển được mạng lưới 1.000 chuyên gia tư vấn làm lực lượng nòng cốt thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số trên toàn quốc.

### **7.2. Nội dung, nhiệm vụ chính**

- a) Xây dựng các tiêu chí chuyên gia và khung chương trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên gia tư vấn kinh tế số, xã hội số, chuyển đổi số cho doanh nghiệp.
- b) Xây dựng mô hình tổ chức mạng lưới, quy chế hoạt động và tổ chức điều phối hoạt động của mạng lưới.
- c) Tổ chức khảo sát, chọn lựa các chuyên gia, đơn vị tư vấn tham gia mạng lưới; tổ chức hoạt động, duy trì và phát triển mạng lưới chuyên gia tư vấn, hỗ trợ chuyển đổi số, hoạt động kinh tế số cho doanh nghiệp.
- d) Hỗ trợ, tổ chức các hoạt động, duy trì và phát triển mạng lưới chuyên gia tư vấn kinh tế số, xã hội số và hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp.
- đ) Tổ chức các hội thảo chuyên gia chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số cấp quốc gia, địa phương, ngành lĩnh vực để tăng cường hợp tác chia sẻ thông tin, hình thành và phát triển đội ngũ chuyên gia.

### **7.3. Tổ chức thực hiện**

- a) Cơ quan chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
- b) Bộ Tài chính bố trí ngân sách thường xuyên phân bổ cho các cơ quan Trung ương để triển khai Chương trình. Dự kiến kinh phí từ ngân sách Trung ương: 50 tỷ.

**7.4. Tiến độ triển khai:** hàng năm, giai đoạn 2021-2025.

## **8. Triển khai Đề án thí điểm xây dựng một số đại học số**

### **8.1. Mục tiêu**

Thí điểm triển khai ít nhất 05 trường Đại học số đào tạo chuyên ngành công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông, an toàn, an ninh mạng.

### **8.2. Nội dung, nhiệm vụ chính**

- a) Xây dựng, ban hành hướng dẫn Mô hình thí điểm đại học số.
- b) Xây dựng, ban hành Bộ tiêu chí đại học số.
- c) Xây dựng, ban hành thí điểm cơ chế đặc biệt áp dụng cho các cơ sở giáo dục đại học đã được công nhận đạt tiêu chí đại học số theo từng cấp độ.
- d) Lựa chọn một số đại học đào tạo chuyên ngành công nghệ thông tin, máy tính, điện tử - viễn thông, tự động hóa, kỹ thuật truyền thông, an toàn, an ninh mạng và các chuyên ngành công nghệ số và kỹ thuật số để thí điểm xây dựng đại học số, ưu tiên các đại học có năng lực đào tạo mạnh về công nghệ số; Cho phép các đại học hoạt động theo cơ chế tự chủ về tài chính có cơ chế đặc thù để sử dụng kinh phí đầu tư xây dựng đại học số.
- đ) Tổ chức đánh giá, công nhận các đại học đạt tiêu chuẩn đại học số theo cấp độ. Hướng dẫn cho phép các đại học số được áp dụng các cơ chế đặc biệt phù hợp cấp độ đại học số đạt được.

e) Tổ chức các hội thảo, hội nghị, truyền thông; Đánh giá, hoàn thiện mô hình; tổ chức nhân rộng.

e) Hợp tác với các viện, trường đại học quốc tế để chia sẻ môn học, giảng viên, khai thác các lợi thế khi áp dụng công nghệ số, đại học số; Hợp tác nghiên cứu và phát triển công nghệ, đặc biệt là những công nghệ mới, công nghệ lõi.

### **8.3. Tổ chức thực hiện**

a) Cơ quan chủ trì: Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Thông tin và Truyền thông; Các trường đại học tham gia thí điểm.

b) Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế sử dụng nguồn kinh phí tự chủ của đại học để đầu tư xây dựng đại học số; bố trí ngân sách thường xuyên phân bổ cho các cơ quan Trung ương để triển khai Chương trình. Dự kiến kinh phí từ ngân sách Trung ương: 35 tỷ.

**8.4. Tiến độ triển khai:** hàng năm, giai đoạn 2021-2025.

## **9. Chương trình dạy và học về kỹ năng số và STEM/STEAM trong giáo dục tiểu học và phổ thông**

### **9.1. Mục tiêu**

Đến năm 2025, 50% các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến phổ thông trung học áp dụng mô hình giáo dục STEAM/STEAM.

### **9.2. Nội dung, nhiệm vụ chính**

a) Triển khai chương trình thúc đẩy áp dụng mô hình giáo dục STEAM/STEAM tại tất cả các cơ sở giáo dục từ mầm non đến phổ thông trung học.

b) Đưa nội dung phổ cập kỹ năng số vào chương trình giảng dạy tất cả các lớp từ cấp tiểu học đến trung học phổ thông.

c) Sửa đổi, bổ sung chương trình đào tạo tin học trong trường phổ thông để chuyên mạnh sang đào tạo kỹ năng số, chuyển đổi số, biết và khai thác các dịch vụ số trực tuyến.

d) Truyền thông mạnh mẽ, phát động phong trào triển khai giáo dục STEM/STEAM, lập trình robotics trên toàn quốc.

đ) Tổ chức tập huấn, đào tạo đội ngũ giáo viên STEM/STEAM bảo đảm nắm vững kỹ năng số, có khả năng giảng dạy về STEM/STEAM, lập trình robotics.

e) Đầu tư trang thiết bị để các nhà trường có các phòng học với các trang thiết bị phù hợp và đủ robot để phục vụ giảng dạy và học tập.

g) Thực hiện đào tạo, tập huấn về kỹ năng số, về giáo dục STEM/STEAM, lập trình robotics; hướng nghiệp để học sinh có các kỹ năng sẵn sàng cho môi trường số. Khuyến khích các cơ sở giáo dục phối hợp với các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đào tạo tin học, STEAM, robotic để triển khai các khóa đào tạo cho học sinh theo hướng xã hội hóa.

h) Tổ chức các kỳ thi từ cấp trường đến quốc gia về giáo dục STEM/STEAM và lập trình robotic.

i) Triển khai các nhiệm vụ liên quan khác được phê duyệt trong Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

### **9.3. Tổ chức thực hiện**

a) Cơ quan chủ trì: Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Thông tin và Truyền thông; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

b) Đơn vị thực hiện: Các trường tiểu học và phổ thông trong cả nước.

c) Bộ Tài chính bố trí ngân sách thường xuyên phân bổ cho các cơ quan Trung ương để triển khai Chương trình. Dự kiến kinh phí từ ngân sách Trung ương: 50 tỷ. UBND cấp tỉnh, cấp huyện bố trí kinh phí để các trường học triển khai thực hiện.

### **9.4. Tiến độ triển khai**

a) Giai đoạn 2021-2022: Thí điểm tại một số địa phương.

b) Giai đoạn 2023-2025: Mở rộng quy mô từng năm, đến năm 2025 đạt mục tiêu phổ cập đến 50% các trường trên cả nước.